

# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
 Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
 Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bảo

Xà luận

## Chính quyền cộng sản chọn giải pháp đàn áp tại Tây Nguyên

Gần bốn tháng sau các cuộc biểu tình của đồng bào thuộc các sắc tộc thiểu số tại Gia Lai, Đắc Lắc và Kontum, người ta có lý do để tin rằng chính quyền cộng sản đã chọn giải pháp đàn áp.

Phát ngôn viên nhà nước không loại trừ khả năng sẽ giải tòa và trừng phạt một số đồng người bị coi là đã tham gia tổ chức các cuộc biểu tình trong khi một sự sáng suốt tối thiểu cũng đủ để chính quyền cộng sản hiểu là phải chọn giải pháp hòa dịu. Tệ hơn nữa, chính quyền cộng sản còn đưa công an vào sâu trong lãnh thổ Căm Pu Chia truy lùng. Giải pháp của chính quyền cộng sản có thể tóm lược là mập mờ trong lời nói nhưng thẳng tay trong hành động.

Đồng bào sắc tộc Tây Nguyên không phải đã nổi loạn, họ đã chỉ biểu tình để phản đối một chính sách vô nhân đạo đẩy họ tới chỗ cùng cực, thậm chí chết đói. Các đòn điên cà phê được thành lập ngày càng nhiều, đưa Việt Nam lên vị thứ nước xuất cảng cà phê thứ ba trên thế giới mà không có một biện pháp trợ cấp thỏa đáng nào cả cho những đồng bào thiểu số mất đất canh tác. Thêm vào đó quyền tự do tôn giáo của họ cũng bị vi phạm thô bạo. Nhiều mục sư Tin Lành đã bị giam giữ, sau khi bị đánh đập tàn nhẫn ngay trước mắt tín đồ giữa lúc đang hành lễ. Khi đã bị đẩy tới tận cùng của sự nghèo đói và ngay cả niềm an ủi tâm linh cũng bị cấm đoán thì phản ứng vừa qua của đồng bào sắc tộc phải được coi là rất ôn hòa. Một chính quyền có tinh thần trách nhiệm phải coi đó là một báo động và phải mừng rỡ rằng đã không có

bạo loạn và đổ máu.

Tại sao chính quyền cộng sản có thể mù quáng như vậy?

Trước hết sự tàn ác đối với các sắc tộc ít người nằm trong nền tảng lý thuyết của mọi chủ nghĩa tập thể nói chung và đặc biệt là chủ nghĩa cộng sản. Lý do rất giản dị: khi mục đích không phải là để phục vụ con người mà chỉ là phục vụ xã hội thì những thành phần không có lợi cho xã hội không còn lý do tồn tại và phải bị đào thải. Chính sách diệt chủng nằm trong bản chất của mọi chủ nghĩa lấy xã hội làm cốt cán duy nhất, dù là quốc xã, phát xít hay cộng sản. Các lý thuyết gia của chủ nghĩa xã hội, bắt đầu từ Marx và Engels đã từng thẳng thắn tuyên bố là trong xã hội cộng sản tương lai không có chỗ đứng cho những dân tộc thiểu số chậm tiến. George Bernard Shaw còn kêu gọi các nhà khoa học phát minh ra một "hơi độc nhân đạo" để giải quyết vấn đề một cách mau chóng.

Đó là lý thuyết, còn trên thực tế? Người ta đã thấy Hitler thẳng tay tiêu diệt người Do Thái, các chế độ cộng sản thẳng tay tiêu diệt giai cấp địa chủ, chế độ cộng sản Việt Nam cũng không khác. Trong chính quyền cộng sản xô viết đầu tiên, bộ sắc tộc được trao cho con người hung bạo nhất, Stalin, với hậu quả là hàng chục triệu người đã bị lưu đày và một tỷ lệ đáng kể thiệt mạng. Đó đã là nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến tại Chechnya hiện nay.

Tại Việt Nam, ngoài những lý do nội tại của một chủ nghĩa cộng sản hấp hối, còn phải kể đến sự thiếu ý thức cố hữu về

các cộng đồng dân tộc của người Việt Nam nói chung. Đất nước ta tuy có mấy ngàn năm lịch sử nhưng thực ra là một quốc gia mới. Một nửa đất nước mới mở ra từ bốn thế kỷ nay trong đó chúng ta liên tục tiếp nhận những đóng góp mới về đất đai và chủng tộc. Biển giới của chúng ta thực ra cũng chỉ ổn vững từ hơn một thế kỷ. Tuy vậy tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của ta vẫn chỉ được quan niệm như chỉ có một sắc tộc, sắc tộc Kinh. Đến lúc chúng ta phải khẩn cấp tìm ra một ý thức mới về quốc gia Việt Nam. Quốc gia ấy không thể được xây dựng trên một chủng tộc mà phải được quan niệm như một tình cảm, một không gian liên đới và một dự án tương lai chung.

Mọi người Việt Nam yêu nước phải nói với Đảng Cộng sản: "Hãy dừng tay! Như thế đã là quá lầm rồi!".

Những người đối lập với chế độ cộng sản sẽ làm nếu coi đây chỉ là một hành động thô bạo khác của chính quyền cộng sản, càng làm nếu mừng rằng hành động thô bạo này sẽ chỉ có tác dụng cô lập thêm đảng cộng sản. Những hận thù chủng tộc có sức sống rất mãnh liệt và dai dẳng. Các chế độ bạo ngược gây ra tội ác nhưng các chính quyền dân chủ sau đó sẽ phải trả giá, như chúng ta đang thấy tại Nga.

Chế độ cộng sản Việt Nam là một ngoặc đòn đang khép lại nhanh chóng, lương tâm và sự sáng suốt buộc chúng ta ngay từ bây giờ bày tỏ sự cảm thông và hỗ trợ với các sắc tộc bị đàn áp.

**Thông Luận**

# Não trạng Công giáo Hồ Nai ?

Nguyễn Gia Kiểng

"Cả hai là những nhân vật nổi tiếng với những hoạt động chống cộng. Linh mục Nguyễn Văn Lý hồi tháng 2 đã gửi thư kêu gọi quốc hội Mỹ dừng thông qua hiệp định thương mại với Việt Nam vì lý do nhân quyền, và sau đó đã bị quản chế tại thôn Truyền Nam từ ngày 26-2. Hành động chính trị của Linh mục Nguyễn Văn Lý không mấy sáng suốt và chứng tỏ náo loạn "Công giáo Hồ Nai", "ăn thua đủ với cộng sản" vẫn còn tồn tại trong giáo hội Kitô Rôma ở Việt Nam. Thực ra, xu hướng cực đoan và xuẩn động này chỉ còn là thiểu số trong giáo hội. Nếu nhìn vấn đề ở khía cạnh thuận túy chính trị, chính quyền chỉ cần phô biến rộng rãi lập trường của tu sĩ này, tự nó sẽ có lập ông. [...] Sự thật, chính quyền thừa biết rằng các nhà hoạt động Công giáo và Phật giáo kể trên chỉ đại diện một thiểu số trong giáo hội và tín đồ" (Diễn đàn, số 108, tháng 6-2001).

Tôi rất ngại khi trích dẫn một vài câu hay một vài đoạn của một bài viết rồi dựa vào đó mà phê phán. Một câu viết bị tách ra khỏi toàn văn có thể thay đổi hẳn ý nghĩa. Nhưng lần này tôi nghĩ có thể làm việc đó. Hai đoạn trên khá độc lập, khá rõ rệt và không bị đồi nghĩa khi trích dẫn. Hai đoạn trên trích từ bài xã luận của báo *Điển đản - Forum*, phát hành tại Paris, số 108, tháng 6-2001 với tựa đề "Đàn áp tôn giáo: những tiếng thở dài".

Tôi xin chú thích thêm cho rõ nghĩa là hai nhân vật được đề cập tới trong đoạn đầu là hòa thượng Thích Quảng Độ và linh mục Nguyễn Văn Lý. Khác với thường lệ, bài xã luận của *Điển đản* không ký tên một người mà ký tên "Điển đản". Bài xã luận này không bênh vực chính sách đàn áp tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nó nêu ra những thắc mắc về cách ứng xử vụn vặt về của đảng cộng sản và kết luận là Đảng Cộng sản nên lắng nghe "những tiếng thở dài" của các đảng viên trước nguyên nhân chính đưa tới cách ứng xử vụn vặt đó là sự hiểu lầm câu nói nổi tiếng "tôn

giáo là thuốc phiện của nhân dân" của Marx mà lần này nhóm *Điển đản* đã trích dẫn đầy đủ hơn. Sự hiểu lầm này dẫn đến những ngộ nhận không căn cứ đối với các tôn giáo, nguyên nhân của chính sách đàn áp.

Bài xã luận này làm tôi ngạc nhiên. Ít khi có nhiều sai lầm trầm trọng trong một bài viết như vậy, nhất là khi bài báo lại là tác phẩm chung của những trí thức tự coi, và một phần nào đó cũng được coi, là có trình độ cao.

Nguyễn Văn Lý và Quảng Độ là những nhân vật nổi tiếng chống cộng? Mỗi từ ngữ có ý nghĩa chiết tự nhưng cũng có ý nghĩa do di sản của một thời đại để lại. Hai tiếng "chống cộng" vẫn được dùng để chỉ một thái độ hận thù tiêu cực đối với người cộng sản và chủ nghĩa cộng sản, một sự chống đối do thành kiến và bản năng chử không nhân danh một mục tiêu đúng đắn nào. Nó là một cái mủ dùn để chụp lên đầu những người mà ta muốn dư luận đánh giá là thiểu cận và quá khích. *Điển đản* không thể không biết như vậy.

Trước năm 1975 không ai biết đến Nguyễn Văn Lý. Ngay cả việc ông bị bỏ tù không xét xử nhiều năm sau đó cũng rất ít người biết tới. Một số người bị giam chung với ông ở trại Ba Sao (Hà Nam Ninh), trong đó có nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, đánh giá ông là một người thực thà, tốt bụng và rất có nhân cách. Ông đã chỉ được biết tới từ cuối năm 2000 khi ông cùng với khoảng một trăm giáo dân của họ đạo bé nhỏ Nguyệt Biều chống lại việc chiếm đoạt một miếng đất rộng khoảng 5.000 mét vuông của nhà thờ. Không có vụ miếng đất này thì dư luận sẽ chẳng bao giờ biết đến Nguyễn Văn Lý. Từ gần mười năm nay ông dạy tin học miễn phí cho nhiều thanh niên, trong đó một số khá lớn là con em cán bộ đảng viên cộng sản, như ông đã từng nói với chức sắc cộng sản địa phương: "Tôi với quí vị không có vấn đề, con em quí vị đều là học trò của tôi cả, hãy cứ để chính quyền cấp trên giải quyết". Một con người như thế

không thể đánh giá là "chống cộng" được.

Hành động phản kháng của ông có lý do chính đáng vì tài sản của họ đạo nghèo của ông đã bị chiếm đoạt. Nên hiểu rằng giáo xứ này nằm trong một trong những vùng nghèo khổ nhất đất nước. Ở đó một tấc đất là một tấc vàng, 5000 mét vuông đất là tất cả tài sản của họ đạo, là đất để giáo dân cùng canh tác lấy lợi tức để bảo trì nhà thờ và sinh hoạt với nhau. Chính vì thế mà Nguyễn Văn Lý đã phản ứng mạnh và toàn thể giáo dân đã ủng hộ ông. Có thể là Nguyễn Văn Lý đã phản ứng với sự giận dữ, nhưng nếu như thế thì cũng dễ hiểu thôi. Con giun xéo mãi cũng quằn. Đã bị giam cầm vô cớ trong năm năm trời, bây giờ chấp nhận sống yên trong cái giáo xứ nhỏ bé này cũng không yên, như vậy chẳng còn gì để mất nữa. Những "biên bản" và "lời kêu gọi" liên tiếp của ông chứng tỏ một cuộc tranh đấu của ông không có một chuẩn bị nào cả, rõ ràng chúng chỉ là những tiếng nói thịnh nộ của một người ít hiểu biết về chính trị, không có chuẩn bị và cũng không có cả thời giờ để viết cho mạch lạc. Đó là một người phản nổ bị bất ngờ hoàn toàn và chỉ chống lại bằng vũ khí duy nhất là sự dùng cám. Dù phản ứng của Nguyễn Văn Lý có thể vụng về dưới mắt một số người, nó vẫn là phản ứng của lè phái, lương tâm và khí phách.

Và sự dùng cám của Nguyễn Văn Lý thì quả là đáng phục, nhất là trong một đất nước mà sự sợ hãi là nền tảng. Việc ông không chấp nhận thi hành lệnh quản chế là hoàn toàn đúng. Lệnh này chiếu theo nghị định ác ôn 31/CP mà cả thế giới lên án và một nhóm đông đảo trí thức Hà Nội đã tố giác công khai là vi hiến. Nguyễn Văn Lý hoàn toàn có lý khi chống lại một nghị định thô bạo và bất hợp pháp. Có lý và đáng phục vì ông đã dám một mình thách thức với cả một bộ máy đàn áp.

Hòa thượng Quảng Độ lại càng không thể bị đánh giá là "chống cộng". Trước năm 1975, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất mà ông là tổng

thư ký, theo lập trường phản chiến, không những không chống cộng mà còn chống lại cuộc chiến tranh chống cộng. Mặc dầu vậy, sau 1975 ông đã trải qua hơn mười năm tù tội và lưu đày chỉ vì không chấp nhận một áp đặt không thể chấp nhận được là giải tán Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Quảng Độ là vị chân tu, một người hiền lành. Ông đã có rất nhiều lý do để thù ghét cộng sản. Sư phụ ông bị giết một cách dã man ngay trước mắt ông. Bản thân ông đã bị bỏ tù và lưu đày, đã nhìn thấy chính mẹ mình bị chết vì thiếu thốn trong cảnh lưu đày, đã bị sách nhiễu và cõi lập, rồi lại bị bỏ tù chỉ vì đi cứu trợ nạn nhân bão lụt. Tuy vậy lúc nào ông cũng khoan dung và từ tốn, kêu gọi hòa giải dân tộc. Quảng Độ không chống ai cả, chế độ cộng sản chống ông chứ ông không chống cộng. Quảng Độ đã có hành động "chống cộng" nào? Đi cứu trợ đồng bào bị bão lụt? Đi đón hòa thượng Huyền Quang đã 83 tuổi, đã mẫn hạn lưu đày từ năm nay, đang bệnh nặng không người chăm sóc?

Sự khẳng định chắc chắn rằng các vị này chỉ đại diện cho một thiểu số trong cả giáo hội lân đồn của họ thì hoặc là quá chủ quan, hoặc là hùa theo đảng cộng sản một cách thiếu thận trọng. Quả thực là Hội đồng Giám mục Giáo hội Công giáo Việt Nam đã giữ im lặng trong vụ này. Nhưng Hội đồng Giám mục đã luôn luôn giữ im lặng trong mọi trường hợp, như khi giám mục Nguyễn Kim Điện bị bắt giam hay khi dòng Đồng Công bị tịch thu và các linh mục bị bỏ tù. Hội đồng Giám mục chưa bao giờ lên tiếng cả chứ không phải chỉ có lần này. Nhưng không lên tiếng không có nghĩa là không bất bình, lại càng không có nghĩa là tản thành. Còn tín đồ Công giáo? Từ năm 1975 tới nay chưa bao giờ một tu sĩ Công giáo bị bắt giam mà gây sôi nổi trong giới tu sĩ và giáo dân bằng lần này. Đây là một sự kiện hoàn toàn mới. Nếu không nhận ra điều này thì cũng không có lý do gì để nói Nguyễn Văn Lý chỉ có một thiểu số ủng hộ.

Khẳng định chắc chắn này càng lỗ lảng trong trường hợp hòa thượng Quảng Độ. Ông được ủng hộ hoàn toàn trong

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, trừ khi *Diễn đàn* cho rằng chỉ có giáo hội do đảng cộng sản thành lập mới xứng đáng được gọi là giáo hội. Như vậy thì chẳng còn gì để thảo luận cả. Còn tín đồ Phật giáo? Chắc chắn là cũng còn nhiều tăng sĩ, kể cả một số vị trong giáo hội do nhà nước thành lập, được Phật tử kính trọng nhưng Quảng Độ chắc chắn là một trong những vị được kính trọng nhất. Không có người Phật tử nào không phẫn nộ trước những biện pháp thô bạo đối với ông.

Trái hẳn với khẳng định của *Diễn đàn*, đảng cộng sản không "thừa biết" rằng các vị này chỉ có được một thiểu số ủng hộ đâu. Họ thừa biết điều ngược lại, chính vì vậy mà họ đàm áp. Họ cùng đàm áp vì phản xạ toàn trị và vì sự đị ứng tự nhiên của mọi chế độ độc tài đối với xã hội dân sự chứ không phải vì Nông Đức Mạnh và Lê Minh Hương không đọc kỹ những gì Marx đã viết. Ngoài ra, đến lúc này mà vẫn còn lý sự rằng Marx đã viết như thế này chứ không phải như thế kia để hy vọng ảnh hưởng tới chính sách của nhà nước cộng sản Việt Nam thì quả là khôi hài và bi đát.

*Diễn đàn* đánh giá hành động của Nguyễn Văn Lý là "xuẩn động" khi ông kêu gọi quốc hội Mỹ đừng thông qua hiệp ước thương mại Việt-Mỹ. Nên khiêm tốn và nhã nhặn một chút. Tôi chưa bao giờ cõi vò cho chủ trương cô lập Việt Nam, trái lại. Nhưng những áp lực kinh tế không phải là bao giờ cũng có chỉ có những hiệu quả tiêu cực. Chúng cùng đã từng khuất phục được tập đoàn kỳ thị chủng tộc Nam Phi, chế độ quân phiệt Suharto tại Indonesia và nhiều chế độ độc tài bạo ngược khác. Theo tôi, Nguyễn Văn Lý không hề nuôi ảo tưởng rằng tiếng nói của ông có thể làm thay đổi chính sách của Mỹ, ông đã chỉ muốn bằng một tiếng thét phản nô nhắc nhở Hoa Kỳ đừng quên đặt vấn đề nhân quyền trong những thỏa hiệp với Việt Nam mà thôi, và nếu hiểu như thế thì Nguyễn Văn Lý không "thiểu số" và xuẩn động chút nào.

Những khẳng định chắc chắn và cao ngạo như vậy là một xúc phạm lớn đối với những người, ít ỏi, ở trong nước còn dám ngẩng cao đầu trước bạo quyền. Nhưng còn một xúc phạm lớn khác

không thể chấp nhận được, và lần này không phải đối với một vài cá nhân mà đối với cả một tập thể. Đó là khi *Diễn đàn* đồng hóa thái độ, mà họ cho là "xuẩn động" của linh mục Nguyễn Văn Lý, với cái mà họ gọi một cách khinh bỉ là "não trạng Công giáo Hố Nai". Đồng bào Hố Nai liên hệ gì tới vụ này? Tại sao lại kéo họ vào đây để mỉa mai họ như là biểu tượng của sự "xuẩn động"?

Nhóm *Diễn đàn* biết gì về Hố Nai, ngoài một số thành kiến đã quá lỗi thời, chỉ chứng tỏ một sự thiếu hiểu biết đáng buồn? Hay đó chỉ là tàn dư của các mặc cảm tự cao và "giai cấp" của những "trí thức khoa bảng" đối với bọn "nhà quê thất học"?

Nếu có những thành phần dân tộc mà ta có thể tự hào thì đồng bào Hố Nai là một. Họ đã tiến bộ về mọi mặt trong một thời gian kỷ lục. Năm 1954 họ là những người dân quê mùa đến từ miền Bắc với hai bàn tay trắng được đỡ xuống một khu rừng hoang, đại đa số không biết đọc không biết viết, không một ai học hết trung học, đại đa số chưa hề tiếp xúc với văn minh thành thị. Năm 1974 tôi trở lại Hố Nai và ngờ ngàng vì sự tiến bộ. Hố Nai trở thành một thị trấn trù phú, con người đổi xù bặt thiệp, thanh niên thanh nữ có học thức và trang nhã. Năm 1980, sau khi di cải tạo về, tôi lại thường lui tới Hố Nai và lại ngạc nhiên hơn nữa. Ở đó hầu như không có nghiệp ngập, trộm cắp, trình độ học vấn trung bình cao hơn hẳn Sài Gòn, tuyệt đối không có mài dâm, đời sống kinh tế cũng khá hơn hẳn, nhà đất Hố Nai có giá không kém Sài Gòn. Người Hố Nai đã lập một thành tích đáng phục là họ đã làm giàu được ngay dưới chế độ cộng sản mặc dù không móc ngoặc, nhưng họ còn làm được một việc đáng phục hơn là giữ được niềm vui và nếp sống có văn hóa trong một xã hội tan rã. Từ ngày rời khỏi nước tôi vẫn còn liên lạc với Hố Nai. Hố Nai vẫn tiến, và ngày nay là một trong một vài vùng lành mạnh nhất của đất nước.

Tôi tôn trọng quyền phát biểu ý kiến của mọi người, nhưng tôi không quan niệm quyền tự do phát biểu là quyền nói bất cứ gì về bất cứ ai. Anh em *Diễn Đàn* nên xét lại nào trạng của chính mình. Chắc là phải có một cái gì không ổn.

**Nguyễn Gia Kiêng**

# Các ủy viên bộ chính trị và đại biểu quốc hội hiện tại có thể lập kỳ công cứu nước và cứu Đảng nếu...

Tôn Thất Thiên

Sau đại hội IX của Đảng Cộng sản vừa qua, một số chuyên gia và nhứt là doanh nhân ngoại quốc xoa tay khoái trá, hí hồn cho rằng tình hình Việt Nam sẽ được cải thiện ngay như họ mong muốn vì có thay đổi lớn trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng. Nhưng họ đã làm to. Sau mấy chục năm đập đầu vào vách họ vẫn chưa hiểu rằng Đảng Cộng sản Việt Nam là một tổ chức sinh hoạt theo nguyên tắc quyết định tập thể và tuyệt đối phủ nhận cá nhân: đường lối, chính sách mà mọi đảng viên, từ cao nhất đến thấp nhất, phải chấp nhận và thi hành căn cứ trên những cương lĩnh đã được thông qua tại các đại hội.

Cương lĩnh quy định chính sách và hành động mà tất cả các cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước và toàn dân Việt Nam phải tôn trọng và thi hành trong năm nǎm, nếu không nói là mươi nǎm tới, đã được Đảng thông qua trong đại hội IX tháng 4 vừa rồi. Nó vẫn là một cương lĩnh phản động cản đường tiến của đất nước, nhưng nó sẽ có giá trị cho đến khi được một đại hội khác sửa đổi hay thay thế nó. Do đó, không vì ông Nông Đức Mạnh nắm chức vị tổng bí thư, và bộ chính trị mới không gồm Lê Khả Phiêu và bè phái của ông ta nữa, mà đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ đổi thay ngay.

Trong điều kiện nêu trên, tình hình sẽ vẫn bị kẹt như trong mấy chục năm qua. Trừ phi có hai chuyển biến sau đây: 1/ các ủy viên bộ chính trị mới sẽ lợi dụng tình thế mới để lấy những quyết định cần thiết nhằm sửa đổi cương lĩnh. 2/ các đại biểu quốc hội mới xử dụng quyền hiến định của mình để tu chỉnh Hiến pháp tạo điều kiện cho những cải tổ cần thiết.

## Sửa đổi cương lĩnh

Tuy cương lĩnh hiện tại gò bó, nhưng nó có thể sửa đổi hay thay thế được. Những ủy viên bộ chính trị mới có thể làm việc này được. Địa vị của họ, cùng sự tụt hàng của nhóm Lê Khả Phiêu và những phần tử phản động vây quanh ông này, và sự bùng tinh đang nhóm lên

của một số thành phần trung ương Đảng gây hy vọng, tuy là một hy vọng rất nhỏ, rằng họ có thể thực hiện được những sự cải tổ cần thiết cho đất nước này. Việc này không làm ngay được, nhưng trong tương lai, trong đại hội tới, trong năm nǎm nữa, hay trong một đại hội đặc biệt, triệu tập trong hai năm rưỡi tới, họ có khả năng làm việc này nếu thực sự họ có ý chí cải tổ và có tinh thần yêu nước đủ cao và can đảm để lấy những quyết định táo bạo.

Tất nhiên, việc trên đây phải được chuẩn bị kỹ càng. Những người trách nhiệm phải cứu xét, cân nhắc tầm quan trọng và thứ tự ưu tiên của mỗi biện pháp, để biết phải đưa cái gì ra trước, cái gì ra sau, và hậu quả sẽ ra sao. Phần khác, họ phải vận động các ủy viên trung ương để được đa số ủng hộ những đề nghị họ đưa ra. Và để ăn chắc về điểm này, họ phải thu xếp thế nào để trong đại hội, hay đại hội đặc biệt tới, họ sẽ có đủ đa số để đề nghị họ được thông qua. Việc này họ có thể làm được vì họ là nhóm có uy thế trong bộ chính trị, có khả năng tuyển chọn đại biểu các đại hội tới trong những thành phần tiến bộ ... Ngoài ra, họ phải có một sự hợp tác chặt chẽ của các đại biểu quốc hội. Và đây là điều kiện căn bản thứ hai để tạo ra một thế mới mở đường cho cải tổ.

## Vai trò trọng yếu của đại biểu quốc hội trong tình trạng mới

Tầm quan trọng của vai trò của các đại biểu Quốc hội được ghi rõ trong chương VI của hiến pháp Việt Nam năm 1992. Theo điều 83 của hiến pháp này, quốc hội là "cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Hơn nữa, quốc hội là "cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp". Theo điều 84, quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn "làm hiến pháp và sửa đổi hiến pháp". Phần khác, theo chương XII, điều 146, hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của nhà nước, "có hiệu lực pháp lý cao nhất", và

"mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với hiến pháp". Cuối cùng, theo điều 147 của hiến pháp, "Chỉ có quốc hội mới có quyền sửa đổi hiến pháp". [Tác giả chép đậm]

Những điều trên đây cho thấy rõ rằng nếu bộ chính trị hiện nay mở đường cho một số ứng cử viên tiến bộ vào quốc hội, thì hiến pháp tu chỉnh được để quốc hội và chính phủ có thể áp dụng những chính sách cải tổ thật sự được.

Tu chỉnh hiến pháp là quyết định tiên quyết để quốc hội có thể làm đúng vai trò "cơ quan đại diện cao nhất" của nhân dân, và "cơ quan quyền lực cao nhất" của nhà nước Việt Nam. Trong tu chỉnh này sẽ xoá bỏ những khoản dành cho Đảng Cộng sản và Mặt trận Tổ quốc những quyền đặc biệt đặt các tổ chức đó trên quốc hội, như Đảng Cộng sản, hoặc ngang hàng với quốc hội, như Mặt trận Tổ quốc. Cụ thể, các đại biểu mới phải xoá bỏ điều 4 và điều 6 liên quan đến Đảng Cộng sản, và điều 9 và điều 111 liên quan đến Mặt trận Tổ quốc.

Theo điều 4, Đảng Cộng sản được công nhận là "lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội", và theo điều 6, quốc hội phải hoạt động "theo nguyên tắc tập trung dân chủ", nghĩa là ngược với nguyên tắc đa số bình thường được áp dụng trong các thể chế dân chủ thật sự. Theo điều 9, Mặt trận Tổ quốc được công nhận là "cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân ... cùng nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích nhân dân.... giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước". Theo điều 111, chủ tịch ủy ban trung ương Mặt trận đó lại còn có quyền "được mời tham dự các phiên họp của chính phủ khi bàn các vấn đề có liên quan". Các điều trên đây cho Mặt trận uy quyền nhiều hơn cả quốc hội, vì nó được giám sát cả đại biểu quốc hội. Ngoài ra, như ta biết, theo luật lệ hiện hành, việc lựa chọn các ứng cử viên vào quốc hội là một đặc quyền của Mặt trận.

(Xem tiếp trang 31)

## Quản chế HT Thích Quảng Độ là một biện pháp vi luật

Theo nhật báo Sài Gòn Giải Phóng, số ra ngày 2 tháng 6 vừa qua, Ủy Ban Nhân Dân phường 15, quận Phú Nhuận thuộc thành phố Sài Gòn, ngày mồng 1 tháng 6 đã tới Thanh Minh Thiền Viện ở quận này để tổng đat quyết định quản chế Hòa Thượng Quảng Độ tại Thanh Minh Thiền Viện, trong thời hạn từ ngày tổng đat cho đến ngày 3 tháng 9 năm 2003.

Trước đó, bàu không khí giữa Giáo Hội PGVNTN và chính quyền đã căng thẳng khi Hòa Thượng Quảng Độ, nhân dịp đầu Xuân Canh Thìn, phổ biến lời kêu gọi dân chủ hóa Việt Nam, mà dư luận cả trong lân ngoài nước đã hưởng ứng mạnh mẽ. Sau đó, Hòa Thượng còn gửi một bức thư ngỏ nhầm thông báo cho các nhà lãnh đạo chính quyền biết việc Hòa Thượng quyết định dẫn một phái đoàn phật tử ra miền Trung, đón Đại lão Hòa Thượng Huyền Quang, Quyền Tăng Thống của Giáo Hội, vào Sài Gòn chữa bệnh. Hai vấn kiện này, tuy ôn hòa và lịch sự ở hình thức bên ngoài, nhưng qua nội dung ở bên trong, không thể là gì khác hơn một mũi tấn công chia thẳng vào chính quyền. Biết rõ điều đó, Hòa Thượng Quảng Độ sẵn sàng chờ đợi những phản ứng khốc liệt từ phía những người mình chống đối.

Tuy nhiên, trong cuộc đụng độ trực diện này, trước áp lực của dư luận quốc tế chống đàn áp tôn giáo, Hà Nội đã tìm cách tránh dòn, mặc dù không thể không tỏ bày thái độ cứng rắn, để giữ thể diện của những người cầm quyền.

Hà Nội đã tri tinh không đem những hành động mới mà họ coi là bất hợp pháp của Hòa Thượng Quảng Độ ra để làm đối tượng xử lý. Hà Nội chỉ mở lại hồ sơ cũ, liên quan tới một vụ việc đã xảy ra cách đây gần 6 năm, vụ việc đã có phán quyết của tòa án với hiệu lực nhất định. Nhưng có lẽ Hà Nội không ngờ rằng chính vì vậy mà Hà Nội đã phải trả một giá đắt, để đổi lấy một biện pháp vô hiệu hóa, trong một thời hạn ngắn, một nhân vật chống đối đầy uy tín quốc tế là Hòa Thượng Quảng Độ.

Thật vậy, khác với trường hợp cha Nguyễn Văn Lý, trong đó nhà cầm quyền có thể quản chế bằng Nghị Định 31/CP, với Hòa Thượng Quảng Độ thì quản chế là một hình phạt bổ sung, không có tính cách hành chính, chỉ có tính cách hình sự. Do đó quyền định đoạt có quản chế hay không quản chế, thuộc về Tòa Án năm 1998 đã thụ lý hồ sơ và xét xử Hòa

Thượng Quảng Độ, chứ không thuộc về Ủy Ban Nhân Dân.

Về điểm này, vấn đề cần đặt ra là định xem việc đặc xá đã có những hiệu lực pháp lý nào đối với việc chấp hành hình phạt của Hòa Thượng Quảng Độ?

Hiến Pháp 1992, điều 103, quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước là "công bố quyết định đại xá" và "quyết định đặc xá". Trong bộ Luật Hình Sự năm 2000, sửa đổi bộ Luật Hình sự năm 1985, nơi điều 57 đoạn 2, người ta đọc thấy rằng "*người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt nếu được đại xá hoặc đặc xá*". Như vậy, trong khuôn khổ vụ án Đặng Phúc Tuệ đã xử năm 1995, việc năm 2001 có quản chế hay không quản chế Hòa Thượng Quảng Độ - pháp danh của cụ Đặng Phúc Tuệ - vẫn phải do Tòa án định đoạt, chính quyền địa phương chỉ là những người thi hành hình phạt do Tòa án án định mà thôi. Vì nó là một vấn đề hình sự, không phải là một vấn đề chính trị hay hành chính, cho nên phải giải quyết trên cơ sở quy phạm pháp lý.

Ở đây một mặt cần phân biệt đặc xá với đặc xá, mặt khác, xác định hiệu lực pháp lý của quyết định số 103/1998/QDD/CTN ngày 6.6.1998 của Chủ tịch nước Trần Đức Lương đặc xá Hòa Thượng Quảng Độ. Đại xá (amnesty) là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt đi đôi với xóa án còn đặc xá (pardon) là miễn chấp hành hình phạt mà không xóa án. Ngoài ra, còn phải xét xem đặc xá miễn chấp hành tất cả mọi hình phạt đã tuyên, nghĩa là cả hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung hay chỉ giới hạn vào hình phạt chính mà thôi? Trong luật lệ hình sự Việt Nam, không có sự trong sáng nhờ có nhiều học thuyết, nhiều án lệ để mong dứt khoát về tầm hiệu lực của đặc xá đối với hình phạt. Bởi vậy phải mượn ánh sáng của luật hình sự so sánh, và căn cứ vào bản văn của quyết định đặc xá, để làm sáng tỏ vấn đề. Dưới góc độ nhìn này, người ta có cơ sở vững chắc để khẳng định rằng, quyết định số 103/1998/QDD-CTN ngày 6.6.1998 của ông Trần Đức Lương, đặc xá Hòa Thượng Quảng Độ, là một quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt, gồm có hình phạt chính là bị giam giữ trong nhà tù, và hình phạt bổ sung, là bị quản chế tại địa phương.

Điều cho phép khẳng định như vậy là sự kiện bản văn của quyết định nói trên đã quả quyết rằng người được đặc xá "không còn nguy hiểm cho an ninh quốc gia,

chính trị và trật tự xã hội", ngoài ra còn thỏa mãn một điều kiện khác nữa, là đã thi hành được một phần ba bản án. Cách giải thích này rất phù hợp với thực tế vì ngay sau khi được đặc xá, trở về nơi cư ngụ của mình, Hòa Thượng Quảng Độ không hề thấy chính quyền địa phương đặt vấn đề tiếp tục chấp hành hình phạt bổ sung quản chế. Sự im lặng này có nghĩa là hình phạt bổ sung đã được quyết định đặc xá mặc nhiên miễn chấp hành tiếp. Thêm vào đó thực tế đã minh nhiên xác nhận đã chấp hành xong cho nên chính quyền địa phương mới không nói gì đến chuyện chấp hành nữa. Vả lại quản chế, tự bản thân nó, không phải là một hình phạt hình sự chính danh dùng để trừng trị. Nó chỉ là một biện pháp an ninh phụ trợ, có tính cách phòng ngừa, nhằm cách ly với xã hội một phần tử nguy hiểm. Một khi phần tử ấy được nhìn nhận là hết nguy hiểm thì cũng không còn nhu cầu phải cách ly nó với xã hội nữa. Đó chính là trường hợp Hòa Thượng Quảng Độ.

Chính quyền Hà Nội có thể có cách giải thích rộng rãi khác, có lợi cho mình hơn là cho người phải chịu hình phạt. Nhưng ngay như thế nữa, thì chính quyền địa phương cũng không thể thay thế Tòa án để lấy quyết định quản chế như các trường hợp cha Nguyễn Văn Lý hay Tiến sĩ Nguyễn Xuân Tụ mà phải để cho tòa án mở lại hồ sơ, và lấy quyết định theo quy phạm pháp lý. Rất có thể là tòa án sẽ theo lệnh đảng mà quyết định quản chế Hòa Thượng Quảng Độ. Nhưng vẫn phải để cho tòa án nhận trách nhiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Dân chúng, dư luận quốc tế sẽ căn cứ vào quyết định này để đánh giá mức độ độc lập của thẩm phán trong chế độ cộng sản đương hành tại Việt Nam.

Ủy Ban Nhân Dân phường 15, quận Phú Nhuận đã áp dụng một biện pháp vi luật khi Ủy Ban này tự cho mình thẩm quyền thay Tòa án, để gọi là (trích dẫn) "*phục hồi*" (hết trích dẫn) một phán quyết có hiệu lực một vụ việc đã xử rồi, dù xử một cách đặc biệt vì Chủ tịch nước đã dùng đặc quyền hiến định để can thiệp.

Các cấp trên của Ủy Ban Nhân Dân địa phương lạm quyền này nên điều chỉnh lại, càng sớm càng tốt, tình trạng vi luật do địa phương tạo ra, bằng cách trả lại ngay tự do cho Hòa Thượng Quảng Độ, để giảm nhẹ một phần nào tội ác vi phạm nhân quyền ngày càng chồng chất của một chính quyền chưa tỉnh mộng toàn trị đã lỗi thời □

Trần Thanh Hiệp

# Thư ngỏ gửi đồng chí tổng bí thư Nông Đức Mạnh

Trần Khuê - Nguyễn Thị Thanh Xuân

LTS: Xin giới thiệu với độc giả bức thư ngỏ rất hay của hai đảng viên nhằm chất vấn giới lãnh đạo và đòi hỏi dân chủ.

Thành phố Hồ Chí Minh,  
ngày 7-5-2001

Thưa đồng chí kính mến !

Chúng tôi gửi lời trân trọng chúc mừng nhân dịp đồng chí được đại hội IX của Đảng ta giao phó một trọng trách mới. Đó là một niềm vinh dự nhưng đồng thời cũng là một trách nhiệm quá nặng và quá lớn đối với đồng chí trong giai đoạn cách mạng đầu thế kỷ này của đất nước.

Thế là ngọn cờ dân chủ hóa đất nước từ tay đồng chí Lê Khả Phiêu được chuyển sang tay đồng chí. Chúng tôi hy vọng đồng chí sẽ phát cao hơn nữa, mạnh hơn nữa ngọn cờ thiêng liêng này.

Sau vụ 165 xã ở Thái Bình nổi dậy chống cường hào tham nhũng, bộ chính trị Lê Khả Phiêu đã nhận thấy cần phải khẩn trương dân chủ hóa đất nước nên đã ban hành Qui chế dân chủ hóa cơ sở. Qui chế này đã thực hiện trong hơn 2 năm qua và đạt được một số kết quả, nhưng nhiều cơ sở còn thực hiện một cách hời hợt, hình thức nên nhiều vấn đề mâu thuẫn trong đời sống xã hội chưa giải quyết được.

Một dẫn chứng cụ thể : khi nhân dân phường 15 quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh - phát hiện chủ đầu tư xây dựng công hợp là sở giao thông công chính thành phố có dấu hiệu tham nhũng liền tố chung nhau kiểm tra với sự chỉ đạo của một đồng chí đảng viên cán bộ ưu tú. Việc "dân kiểm tra" phát hiện sự tham nhũng bao tử là có thật, đáng lẽ phải được biểu dương nhưng chi ủy của Phường lại bắt đồng chí đảng viên ưu tú phải kiểm điểm về việc đã "cầm đầu" nhân dân đấu tranh, làm hại uy tín của cơ quan nhà nước. Như thế là khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" kể từ sau đại hội VI vẫn được hô đều trên các diễn đàn và trên báo chí, truyền hình; Qui chế dân chủ hóa cơ sở cứ việc ban hành, nhưng với danh nghĩa bảo vệ uy tín, thể diện cho cơ quan nhà nước -

với danh nghĩa giữ vững an ninh chính trị, "ổn định" xã hội, người ta vẫn ngang nhiên bao che và chạy tội cho bọn tham nhũng. Tình hình chiếm đoạt đất đai, đền bù giải tỏa không thích đáng làm thiệt hại cho dân mà dân không thể kêu hoặc kêu mà không có nơi xét hết sức phô biến ở các địa phương. Năm đoàn kiểm tra liên ngành của chính phủ rầm rộ kéo về những địa phương nóng nhất để giải quyết tình hình nhưng khi các đoàn đã rút về, giao các vụ việc khiếu kiện lại cho địa phương giải quyết thì hầu như đâu lại hoài đấy.

Chẳng có "thượng phuơng bảo kiếm" nào được vung lên cả. Tham nhũng vẫn hoành hành, dân vẫn bị ức hiếp. Vì thế, chúng ta lại kinh hoàng trước vụ nổi dậy của đồng bào Thượng ba tỉnh Tây Nguyên và những vụ việc lẻ tẻ ở vùng núi phía Bắc. Đành rằng có kẻ xấu kích động, nhưng chúng ta cũng phải nghiêm khắc tự kiểm điểm xem trong 25 năm qua mình đã giải quyết đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ra sao. Dân bị mất đất, mình không nghiêm khắc kịp thời xử lý giải quyết; giá cà phê rót, mình không lo đầu ra, hàng chục tỉ tiền xóa đói giảm nghèo và xây dựng hạ tầng cơ sở của miền núi mình lại giao cho một lù ăn cắp, một lù cướp ngày, thử hỏi làm gì mà không loạn. Dân đã được an cư lạc nghiệp, sống trong tự do hạnh phúc, thử hỏi liệu kẻ nào xúi giục kích động nổi ?

Vừa rồi, do có một số vụ việc về an ninh quốc phòng, trung ương ta đã ký luật khiển trách đồng chí bộ trưởng quốc phòng và đồng chí tổng tham mưu trưởng; nhưng trung ương lại chưa thi hành kỷ luật đối với đồng chí bộ trưởng công an và một vài bộ trưởng khác có liên đới đến các vụ việc về an ninh chính trị. Như thế cũng là chưa công bằng. Và kỷ luật đối với đồng chí Phạm Văn Trà, đồng chí Lê Văn Dũng chỉ mới ở mức khiển trách cũng là quá nhẹ. Nếu như roi trên đầu nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phải là truyền đơn mà là

bom thì các đồng chí tính sao ? Nếu nhân dân không phải chỉ nỗi dậy bằng tay không mà lại bằng vũ khí thì các đồng chí tính sao ? Mất cảnh giác một cách thật đáng sợ !

Chúng ta làm hỏng, làm sai rất nhiều việc nhưng khi kiểm điểm lại chỉ nhận là do "buông lỏng lãnh đạo", "buông lỏng quản lý". Nhân dân giao cho các đồng chí quyền lãnh đạo, quyền quản lý đất nước mà lại "buông lỏng" thế thì lãnh đạo quản lý cái gì ? Tất cả mọi tổn thất, thiệt hại, cuối cùng đều trút lên đầu nhân dân. Thế mà có những đồng chí đã không biết lỗi, biết tội của mình lại còn nói với nhân dân bằng một cái giọng rất ngạo mạn, vô lễ. Sao các đồng chí kiêu ngạo này lại không biết nhìn ra các nước xem lòng tự trọng và ý thức trách nhiệm của họ khi được giao quyền lực là như thế nào. Ở bên Nga, chỉ hai cái tàu biển xô vào nhau, bộ trưởng bộ hải quân đã vội vàng đứng ra nhận lỗi và nộp đơn xin từ chức; chỉ một thanh niên Mỳ cưỡi máy bay thể thao đáp được xuống Hồng trường mà bộ trưởng quốc phòng cũng xin từ chức ngay. Nói ngay như Ấn Độ, chỉ 2 đoàn xe lửa xô vào nhau, thế là bộ trưởng bộ đường sắt cùng nộp đơn xin từ chức. Thế mới biết chúng ta còn nhu nhược thật !

Ăn cơm mới nói chuyện cũ, đồng chí thống đốc ngân hàng Cao Sí Kiêm để thất thoát hàng chục ngàn tỉ đồng lại được nhẹ nhàng chuyển sang làm phó ban kinh tế trung ương. Dư luận xôn xao mãi mới đem ra "khiển trách" rồi lại đợi đến tận đại hội IX mới cho hạ cánh an toàn. Ngay giữa thủ đô, hết vụ chợ Đồng Xuân cháy, đến vụ Khánh Trắng, Phúc Bồ lại đến vụ đất dai ở đè Yên Phụ, vụ thủy cung Thăng Long và bao nhiêu vụ tai trời khác, đồng chí bí thư thành ủy Phạm Thế Duyệt không những đã không bị kỷ luật lại còn được thăng lên làm ủy viên thường vụ bộ chính trị, ngang nhiên ký quyết định khai trừ hết người nợ đến người kia, kể cả những người khiếu nại tố cáo tội lỗi của mình, ngang

nhiên ký 19 điều cấm, tước hẵn quyền công dân của hơn 2 triệu đảng viên. Những người này không biết tự trọng đã đành, nguy nhất là kỷ cương phép nước không còn ra sao. Khi hiến pháp, luật pháp đã bị chà đạp một cách trắng trợn đến mức đó thử hỏi làm sao xã hội lại không loạn ?

Thưa đồng chí,

Chúng tôi trân trọng kiến nghị : với cương vị cao cả và quyền lực mạnh mẽ nhất của mình, đồng chí hãy kiên quyết đổi mới thể chế chính trị của ta. Chỉ có đổi mới thể chế chính trị mới có thể giữ vững được chế độ chính trị.

Hiện nay, chế độ chính trị của chúng ta không phải là xã hội chủ nghĩa, điều đó đã rõ như ban ngày. Nhưng nó cũng chẳng phải là phong kiến, cũng chẳng phải là tư bản, nó là một thứ pha tạp không biết gọi tên là gì cho đúng. Đây chính là chỗ yếu của chúng ta khiến cho những người làm lý luận quốc doanh cứ ẩn núp để ngụy biện. Ai cũng ra rả tụng những câu được gọi là kinh điển của Lênin "có lý luận cách mạng mới có phong trào cách mạng" mà có bao giờ chịu lý luận cho nghiêm chỉnh. Mà lý luận nghiêm chỉnh sao được khi người ta không nghiên cứu thực tiễn một cách nghiêm chỉnh. Có thứ lý luận áp dụng cho phương Tây thì được chứ áp dụng cho phương Đông và nhất là Việt Nam mình sao được. Vừa qua, thủ tướng Chu Dung Cơ, một cây lý luận, một cây cải cách có bản lĩnh lớn của Trung Quốc cũng phải thú nhận rằng nếu bảo tôi phải chứng minh sự ưu việt của chủ nghĩa xã hội thì tôi không làm nổi. Còn ủy viên thường vụ bộ chính trị Lý Thụy Hoàn, chủ tịch Chính Hiệp Trung Quốc (tương đương như chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) trong một buổi nói chuyện với Đảng bộ Thượng Hải đã phải nói trắng ra rằng : "Thủ hỏi các đồng chí ngồi đây ai đã đọc chủ nghĩa Mác và những ai đã hiểu chủ nghĩa Mác. Phải nói thẳng rằng chúng ta chẳng ai hiểu chủ nghĩa Mác, chúng ta chỉ lừa dối nhau thôi". Những điều đó không chỉ đúng với Trung Quốc mà cũng đúng với Việt Nam chúng ta - chỉ có điều cùng một gầu một duopic như nhau nhưng họ thì dám nói thật với nhau, còn ta thì không dám. Một thời người ta dám nói

"bắt kẻ mèo trăng mèo đen miền là bắt được chuột" thì giới lý luận, giới tuyên huấn của mình không biết nếp té ra sao chỉ một mục lén tiếng phỉ báng, báo chí cũng hùa theo phỉ báng.

Chúng tôi cũng thông cảm với bộ chính trị và trung ương mỗi người phụ trách một ban, một ngành, một địa phương, thì giờ đâu mà nghiên cứu. Những điều mà các đồng chí học được ở trường Đảng trong nước hay các trường Đảng cao cấp ở nước ngoài cách vài ba chục năm đều đã bị đòi sống thực tế vượt qua. Trông cậy vào giới nghiên cứu lý luận thì phần đông đều giáo điều, bảo thủ, một số ít dám đổi mới lý luận thì bị chụp cho cái mủ "chống quan điểm của Đảng" nên thường bị loại hoặc đành im miệng.

Cái nguy của chúng ta là nhiều nghị quyết mang nặng tính giáo điều bảo thủ của một nhóm người làm lý luận soạn thảo sau đó lại biến thành nghị quyết của bộ chính trị, của trung ương, thế thì ai còn dám cãi với trung ương với bộ chính trị ? Cứ ra sức bảo nhau "đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống", thực hiện liền dăm năm mới thấy là sai, thậm chí có những nghị quyết đến vài chục năm mới phát hiện ra là sai. Họ có biết đâu rằng phải đưa cuộc sống vào nghị quyết thì nghị quyết mới có giá trị thực tiễn và khi trở lại đời sống mới có tác dụng tốt. Mà ngay khi đã có một nghị quyết đúng và tốt rồi thì với thể chế chính trị hiện tại và với một bộ máy cồng kềnh chồng chéo, chúng ta cũng không tài nào thực hiện được để đạt hiệu quả mong muốn. Mệnh lệnh cao nhất của thủ tướng, người đứng đầu ngành hành pháp mà còn không thực thi được thì nghị quyết nào có thể trông chờ ở sự tự giác tuân theo?

Chuyện gần đây nhất ai cũng thấy là chính phủ Phan Văn Khải quyết tâm thực thi Luật doanh nghiệp mà quốc hội ta đã thông qua. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển là một việc làm vừa phù hợp với qui luật, vừa thích hợp với thực trạng kinh tế của đất nước và thế giới. Thế mà riêng một việc thực hiện bỏ các "giấy phép con" cũng trầy trật hàng năm không xong. Ban thanh tra của tỉnh, ban kiểm tra của huyện, đội quản lý thị trấn của phường xã, chưa kể các tổ công an kinh tế lúc

nào cũng có thể "thăm hỏi sức khỏe" các doanh nghiệp. Không "lót tay" thì rất rầy rà mà "lót tay" cho đủ thì còn gì là lời lai để tiếp tục kinh doanh. Một hiện tượng kỳ quái là hàng giả thì tràn ngập thị trường, còn hàng thật thì bị gây khó dễ có khi bị ách lại. Phân hóa học của doanh nghiệp 19-8 ở Hải Phòng đã được Viện Khoa học Hình sự của bộ công an giám định là phân thật, đúng như mẫu đã đăng ký, bộ phận kiểm định của sở công nghệ Hải Phòng cũng xác nhận như thế. Nhưng công an quận Kiến An, một cấp thấp hơn cả Tỉnh và bộ dứt khoát không cho hàng xuất khỏi doanh nghiệp. Thế nghĩa là thế nào ? Chúng ta trải qua bao nhiêu đấu tranh mới giành được chính quyền và xây dựng bộ máy nhà nước của chúng ta. Thế mà trên bão, dưới không nghe. Đúng như nhân dân đã từng nhận xét và đúc kết : dưới lộng quyền, trên bất lực.

Chúng tôi đã nhiều lần quan sát đồng chí điều khiển các buổi họp của quốc hội. Nhìn nét mặt đầy ưu tư của đồng chí, chúng tôi cảm thông được nỗi băn khoăn và khổ tâm của đồng chí. Lãnh đạo và quản lý bộ máy quyền lực cao nhất của đất nước (theo văn bản hiến pháp qui định) thế mà đồng chí không thể thực thi đúng quyền lực của mình. Đồng chí hiểu rõ chỉ thị 31/CP do đồng chí Võ Văn Kiệt ký là vi phạm hiến pháp; 19 điều cấm đảng viên do đồng chí Phạm Thế Duyệt ký là vi phạm hiến pháp, và nhiều thứ văn bản trái Luật, trái hiến pháp khác, đồng chí vẫn phải làm ngo. Vì tiền lệ thế nào thì hậu lệ vẫn cứ phải thế thôi. Đồng chí Lê Quang Đạo chỉ sau khi rời chức vụ chủ tịch quốc hội mới dám nói lên một sự thật : quốc hội chỉ là bộ máy giơ tay. Đồng chí Trần Độ sau khi rời chức vụ Phó chủ tịch quốc hội cũng mới dám nói lên một sự thật : chúng ta đang thực hiện chế độ Đảng trị, quyền lực của Đảng trên cả quốc hội, trên cả hiến pháp và pháp luật. Chúng tôi cũng hiểu rất rõ rằng trong thâm tâm những người cộng sản Việt Nam chân chính, chẳng ai muốn thực hiện chế độ Đảng trị, độc tài, chuyên chế. Các đồng chí đều thương yêu nhân dân, chẳng ai muốn đè đầu cưỡi cổ nhân dân. Nhưng cũng phải khách quan mà nhận định rằng các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ đã rất sai lầm,

phần nào hoa mắt lên vì chiến thắng, phần khác chịu ảnh hưởng nặng nề từ tưởng của Stalin, Mao một cách không tự giác, nên nhiều lúc sai làm một cách cung rất không tự giác. Tư tưởng của các đồng chí ấy cũng pha tạp tư tưởng phong kiến Tống nho của triều Nguyễn rất nặng. Cùng là đồng chí với nhau, có điều gì không nên không phải thì đóng cửa lại bảo ban nhau. Có gì lại loại trừ người này, khai trừ người khác, ký giấy bắt giam, bỏ tù, quản thúc quản chế đồng chí của mình một cách phi pháp, phi đạo lý thậm chí có những trường hợp lại còn gài bẫy, hạ bệ nhau hoặc thủ tiêu nhau. Dũng tướng cứ giấu kín là nhân dân không biết. Giấu thế nào được hàng triệu con mắt, hàng triệu lỗ tai. Nhưng việc làm sai trái như thế, tất cả những người có lương tri không chấp nhận và lịch sử chắc chắn sẽ không bao giờ tha thứ.

Kêu gọi người ta góp ý kiến xây dựng, ý kiến nào đồng tình với mình thì hò hỏi bảo nhau đăng lên đủ các thứ báo quốc doanh, ý kiến nào khác với mình thì cho ngay công an đến hạch hỏi khám xét nhà cửa (trường hợp đồng chí Lê Hồng Hà) hoặc triệu lên sở công an để chất vấn (trường hợp đồng chí Hoàng Minh Chính). Thủ hỏi đến đại hội X thì còn ai muốn góp ý kiến nữa. Cũng có người bức bối nói : cứ làm ăn lanh đạo kiểu này thì làm gì có đại hội X.

Hãy cứ nhớ lại chuyện vua chúa ngày xưa, độc quyền độc đoán đến như thế mà vẫn còn phải căng tai ra mà nghe ý kiến của các giàn quan, ngự sử để giữ cho mình được tinh tảo mà biết cách cai trị muôn dân. Nếu chỉ vì có ý kiến đối lập, đối nghịch mà đã sụp đổ, thiết tưởng chế độ phong kiến và cả chế độ tư bản đã sụp đổ từ lâu rồi, làm gì có chuyện tồn tại hàng mấy ngàn năm (phong kiến) hoặc mấy trăm năm liền (tư bản).

Từ thực tế lịch sử và hiện tại mà suy ra càng bịt mồm bịt miệng nhau thì sụp đổ càng nhanh. Các cụ nhà mình đã nói: đã yêu thì chín chô lệch cùng kê cho bằng. Thế mà đối với những ai có thiện ý muốn "kê cho bằng" thì lại tìm cách khóa tay hoặc bịt miệng người ta lại thì liệu còn ăn ở được với ai ? Nhiều đồng chí đảng viên ta được giao một ít chức quyền đã vội quên mất rằng "quan nhất

thời, dân vạn đại". Ở đất Việt này, khi nhân dân đã nổi giận thì vua và thực dân đế quốc còn không tồn tại nổi, không hiểu các đồng chí ấy định tồn tại đến bao giờ ? Chắc các đồng chí ấy còn chưa tỉnh ngộ vì quá tin vào một đặc điểm tâm lý của nhân dân ta : cứ bao giờ sắp chết mới nổi giận. Xưa thì thế chứ nay chắc không phải thế. Chớ quên rằng ta đang sống ở đâu thiên niên kỷ mới, ở thời đại của computer và internet.

### Thưa đồng chí,

Lời người đã khuất mà sai thì không nên theo, nhưng nếu đúng thì phải bàn nhau thực hiện. Theo chúng tôi, để thực hiện những lời dạy đúng của tổ tiên ông bà xưa, gần nhất là những lời dạy đúng của Cụ Hồ, và cũng là để đáp ứng đúng nguyện vọng của các thế hệ anh hùng liệt sĩ đấu tranh liên tục trong 117 năm trường (1858-1975), và nguyện vọng của nhân dân ta hiện nay, chúng ta nên thảo luận rộng rãi và nếu cần nên tổ chức Trưng cầu ý dân về mấy vấn đề lớn sau đây :

1. Xóa bỏ điều 4 trong hiến pháp hiện nay. Đây không phải là điều mới lạ, sáng tạo gì của Đảng ta. Chẳng qua là sao chép từ điều 6 của hiến pháp Liên Xô từ năm 1980, nghĩa là 11 năm sau khi Bác Hồ qua đời. Điều 4 đã đặt DCS vào vị thế siêu quyền lực, siêu pháp luật, không chịu bất cứ sự giám sát nào kể cả cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước là Quốc hội. Nói khác đi, Đảng không chịu sự kiểm soát của nhân dân mà đang ngồi trên đầu trên cổ nhân dân (các viện sĩ Liên bang Nga nói Đảng Cộng sản Liên Xô sụp đổ vì đã xa rời nhân dân là không đúng, nó đổ vì đã dính quá chặt vào đầu vào cổ nhân dân nên khi nhân dân không chịu nổi nữa thì hất nó ra khỏi đầu khỏi cổ mình, thế thôi). Chính điều 6 ở hiến pháp Liên Xô và điều 4 ở hiến pháp Việt Nam đã tạo điều kiện pháp lý cho những đảng viên tồi tệ có thể lộng hành, lộng quyền một cách không giới hạn. Không thể chống được bọn cùa quyền, tham nhũng cùng chính là do điều 4 này.

Nhiều đảng viên (trong đó có cả những đảng viên chân chính và thông minh) cứ lo bỏ điều 4 sẽ mất vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ nhầm. Họ quên rằng hồi 45-46 dù không có điều 4 mấy chục

triệu nhân dân vẫn đi theo sự lãnh đạo của Cụ Hồ và 5000 đảng viên. Họ cũng quên lời Cụ Hồ khi thấy có những đảng viên muốn làm "quan cách mạng", lên mặt lãnh đạo, đã nhắc nhở : đảng cộng sản không thể tự vỗ ngực tự xưng mình là người lãnh đạo và bắt nhân dân thừa nhận sự lãnh đạo của mình. Bỏ điều 4 thì mất bọn cùa quyền tham nhũng chứ không thể mất Đảng. Tóm lại : bỏ thì còn, để thì mất. Liên Xô và Đông Âu đã là cái gương tày liếp, tùy Đảng và nhân dân lựa chọn.

2. Thiếu di hài của Bác Hồ. Giữ lại di hài của Bác Hồ, ta đã phạm hai sai lầm :

a. Sai với truyền thống đúng của dân tộc. Ta có truyền thống hỏa táng (thời Lý, Trần), địa táng tức là đào sâu chôn chặt (thời Lê, Nguyễn), không có truyền thống chôn nổi. Người đã khuất nằm không yên hoặc do động mồ động mà người sống không thể sống yên ổn, đó là đời sống tâm linh Việt Nam. Nhiều người thành tâm tin rằng do Cụ Hồ nằm không yên nên đất nước không yên, xã hội không "ổn định".

b. Sai với di chúc của Bác. Bác chọn truyền thống Lý Trần, ta nhập đài điện táng Hoàn Vũ cùng là theo truyền thống đó, lại rất hợp với khoa học hiện đại. Một khác không nghiêm chỉnh tuân theo lời di chúc đúng của người đã khuất thì gia đình, dòng họ và với ta là đất nước luôn luôn bị "sái", không ngóc đầu ngóc cổ lên được.

Nếu các đồng chí không tin thế giới tâm linh thì cũng vui lòng tin vào cái thực tế này :

- Giữ lại di hài của Bác để mỗi năm tiễn tốn khoảng 100 tỷ đồng là điều đời sống kinh tế Việt Nam không chấp nhận. Không những thế còn sai với ý nguyện tốt bậc của Bác Hồ : "Tôi chỉ có một mong muốn, mong muốn tốt bực là : nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng đủ cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành", đồng thời cũng sai với chủ trương "xóa đói giảm nghèo" của Đảng hiện nay. Bình quân mỗi hộ nông dân bây giờ chỉ cần được vay 5 triệu là hết đói nghèo. Một tỷ là 1000 triệu. Một trăm tỷ là một trăm nghìn triệu. Thủ chia ra thì biết ngay mỗi năm ta xóa được đói nghèo cho bao nhiêu hộ nông

dân và 5 năm liền thì xóa được đói nghèo cho bao nhiêu hộ ? No ấm thì sống yên ổn, đói nghèo sinh loạn lạc, đó là lẽ thường tình trong đời. Các đồng chí thủ hồi ý kiến nhân dân xem, mọi người thích no ấm hay đói nghèo. Nếu quả thật nhân dân cam phận, chịu đựng được đói nghèo, tất nhiên không có chuyện gì đáng bàn nữa.

Ngược lại, nếu các đồng chí cứ làm trái ý Cụ Hồ, trái nguyện vọng của nhân dân thì, như chúng tôi đã tuyên bố hôm tọa đàm với hội đồng lý luận trung ương và ban tư tưởng - văn hóa trung ương : đại biểu nào của đại hội IX, đại biểu nào của quốc hội khóa mới biểu quyết giữ lại di hài của Bác thì đề nghị bỏ tiền túi của mình ra mà đài thọ kinh phí, không được lấy tiền thuế của dân hoặc tiền vay nợ nước ngoài để chi phí vào một việc hoàn toàn không có lợi gì cho Cụ Hồ và nhân dân. Nhân dân đói nghèo chỉ càng thêm oán ghét chủ nghĩa xã hội, con cháu phải kéo cày trả nợ thì cùng oán ghét Đảng và ông bà cha mẹ nó không biết góp ý kịp thời với Đảng.

Chúng tôi nhắc lại một thực tế : tất cả các vị anh hùng cứu nước hoặc danh nhân văn hóa của đất nước luôn luôn sống trong tâm khảm của nhân dân, không nhất thiết phải có mồ mả hoặc di hài. Không nên so sánh di hài Hồ Chí Minh với di hài Lênin. Lênin không có di chúc hỏa thiêu và tình hình kinh tế chính trị nước Nga cũng khác Việt Nam. Bên Nga có sự chủ trương thiêu hủy di hài Lênin nhằm xóa bỏ chủ nghĩa Lênin. Còn bên ta chủ trương hỏa thiêu di hài Hồ Chí Minh chính là giữ vững tư tưởng Hồ Chí Minh trong tâm tưởng nhân dân. Giống nhau và khác nhau là thế đó, miễn mọi sự biện luận mê muội hoặc nguy biện lợi dụng.

3. Tự do ngôn luận thật sự. Theo hiến pháp 46 thì nhân dân phải được hưởng mọi quyền tự do dân chủ. Và nhân dân có những thời kỳ đã thực sự được hưởng quyền tự do dân chủ ấy nên đã có đủ sức mạnh tinh thần và văn hóa để thắng những đế quốc lớn ở thế kỷ XX. Nếu nhân dân không cầm vũ khí để bảo vệ độc lập tự do của mình mà chỉ là một lùi người đánh thuê thì cũng thua lâu rồi. Chẳng có lực lượng nào có thể ép nhân dân mình cầm súng để đi vào chỗ chết. Nhưng chết vì độc lập tự do, người

ta sẵn sàng chấp nhận. Phải nói thẳng ra rằng ngay vào những giai đoạn quyết liệt nhất mà có những đảng viên cấp cơ sở cũng như cao cấp đã chạy chọt cho con mình khỏi phải đi chiến đấu thì họ đã phản bội lý tưởng độc lập tự do. Gọi cho đúng tên, đó là bọn phản bội dân tộc. Thực tế lịch sử cũng như hiện tại đã chứng minh rằng cứ có tự do dân chủ thực sự là chúng ta phát triển và có sức mạnh. Nhiều đồng chí cứ lý luận chê bai dân chủ tư sản và đề cao dân chủ xã hội chủ nghĩa. Họ cho dân chủ tư sản là thứ dân chủ vờ vịt, giả hiệu. Vâng, chúng ta cứ thử vờ vịt giả hiệu như thế để cố mà phát triển cho bằng anh chị em trong khu vực. Còn "thực sự" như dân chủ xã hội chủ nghĩa ta trong vài ba chục năm vừa qua thì không thể chấp nhận được. "Dân chủ" mà trì trệ thì dân chủ làm gì ? Qua bài học Liên Xô và Đông Âu mới thấy rằng "dân chủ xã hội chủ nghĩa", chỉ là một thứ dân chủ ảo. Trên đời này chưa hề có cái gọi là "dân chủ xã hội chủ nghĩa". Chẳng lẽ có một thứ dân chủ tốt đẹp đến như thế mà chỉ có mấy trăm vị lý luận gia "tinh đời" mới "quán triệt" nổi còn thử hàng trăm triệu nhân dân ở Liên Xô và hàng ngàn triệu ở châu Á trong đó có Việt Nam ta đều ngu cả chăng ? Chúng tôi cảm phục sự thẳng thắn của đồng chí Lý Thanh Chi - cựu trợ lý của đồng chí Đặng Tiểu Bình - đã viết trong dịp kỷ niệm quốc khánh Trung Quốc năm 1999 : trong 50 năm qua Trung Quốc chưa hề có dân chủ. Đến lúc chúng ta cũng nên học tập đồng chí Trường Chinh, hô to : "Tự do hay là chết !". Trong tình cảnh hội nhập quốc tế mà ta cứ trói chân trói tay nhau, khâu mòm khóa miệng nhau lại thì quả là sẽ "chết" thực sự, chỉ có điều: ai là kẻ cam tâm chịu chết ? Đó là vấn đề. Nhân dân ư ? Không, nhân dân Việt Nam sẽ đòi đời bất tử !

Tóm lại, trả lại tự do dân chủ thực sự cho nhân dân thì còn. Ngược lại thì mất. Không phải bàn nhiều. Chắc chắn dân tộc Việt mình không bao giờ chấp nhận dân chủ vờ để rồi nô lệ thật.

Thưa đồng chí,

Tình nghĩa giữa dân mình với Đảng mình mấy chục năm qua đi với nhau thật là sâu nặng không phải phút chốc mà bỏ nhau được. Nhưng tình hình cứ

diễn ra như hiện nay thì nói thẳng ra là cũng không chịu được. Chắc đồng chí và tất cả những đảng viên tâm huyết trung thực cũng cảm thấy không chịu được.

Như trên đã nói : cứ nhận định rằng Đảng đang xa rời nhân dân là không đúng đâu. Chỉ có đồng chí và những người trung thực làm ngơ mặc cho lũ đảng viên cơ hội, cửa quyền, tham nhũng hoành hành mới là xa rời nhân dân. Còn lũ cơ hội, tham nhũng thì đang bám chặt lên đầu lén cỗ nhân dân để hút máu nhân dân từng ngày từng giờ, chúng đâu có xa rời ai !

Một lần nữa, chúng tôi xin thanh minh rằng chúng tôi không làm lý luận, chúng tôi chỉ muốn tổ chức một cuộc đối thoại thân ái và bình đẳng.

Tư tưởng nông dân thì có nhiều hạn chế, nhưng tác phong của bà con nông dân ta "sờ đầu gối nói chân thật" và cứ "nói toạc móng heo" thì chúng tôi xin vĩnh viễn học tập.

Rõ ràng chế độ minh hiện nay đâu có phải là chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó là chế độ tư bản chăng ? Càng không phải ! Vậy thì nó là cái gì ? Chẳng lẽ toàn là những người hiểu biết mà ta lại vui lòng chấp nhận một thứ "dở doi dở chuột" này mãi hay sao ?

Chúng ta vốn ghét chế độ tư bản nhưng lại chơi toàn những trò tư bản chủ nghĩa. Mà ai được chơi ? Không phải nhân dân mà là toàn con cháu các cụ cả. Chắc đồng chí cũng biết người ta ngán cái 5C này như thế nào rồi. Thà rằng chúng ta quay lại chế độ phong kiến theo truyền thống có lẽ lại hay hơn chăng ?

Hàng ngàn năm nay, nhân dân ta vốn sống trong chế độ phong kiến đã quen rồi. Chỉ cần có một ông vua sáng và những tôi hiền, có lòng thương dân và biết cách cai trị. Dân được no ấm, an cư lạc nghiệp, thế là xã hội bình ổn. Xem như các đời Lý Nhân Tông, Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông ... :

Đời vua Thái tổ, Thái tông  
Thóc lúa đầy đồng, trâu ch้าง buồn ăn.

Chẳng thấy sử sách nào ghi những thời này có khởi nghĩa nông dân. No ấm rồi, an cư lạc nghiệp rồi, ai mà "kích động" nổi họ đi làm loạn, làm giặc. Vua

quan triều Nguyễn mà cai trị tử tế liêu Cao Bá Quát lại kích động nỗi nhân dân Mỳ Lương (Hưng Yên) "nỗi loạn" ? Mấy triều Minh Mệnh, Tự Đức đúng là giữ kỷ lục về số cuộc khởi nghĩa nông dân : hơn 400 cuộc (nguồn : Đại Nam thực lục chính biên). Các Đảng Cộng sản ta vốn sở trường về "kích động", thôi không kể các nước G7, hay thử kích động nhân dân mấy nước Singapore, Thái Lan, Malaixia, ... xem kết quả thế nào ?

Nghĩa là các đồng chí đã tự nhận có sứ mệnh phải độc quyền lãnh đạo, độc quyền cai trị. Các đồng chí được lịch sử giao phó sứ mệnh chẳng khác gì vua chúa ngày xưa tự xưng mình là con của trời (thiên tử) phải linh mệnh trời để cai trị dân. Cứ coi là thế đi, thì cũng phải biết cai trị một cách tử tế chứ. Nói thẳng ra nếu vua quan nhà Nguyễn, thực dân Pháp, đế quốc Mỳ mà cai trị tử tế thì đâu đến lượt các đồng chí.

Tóm lại, muốn giữ vững sự "cầm quyền", không có cách nào khác ngoài cái cách làm cho nhân dân no ấm "ai cũng có đủ cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Dân đã mất tự do, phải sống trong đói nghèo, áp bức sẽ chẳng có con đường nào khác ngoài con đường khởi nghĩa (mà gọi một cách khinh miệt là "bạo loạn").

Theo chúng tôi, chúng ta phải nghĩ mọi cách để làm cho nhân dân no ấm, an cư lạc nghiệp. Chứ cứ vừa mới lập một doanh nghiệp mà đã có tới 6 ông thanh tra, kiểm tra, công an kinh tế, quản lý thị trường, phường xã, ... xông tới "hỏi thăm sức khỏe" thì còn làm ăn gì nổi.

Nhà bác học Lê Quý Đôn từng nói : "quan nhiều thì dân khổ". Vậy, muốn cho dân khỏi khổ thì hãy bớt quan đi. Chẳng hiểu các đồng chí thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ra sao mà 25 năm qua, cứ mỗi lần hô hào tinh giản biên chế thì biên chế lại càng phình ra, "quan" lớn, "quan" nhỏ lại đông thêm (chữ "quan" này chính do báo chí ta dùng chứ không phải chúng tôi. Lâu nay, từ "cán bộ" để thương như thế bỗng nhiên biến hết thành "quan chức").

Thôi thì các đồng chí đảng viên cộng sản đã thích làm "quan" thì đồng chí cùng làm "vua" đi cho đồng bộ. Một đồng chí cùng với 150 đại thần và với một số tiểu thần hết sức hạn chế về số

lượng có phải giản dị hơn không ? Cần gì phải có quốc hội, Mặt trận Tổ quốc với đủ các thứ đảng ủy, đảng đoàn, chi bộ, đoàn thể linh tinh cho thêm tốn kém. Mỗi kỳ họp quốc hội với hơn 400 vị "quan" chỉ làm cái việc vỗ tay và giơ tay biểu quyết (Lê Quang Đạo) mà tốn kém hàng chục tỷ đồng. Thật là một sự lãng phí kinh khủng. Mỗi một đợt họp đại hội Đảng từ cơ sở phường - xã, quận - huyện, tỉnh - thành phố lên đến đại hội toàn quốc tốn kém hàng ngàn tỷ. Cùng là một sự lãng phí khủng khiếp. Chính Bác Hồ đã nói : "lãng phí còn đáng sợ hơn cả tham". Giá mà mang số tiền bạc chi tiêu lãng phí ấy ra mà xóa đói giảm nghèo có phải hiệu quả biết bao.

Xưa kia, đầu tỉnh chỉ có một tổng đốc, đầu huyện chỉ có một tri huyện, đầu xã chỉ có một lý trưởng mà thuế dân đã nuôi không xuể. Thế mà bây giờ chỗ nào cũng mấy chục ông "lý trưởng", mấy chục ông "tri huyện", mấy chục ông "tổng đốc" hỏi dân nào cung phụng nỗi. Cái nguy là không ông nào bảo được ông nào, cùng ăn chia và không ai chịu trách nhiệm. Khi tội đã quá nặng, thụt két đã quá lớn lại yếu thế nên phải ra hầu tòa thì ông nào cũng một mực kêu oan, chỉ nhận khuyết điểm sơ sơ là "buông lỏng" và "thiếu đồng bộ". Từ chỗ "nhà nước và nhân dân cùng làm" đến chỗ thiệt hại hàng ngàn tỉ thì nhà nước và nhân dân không cùng chịu, chỉ có nhân dân là è cổ ra gánh chịu mọi tai họa trên đời do chính các đồng chí cán bộ lãnh đạo (tức là các "quan chức") trong bộ máy nhà nước gây ra; mà các đồng chí cán bộ lãnh đạo này đều do bộ máy Đảng lựa chọn bổ nhiệm sang.

Ngày xưa, cả triều đình ngót trăm đại thần chỉ có lục bộ với 6 quan thượng thư có trách nhiệm rõ ràng trước nhà vua. Nay ta có tới mấy chục bộ. Vừa bộ của Đảng, vừa bộ của nhà nước, "lục bộ" nọ chồng lên "lục bộ" kia mà chẳng vị nào chịu trách nhiệm. Việc cải cách giáo dục thất bại, bộ trưởng giáo dục vô can, trưởng ban khoa giáo của trung ương Đảng cũng chẳng hề hấn gì. Kết quả là đổ lên đầu dân, mọi chuyện sai lầm thất bại là do "dân trí" thấp mà ra. Vậy, thử hỏi "dân trí" thấp hay "đảng trí" thấp ?

Dường xá không kịp sửa, xe gắn máy, xe ô tô nhập vô tội vạ, kẹt đường,

chết người (bình quân 6000 người chết một năm vì tai nạn giao thông). Thế mà bộ trưởng giao thông, bộ trưởng thương mại vô can, trưởng ban kinh tế trung ương Đảng cũng không hề hấn gì. Chỉ có dân bị chè khöhng chịu học luật đi đường, chết ráng chịu ?

Chúng tôi cho rằng chỉ một "vua" cộng với 150 đại thần (nếu thấy quá đông thì rút bớt) với một "tổng đốc", một "tri huyện", một "lý trưởng" là mọi việc xong hết. Nhân dân tình nguyện đóng góp thêm, đánh cho đồng chí 10 thanh kiếm thượng phong để đồng chí thực sự giao quyền "tiền trảm hậu táu" cho các quan thanh tra. Quan thanh tra không làm tròn nhiệm vụ thì cùng cứ thẳng tay trảm luôn. Đồng chí cứ thực hiện "sứ mệnh lịch sử" một cách nghiêm minh, xóa đói giảm nghèo một cách thực sự, luật pháp thi hành không trừ ai. Quan lại không dám tham nhũng, nhân dân khắp thôn cùng xóm vắng đều no ấm, không còn tiếng hờn giận oán sầu. Xã hội tốt như thế mà vẫn còn động loạn thì như bà con nông dân thường nói, xin cứ mang đầu chúng tôi đi mà chặt, nửa lời không thèm kêu oan.

Các đồng chí cứ việc độc quyền độc đoán, không sao cả, miễn là nhân dân no ấm. Tất nhiên các đồng chí có cái khó hơn các vua chúa xưa là không được để cho đất nước tụt hậu. Minh vẫn tự hào là một đất nước văn hiến, cứ thua mãi anh chị em trong khu vực là nhục. Ở tư thế kẻ chiến thắng ra khỏi chiến tranh 25 năm mà tình hình đất nước lại như thế này thì lỗi tại ai ? Các nhà nghiên cứu của ta cũng nên đặt câu hỏi : vì sao cùng là ra khỏi chiến tranh - mà là kẻ bại trận, Nhật Bản lại tiến nhanh như thế ? Bây giờ đại hội IX của ta lại bàn phải phấn đấu để đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp và đến năm 2010 thì phải có bình quân đầu người 800USD (hiện nay ta đạt 323 USD thì Thái Lan là 12.000 USD, nghĩa là hơn ta khoảng 3,7 lần). Nhưng đại hội lại lảng tránh không thảo luận vấn đề vì sao đại hội VII đặt mức phấn đấu trong 10 năm (1991-2000) là phải tăng bình quân thu nhập gấp đôi, từ 200 USD lên 400 USD mà ta lại không đạt (trong khi cùng đặt kế hoạch 10 năm phấn đấu, Hàn Quốc từ 100 USD đạt tới 800 USD). Tất nhiên hoàn cảnh mỗi nước một khác và ta có

cái khó riêng của ta, nhưng nếu không thảo luận vì sao không đạt 400 USD (cũng như tìm hiểu vì sao mà người ta đạt vượt trội như thế) thì làm sao khắc phục được những nguyên nhân để đạt 800 USD. Mà thật ra 800 USD cũng vẫn là một nỗi nhục. Trung Quốc với 1,2 tỉ dân mà hiện nay cũng đã đạt 1.000 USD. Thế nghĩa là thế nào ?

Chúng tôi cũng không thể chấp nhận lập luận của các nhà nghiên cứu, nhất là các nhà nghiên cứu văn hóa : đòi nghèo không quan trọng bằng mất bản sắc dân tộc. Thế hóa ra những nước giàu họ mất hết bản sắc dân tộc chăng ? Rồi chính họ lại viết bài ca ngợi Nhật Bản, Thái Lan và nhiều nước giàu khác giữ bản sắc dân tộc tốt lắm, ta nên "tăng cường" và "đẩy mạnh việc học tập". Thật là lập luận luẩn quẩn và ngụy biện. Thế mà nhà nước ta vẫn kiên trì chi hàng trăm tỉ cho báo chí quốc doanh cổ động cho những lập luận như thế liên tục trong vài chục năm nay. Phim ảnh mấy năm gần đây hầu như phim nào cũng cố đưa vào cái cảnh rước sách linh đình và sì sụp lê lạy (vừa rồi lại có cả một cảnh thắp hương và lê lạy trên máy bay lúc máy bay đang bay, còn cảnh lắp bàn thờ ông địa và thần tài thì hầu hết mọi công sở đều tuân tiết sóc vọng rất cung kính nghiêm chỉnh). Thờ cúng tổ tiên thần thánh thì đúng quá rồi, nhưng vì sao lại phải làm àm i đến như thế ? Cho nên không có gì ngạc nhiên khi thấy các cụ cựu chiến binh, lão thành cách mạng lắc đầu thở dài trước cảnh rầm rộ lễ hội, hoa hậu, thời trang, hội chợ : toàn những trò Du Courvoisier tái sinh.

Tóm lại, đồng chí và "triều đình" của đồng chí cứ lãnh đạo thế nào cho nhân dân no ấm, đất nước phát triển bằng chị bằng em trong khu vực thì chẳng xảy ra chuyện gì hết. Còn nếu để cho nhân dân nghèo đói, đất nước tụt hậu nhục nhã thì tất nhiên nhân dân lại phải khởi nghĩa "đuổi" các đồng chí đi như đã từng làm đối với các triều đình suy thoái thời mạt Lý, mạt Trần, mạt Lê. Hắn có nhiều người sè kêu lên : làm gì đến nỗi thế ! Vâng ! Nếu cứ để "triều đình" và bộ máy nhà nước tràn ngập bọn "quan lại" cơ hội cửa quyền, tham nhũng thì xin vui lòng ... hãy đợi đấy !

Thưa đồng chí,

Phe xã hội chủ nghĩa chúng ta vốn có truyền thống "đi từ nghiêm túc đến buồn cười", nay lại phải "đi từ buồn cười đến nghiêm túc". Có thể đồng chí và nhiều người cho rằng chúng tôi đang bàn việc Đảng việc dân một cách thiếu nghiêm túc. Không ! Chuyện độc đoán hay dân chủ là chuyện hoàn toàn nghiêm túc. Phải nghiêm túc chỉ ra rằng Đảng ta đang hết sức độc đoán và thực hiện một thể chế chính trị không thích hợp với thời đại. Đại hội từ cơ sở đến toàn quốc, các đồng chí dự kiến bao giờ nhau, nhân dân tham gia vào chỗ nào ? Mai kia các đồng chí lại dự kiến cử người sang quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và dù các thứ người vào các chức vụ trong bộ máy nhà nước, đại đa số là đảng viên, nhân dân có quyền gì vào đó ? Chúng ta tiếp tục dân chủ một cách hình thức, chúng ta sẽ sụp đổ. Đó là điều chắc chắn.

Nghị quyết đại hội IX vừa rồi đưa lại hai chữ dân chủ vào mục tiêu nhưng đưa không đúng vị trí, cùng vẫn là đổi phó một cách hình thức. Hầu hết các đại biểu, trong đó có các nhà lý luận hết sức né tránh không dám bàn về vấn đề dân chủ một cách thực sự, thực lòng. Nếu đồng chí thực lòng muốn dân chủ hóa đất nước, hắn đồng chí phải thấy tình hình hiện nay là đáng lo ngại và đồng chí phải nghĩ đến việc thay đổi thể chế chính trị. Chúng ta phải có một quốc hội tử tế, nhân dân phải được hưởng thực sự mọi quyền tự do đã ghi trong hiến pháp. Tất cả những nhân viên công quyền phải được nhân dân cắt cử và kiểm soát (vừa qua mỗi đồng chí bí thư Đảng lại kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân là không đúng) và đồng chí cũng nên có kế hoạch giáo dục và chỉ thị cho đảng viên các cấp của mình thời đi cái trò võ ngực tự nhận mình đang được linh "sứ mệnh lịch sử" để lãnh đạo nhân dân này. Người đảng viên cộng sản sao lại có thể coi mình mang sứ mệnh lãnh đạo như vua chúa ngày xưa linh mệnh trời để cai trị dân. Đó là một kiểu suy nghĩ lỗi thời, không thể chấp nhận được.

Chúng tôi hoàn toàn thông cảm với những khó khăn của đồng chí. Đồng chí đang phải thực hiện đồng thời ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp dưới ánh sáng của một thứ lý luận hết sức giáo điều đang chế ngự hội đồng lý luận, mọi học viện nghiên cứu và các nghị quyết

Đảng. Sắp tới đồng chí nào được cử thay đồng chí làm chủ tịch quốc hội chắc cũng lúng túng như đồng chí trước kia mà thôi. Còn đồng chí Phan Văn Khải tiếp tục làm thủ tướng mà không giao trọng quyền hành cho đồng chí ấy "hành pháp" thì đồng chí ấy cũng đành bó tay thôi (chưa kể theo đồng chí Nguyễn Đức Tâm cho biết thì đồng chí Đỗ Mười còn nói : cho Khải làm thủ tướng thêm 2 năm nữa). Đồng chí Phan Văn Khải làm thủ tướng 5 năm, 2 năm hay 2 tháng đó là quyền quyết định của quốc hội chứ không phải quyền của bất cứ cá nhân hay phe nhóm nào. Các đồng chí nắm những chức vụ quan trọng như thế mà còn không có thực quyền thì thử hỏi nhân dân có quyền gì ? Chúng ta phải thảo luận cho ra vấn đề này.

Trên một đất nước có kỷ cương luật pháp như nước ta mà chẳng ai có thực quyền rồi bất cứ ai cũng lại có quyền vi phạm luật pháp, vi phạm hiến pháp mà không thể xét xử. Để tỏ ra có luật pháp nghiêm minh, chúng ta lại mang ra xét xử những người vô tội. Còn kẻ có tội thực sự luôn luôn có thể "chạy tội" một cách dễ dàng. Công an bắt người, Viện kiểm sát khởi tố, tòa án xét xử nhiều khi lại không căn cứ vào luật pháp, làm sai luật pháp cũng không bị trừng phạt. Thế nghĩa là thế nào ? Chẳng lẽ chúng ta lại nhân tâm biến Đảng minh thành một thứ đội cải cách ruộng đất mới hay sao ? Cái thời "nhất đội nhì giòi" đã làm khổ chúng ta, chúng ta lại chưa thấm thía hay sao !

Chúng tôi biết đồng chí Lê Khả Phiêu muốn làm nhiều việc tốt, muốn làm mạnh tay hơn nữa để chuyển biến tình hình mà không thể làm được. Rất mong đồng chí không phải lâm vào một tình cảnh như thế.

Nếu quả thật đồng chí thấy lập một triều đình phong kiến trong thời đại hiện nay là hoàn toàn lỗi thời, lố bịch thì không còn đường nào khác là con đường dân chủ hóa đất nước. Chúng tôi thấy không nhất thiết phải "độc nguyên" hoặc "đa nguyên". Cứ "đồng nguyên" như ông bà ta thời Lý Trần là hay hơn cả. Với truyền thống "đồng nguyên" và tinh thần "đồng thuận", đồng chí có trách nhiệm tập hợp tất cả những người có tâm huyết và có trí tuệ ưu tú thực sự để bàn bạc việc phát triển đất nước. Không

nên dựa vào những người lý luận giáo điều hoặc đang ngoan cố bảo vệ những tin điều lạc lõng với cuộc sống.

Cách đây khoảng 6000 năm, người cầm đầu đất nước đã có ý thức rất rõ ràng trách nhiệm của mình nên đã nói : "Các ngươi có điều tốt, ta không dám che lấp, bản thân ta có tội, ta không dám tự tha | ... | Các ngươi ở muôn phương có tội, đó là tội của ta, bản thân ta có tội, ta không thể để cho các ngươi". (Nhì hữu thiện, dư phát cảm tể, dư nhất nhân hủu tội, bất cảm tự xá | ... | Nhì vạn phuơng hủu tội, tội tại dư nhất nhân, dư nhất nhân hủu tội, vô dì nhì vạn phuơng) (Thang cáo - Thượng Thư)

Nếu tất cả những người đứng đầu đất nước hoặc đứng đầu từng cơ quan nhà nước đều ý thức được như vậy thì làm thế nào đất nước lại không phát triển; bọn cơ hội cửa quyền, tham nhũng lại không tiêu vong ? Nếu tất cả đều không nghỉ được như vậy thì làm thế nào mà đất nước lại không nghèo nàn, loạn lạc, tụt hậu; làm thế nào bè lù cơ hội, cửa quyền, tham nhũng không sinh sôi nẩy nở ?

Chắc đọc những điều chân thành và tâm huyết này, có nhiều người sẽ cho là "phạm thượng". Đúng là "phạm thượng", nếu cứ nghĩ đồng chí là một thứ vua mới chứ không phải "vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Đúng là "phạm thượng", nếu cứ nghĩ chúng tôi cũng chỉ là một thứ thàn dân mới chứ không phải vừa là công dân, vừa là chủ nhân đất nước. Chúng tôi tin rằng chúng ta đều đang sống và làm việc theo gương sáng và những lời dạy đúng đắn của Bác Hồ. Vậy thì chúng ta có thể tiếp tục đối thoại với nhau.

Chúng tôi tạm dừng ở đây và xin kính chúc đồng chí thành công trong sự nghiệp dân chủ hóa đất nước.

Kính chào thân ái và quyết thắng  
**Trần Khuê -  
Nguyễn Thị Thanh Xuân**

"Thông Luận" hoan nghênh  
mọi ý kiến và đóng góp tài  
chánh của quý độc giả

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm  
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm: 200 FF

Chi phiếu xin đề

VIETNAM FRATERNITE

(xin đừng đề Thông Luận)

**Địa chỉ liên lạc mới:**

THÔNG LUẬN

7 allée Bouleau Carreau

77 600 Bussy Saint Georges,

FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với  
đại diện Thông Luận tại Đức:

**Nguyễn Thanh Lương**

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt am M.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn  
(60 DM/năm) vào trương mục:

**Frankfurt Volksbank e G**

**THANH LUONG, NGUYEN**

**Konto-Nr: 00 77 70 82 94**

**Bankleitzahl: 50 19 00 00**

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada  
có thể liên lạc và góp ý kiến với

Thông Luận qua địa chỉ:

**Thong Luan, P.O. Box 7592**

**Fremont, CA 94537 - 7592**

e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo  
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

**Mrs Quan-My-Lan**

## THÔNG LUẬN

### Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam  
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro,  
xin chuyển vào trương mục của hội:

**Giro nr 6234112**

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với  
đại diện Thông Luận tại Úc:

**Mr. Võ Thanh Liêm**

5 Fira Court

Narre Warren VIC 3805

## Tổ quốc Ăn năn

của Nguyễn Gia Kiêng

Một cuốn sách nhằm trả lời hai câu hỏi : Tại sao Việt Nam lại như hiện nay ? Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và vươn lên ? Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một hành trình theo dòng lịch sử và một khảo sát về nền văn hóa và các giá trị nhào nặn con người Việt Nam. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước.

- Tại Pháp : 200 FRF. Chi phiếu xin đề Nguyễn Gia Kiêng, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes

Tại Đức : 60 DM. Chi phiếu xin đề Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volksbank EG, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahn 50 19 00 00

- Tại Hòa Lan : 70 NFL. Chi phiếu xin đề Trần Thị Mến, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đề TQĂN.

- Tại Úc : 50 AUD. Chi phiếu xin đề Thu S. Duong và gởi về *Việt Luận Magazine*, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.

- Tại Hoa Kỳ : 30 USD. Chi phiếu xin đề Dinh Quang Anh Thai, 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.

- Tại Anh : 20£. Chi phiếu xin đề Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW 18 3 AE

- Tại Canada : 45 CND. Chi phiếu xin đề That Thien Ton, 223 Britannia Road, Ottawa, ONT K2B 5X1.

## Giới thiệu báo mới

## Đàn Chim Việt

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan từ hơn một năm nay

Địa chỉ liên lạc : 03-893 Warsaw

str. Bukowiecka 92/15

E-mail : chimviet@poczta.wp.pl

ĐT : 67 89 550 xin số 109

Fax : 67 89 943

## Phải cải cách chính trị cùng với cải cách kinh tế

Phạm Quế Dương

Bản dự thảo báo cáo chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trình đại hội IX, đã có nhiều ý kiến tham gia về lý luận, đường lối.

Tôi xin góp một số ý kiến cụ thể về tổ chức.

Tôi tán thành, ủng hộ đảng ta là đảng cầm quyền như di chúc của Bác Hồ. Nhưng cầm quyền như thế nào chứ cầm quyền như hiện nay, đảng ta trở thành một thứ đảng độc quyền, đảng trị. Gọi là đảng độc quyền vì khi Bác Hồ còn sống, còn có Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ. Nay chỉ còn có Đảng Cộng sản. Gọi là đảng trị vì đảng thống trị ngòi trên đầu dân quyết định hết nhưng không chịu trách nhiệm trước dân. Điều 4 hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam xác nhận.

Dân Việt Nam, không muốn Đảng Cộng sản Việt Nam đỗ vò, song bài học của Liên Xô và các nước Đông Âu - thành trì của chủ nghĩa xã hội, tan rã như vậy. Tại sao Đảng Cộng sản Việt Nam không ngầm người mà nghĩ đến ta ?

Tình hình đất nước ta ngày nay tут hậu xa so với thế giới về kinh tế, ngay cả những nước gần cận trong khu vực, nạn tham nhũng lan tràn không có bài thuốc chữa trị, từ người lái xe ôm đến bà bán nước vùng quê đều rõ, sao những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam không thấy mà lúc nào cũng chỉ muốn người ta tung hô Đảng sáng suốt, Đảng quang vinh, đời đời nhớ ơn Đảng.

Muốn cứu vãn tình thế không thể chỉ đổi mới bông cải cách kinh tế mà phải nhanh chóng triệt để cải cách đổi mới chính trị. Phải nói thẳng là cải cách - đổi mới chính trị không thể nói là đổi mới - cải cách hành chính một kiểu nói lừa dối lương tâm. Hành chính và chính trị là 2 khái niệm, nội dung khác nhau. Tuy nhiên trong hành chính cũng phải cải cách, song đó chỉ là cải cách nghiệp vụ, tổ chức hành chính thôi. Đổi mới - cải cách trước hết là về tổ chức.

Tôi kiến nghị tổ chức việc đổi mới - cải cách chính trị nước ta như sau.

### Về Đảng

- Người đứng đầu Đảng và nhà nước (chủ tịch nước hay tổng thống) phải là một. Đảng cử ra 3,4 người rồi để dân trực tiếp bầu phiếu. Không thể như hiện nay, Đảng cử tổng bí thư thì tự nhiên dân phải nhận là vua của mình rồi. Thật sự đó là vua của Đảng Cộng sản Việt Nam chứ có phải của dân đâu. Còn vị chủ tịch ngày nay thì dự liênh hoan là chính chứ có quyền hành gì đâu. Chủ tịch nước hay Tổng thống là người nắm tập trung quyền lực.

- Đảng phải tự nuôi Đảng bằng Đảng phí và các hoạt động kinh tế của mình. Không được lấy ngân sách nhà nước nuôi Đảng. Dân ta nghèo khổ mà phải nuôi bộ máy Đảng to đùng thế này mà cứ phải luôn hô khẩu hiệu ơn Đảng, ơn nhà nước thì nên xem trên thế giới có mấy nước làm như Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay ?

- Các đoàn thể quần chúng của Đảng kể cả Mặt trận Tổ quốc cùng vậy. Phải tự nuôi nguồn kinh tế và đoàn phí của chính mình.

- Trả lại Đảng Xã hội và Đảng Dân chủ được thành lập trước Cách mạng Tháng 8-1945. Việc Đảng Cộng sản Việt Nam giải tán hai đảng này năm 1990 là phản bội lịch sử.

### Về nhà nước

Phải xác lập rõ ràng minh bạch thể chế tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba bộ máy này chỉ tuân theo đường lối, chủ trương của Đảng thông qua quốc hội pháp luật hoá. Đảng không được can thiệp cụ thể nghiệp vụ của họ và 3 bộ máy này hoàn toàn độc lập với nhau về chức năng, quyền hạn.

a) Trước hết về cơ quan lập pháp (quốc hội) : Phải thật sự bầu cử tự do. Người dân được tự do ứng cử, xoá bỏ việc moi danh sách ứng cử phải thông qua Mặt trận Tổ quốc. Đó là một việc làm lừa bịp, trấn áp trắng trợn người tài một cách bẩn thỉu, đáng khinh mà những người cầm đầu Mặt trận Tổ quốc đã có lúc tự nhận mình chỉ là "cây cành",

nhưng họ vẫn chấp nhận việc làm của họ một cách hèn mạt. Đại biểu quốc hội phải chuyên nghiệp không kiêm nhiệm chức vụ hành pháp và được tạo điều kiện hoạt động của ngành lập pháp. Tiêu chuẩn đại biểu nhất định phải có bằng đại học thật. Chấm dứt trò xét lý lịch thành phần, lấy công nông là cơ bản. Các cơ quan ngôn luận nhất là vô tuyến truyền hình tổ chức tiếp xúc tranh luận giữa những ứng cử viên để dân bầu chọn. Việc bầu cử phải thật sự tự do, dân chủ, công khai. Nếu Đảng Cộng sản Việt Nam thật lòng vì chính nghĩa không tự lừa dối lương tâm như lâu nay thì mời quốc tế vào quan sát. Còn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghiệp vụ của quốc hội thì học tập thế giới mà làm cho phù hợp. Họp quốc hội chấm dứt việc xung hô với nhau là đồng chí vì như vậy là Đảng hóa quốc hội.

b) Về cơ quan hành pháp (chính phủ) : khẳng định đây là bộ máy điều hành toàn dân, kể cả Đảng, phải thực hành mọi việc theo pháp luật. Người đứng đầu bộ máy hành pháp là thủ tướng do chủ tịch hay Tổng thống giới thiệu, quốc hội thông qua. Thủ tướng phải thật sự có trách nhiệm, tài năng và phải thật sự có quyền điều hành, tổ chức, chọn bộ trưởng, tỉnh trưởng (hay chủ tịch tỉnh). Gọi là "uy ban hành chính". Xóa bỏ từ "Ủy ban nhân dân". Xem xét lại chức năng và tổ chức hội đồng nhân dân tỉnh và thành phố. Xóa bỏ việc ban tổ chức trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chọn cử người đến cả cấp vụ như hiện nay. May ai không biết lời than thở của cố thủ tướng Phạm Văn Đồng: Trên thế giới không ai làm thủ tướng lâu như tôi và cũng bất lực như tôi, tôi không có quyền chọn lấy một vụ phó của cấp bộ. Và ngày nay, mỗi lần thấy thủ tướng Phan Văn Khải than phiền trên tivi về sự bế tắc của những vụ dân khiếu kiện ngày càng nỗi cộm mà không xử lý được thì thật vừa thương hại vừa buồn cười cho thủ tướng như thế này. Phi đảng hóa quân đội và công an. Quân đội và công an là công cụ vũ trang

của nhà nước, không phải của Đảng. Trả lại câu nói của Bác Hồ : "Quân đội ta trung với nước, hiếu với dân". Tự sửa câu nói lịch sử của Bác Hồ là bất hiếu, bất trung.

c) Về tư pháp : Quyền lực của ngành tư pháp hoàn toàn độc lập thực hiện theo pháp luật, không phụ thuộc vào sự chỉ đạo của Đảng. Bất cứ ai, cương vị nào vi phạm pháp luật đều phải xử. Dư luận cho rằng bộ máy tư pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay là bẩn thỉu nhất do bị Đảng Cộng sản Việt Nam khống chế. Quan to cộng sản ăn cướp, ăn cắp bị vạch mặt thường được Đảng Cộng sản Việt Nam đẩy lên cao tré nánh hoặc hạ cánh an toàn. Báo Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 7-12-2000, đăng câu nói của Chu Dung Cơ - thủ tướng Trung Quốc : "Chúng tôi sẽ không để vượt mặt bất cứ kẻ nào kể cả chủ tịch Giang Trạch Dân, một khi kẻ ấy có phát hiện có dính líu đến tham nhùng". Đảng không được can thiệp vào ngành tư pháp. Cán bộ tư pháp phải thật sự giỏi luật và là người tốt. Trong ngành tư pháp, ba bộ phận: điều tra, kiểm sát và tòa án cũng độc lập không phải là chung một tổ chức, có sự chỉ đạo của Đảng. Bản thân tòa án có ba cương vị : kiểm sát viên, công tố viên, luật sư (bào chữa cho bị cáo) và chánh án cũng hoàn toàn độc lập, bình đẳng không phụ thuộc vào sự chỉ đạo của lãnh đạo. Những người làm công việc này bắt buộc phải tốt nghiệp đại học luật. Bỏ cơ chế thảm phán nhân dân, tượng trưng cho dân chủ giả vờ thực chất là bỏ phiếu đa số cho lãnh đạo.

### Về công tác cán bộ

Phải chọn người thật sự có tài có đức. Xóa bỏ thành phần chủ nghĩa, nặng về lý lịch trong công tác tuyển chọn cán bộ. Đảng Cộng sản Việt Nam phải xin lỗi vụ "Nhân văn - Giai phẩm", vụ "Xét lại", vụ Kim Ngọc, vụ án Trưởng Xuân. Các vụ này xử lý oan bao hiền tài của đất nước. Dân sẽ thông cảm tha thứ cho Đảng coi đấy là những sai lầm của sự ngây thơ một thời nếu Đảng Cộng sản Việt Nam thành thật xin lỗi, rút bài học cho bản thân. Tuyển chọn trong số họ những hiền tài mởi làm việc nước nếu họ còn minh mẫn và có sức khoẻ. Không sợ tuổi họ đã cao. Là Vợt hơn 80 tuổi

mới ra làm quan giúp nhà Chu dựng nước. Không ngại họ đã từng bị xử lý. Chu Dung Cơ - thủ tướng Trung Quốc hiện nay, sách *Mưu lược Chu Dung Cơ*, Nhà Xuất bản Trẻ, xuất bản 1999, trang 5 giới thiệu : "Chu Dung Cơ [...] 24 năm đậm chân tại chỗ với chức phó phòng, 20 năm bị quy oan là "phản tử hữu phái chống Đảng", bị khai trừ đảng tịch, hai lần bị đưa đi lao động cải tạo". Làm được việc này dân sẽ ghi công l López lãnh đạo trẻ của Đảng ngày nay và Đảng sẽ vững bền với dân. Xóa bỏ cụm từ cán bộ là đầy tớ hay công bộc của dân như văn bản pháp luật hiện nay. Trả lại tên gọi họ là quan chức nhà nước, tức là những chức sắc làm việc cơ quan nhà nước. Nói cán bộ là đầy tớ hay công bộc của nhân dân như hiện nay là lừa bịp. Những quan chức này nếu làm hành chính thì phải được đào tạo từ đại học hành chính, nếu làm kinh tế thì phải tốt nghiệp đại học kinh tế. Không thể lấy quan chức hành chính làm kinh tế và quan chức kinh tế làm hành chính, các ngành nghề khác cũng vậy. Trả lương cán bộ đủ nuôi vợ con họ, không để thấp như bây giờ buộc họ phải ăn cắp của dân.

### Về công tác giáo dục - đào tạo

Việc đào tạo chuyên sâu ngành nghề là vô cùng quan trọng. Hết sức coi trọng trường Đại học Hành chính. Vì đó là nơi đào tạo quan chức hành pháp. Thi tuyển vào trường này lấy điểm cao nhất, cấp học bổng cao nhất. Khẩu hiệu "Giáo dục là quốc sách" là đúng. Nhưng phải đảm bảo cơ sở trường học, đội ngũ thầy giáo, cơ sở nghiên cứu, khảo nghiệm, ngân sách đủ cho ngành. Đặc biệt phải trả lại cho ngành giáo dục những trường học bị các cơ quan chiếm đoạt. Nhất là ở Hà Nội, như đại sứ quán Nga, bộ tài chính, tổng cục bưu điện, trung ương Đảng phải làm gương trả cho ngành giáo dục trụ sở ở phố Nguyễn Cảnh Chân hiện nay vì đó chính vốn là trường học cũ.

### Phải tự do thông tin, tự do báo chí

Thông tin là biểu hiện tập trung của trí tuệ. Thời đại kinh tế tri thức ngày nay không thể bưng bít thông tin, bắt mọi người phải nghe thông tin một chiều. Phải coi thông tin là khoa học chính trị. Thay đổi Luật Báo chí hiện nay coi báo

chí là... tiếng nói của Đảng... mà chỉ khẳng định báo chí là công cụ thông tin. Cho phép ra báo dân lập, thậm chí cho ra đời các hàng truyền hình tư nhân. Công cụ thông tin ngôn luận, báo chí của Đảng, nhà nước và dân lập bình đẳng và đều phải hoạt động theo luật pháp.

Đó là những kiến nghị cơ bản với đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam hệ thống những ý kiến đã góp với các đại hội trước.

Xin kính gửi các đoàn đại biểu đại hội Đảng, các cơ quan ngôn luận và bè bạn quan tâm.

Để tham khảo, xin kèm theo dưới đây một số thông tin về sự đổi mới cơ cấu chính trị của Trung Quốc hiện nay. Lịch sử của Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đầy thăng trầm, rất vinh quang và cũng bao cay đắng, nhất là vụ Cách mạng Văn hóa. Khi họ nhận ra sai lầm, họ nói thẳng ra trên phương tiện thông tin đại chúng. Diễn hình là sách *Nửa đàn ông là đàn bà* của Trương Hiền Lượng, sách *Báu vật của đời* của Mạc Ngôn, bộ phim *Hạng Vũ biệt Ngu Cơ*, và nhất là bộ phim *Phải sống !* do Trương Nghệ Mưu làm đạo diễn, Củng Lợi đóng vai chính. Bộ phim khái quát lịch sử Trung Quốc từ thời những năm 20 - Quốc dân Đảng đến thời Cách mạng văn hóa - Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đảng chú ý là bộ phim nhắc đi nhắc lại và dùng làm lời kết bộ phim này : chủ nghĩa cộng sản là quả trứng nở con gà, con gà hoá con cừu, con cừu hoá con bò ! Bộ phim này chiếu ở rạp Tháng Tám, tại Hà Nội, năm 1999.

Bản tin Thông tấn xã Việt Nam, 23-10-2000, đưa tin Lý Thuy Hoàn, ủy viên thường vụ bộ chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, chủ tịch hội nghị chính trị hiệp thương toàn quốc tại thành phố Tế Nam, đã nói : "Bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm của đảng ta trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội đáng để cán bộ cấp cao suy nghĩ, cảnh tỉnh để không lặp lại những sai lầm lịch sử mang tính chính trị, phương châm, chính sách, đường lối". Nguyên nhân, Lý Thuy Hoàn khái quát tóm điểm : "Đảng Cộng sản chúng ta đã đi ngược lại cương lĩnh của Đảng, phản bội ý chí nhân dân | ... | xa rời thực tế | ... | cản bệnh phô trương,

phù phiếm, dối trá đã ăn sâu vào đầu óc chúng ta [...] cán bộ lãnh đạo cao hơn pháp luật [...] Hiện tượng sùng bái cá nhân mới lại ngóc đầu dậy [...] ý kiến cá nhân lãnh đạo cao hơn luật pháp [...] Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu quy kết lại cùng do những nguyên nhân trên [...] Đảng Cộng sản chúng ta khuyến khích, cổ vũ cán bộ, nhân dân nói sự thật, thậm chí chửi Đảng, chửi chính phủ, chửi nhà nước, chửi chính sách, điều này có gì đáng sợ? Nếu như Đảng Cộng sản chúng ta sợ dân chửi, sợ dân trách, cứ từ đó áp chế họ thì như vậy bản thân Đảng Cộng sản chúng ta đã phản bội nhân dân, Đảng Cộng sản chúng ta không còn tương lai nữa".

Trước đó, bản tin Thông tấn xã Việt Nam, 4-7-2000 tường thuật : "Ngày 3-5-2000 khi dự hội nghị mở rộng của thành uỷ Thượng Hải, Lý Thuy Hoàn lại nói : "Tôi xin hỏi các đồng chí ngồi đây ai là người đã thực sự học tập chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông hay chỉ là nói dối, nói suông, tự lừa dối mình [...] Đồng chí Đặng Tiểu Bình đã ba lần vào những năm 1978, năm 1981, năm 1985 nêu ra rằng chúng ta phải tiến hành nghiên cứu một cách có hệ thống chế độ đa đảng. Có phải chế độ đa đảng là chế độ tư bản chủ nghĩa hay không ? Và chế độ một đảng là chế độ xã hội chủ nghĩa hay không ? Xem ra chế độ đa đảng đều đã thành công lớn ở các nước lớn, nước vừa và nước nhỏ [...] / Có thể nhiều ý kiến trong đảng, trong xã hội đều tán thành chế độ đa đảng tốt hơn chế độ một đảng. Thực tế là tính ưu việt của chế độ đa đảng đều thể hiện khá thành công ở nhiều nước về các mặt chính trị, kinh tế và tiến bộ xã hội" [...] Mỹ hoặc Trung Quốc đều cho rằng phát biểu của Lý Thuy Hoàn quá bạo gan, bạo phổi, nhưng đúng là sự thật phủ phàng mà Đảng Cộng sản từ lâu nay vẫn lảng tránh".

Báo Tuổi trẻ Chủ nhật (Thành phố Hồ Chí Minh), số 6-2000, ngày 13-2-2000, đăng bài Trị quốc trước tiên phải trị Đảng : "Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đã phát biểu như trên ngày 15-1-2000 tại hội nghị toàn thể lần thứ 4 ủy ban kiểm tra kỷ luật trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chủ tịch Giang Trạch Dân thừa nhận hiện tượng hủ bại tham nhũng là một tồn tại lớn

trong Đảng ngày càng trầm trọng, chưa chặn đứng nổi. Ông nói: "Trị quốc trước tiên phải trị Đảng và trị Đảng phải thật nghiêm minh"".

Bản tin Thông tấn Xã Việt Nam, 5-3-2000, "ngày 27-1-2000, lãnh đạo Trung Quốc đã triệu tập chủ tịch các Đảng phái dân chủ và một số đại biểu các giới tôi nghe thủ tướng Chu Dung Cơ trình bày về báo cáo công tác chính phủ [...] Chu Dung Cơ nói : "Nếu như bảo tôi nói về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội thì tôi 100% không đủ tiêu chuẩn. Nếu kiểm tra tôi về tính ưu việt này thì may ra tôi chỉ đạt 10% tới 20% (mọi người cười rộ) [...] Hôm nay mọi người tôi thì vẫn là cách làm hình thức chủ nghĩa cũ trước đây. Vì sao tôi lại nói như vậy ? Rất đơn giản là mọi người sẽ 100% tán thành công tác cũng như phương châm chính sách của Đảng Cộng sản (mọi người cười lớn). Điều không thể thiếu được là đến để ca ngợi công đức của Đảng Cộng sản. Điều này đã làm đã trở thành quy luật, thói quen. Nói thực lòng, điều tôi nghe cũng như điều mọi người nói đều không phải của mình, đều hổ thẹn với lương tâm, càng hổ thẹn với chức vụ của chúng ta hiện nay. Tôi xin đề nghị từ nay chúng ta nên sửa lại, thay đổi cách làm này có được không ?" (mọi người cười và vỗ tay hoan hô)".

Bản tin Thông tấn Xã Việt Nam, 16-7-2000 : "Hội nghị công tác chính trị tư tưởng toàn quốc họp trong hai ngày 28-6 và 29-6 ở Bắc Kinh [...] quán triết thuyết "Ba đại biểu" của ông Giang Trạch Dân. Nội dung chính của thuyết "Ba đại biểu" là: 1- Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn luôn đại biểu cho yêu cầu phát triển lực lượng xả xuất tiên tiến nhất của xã hội. 2- đại biểu cho phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến. 3- đại biểu cho lợi ích căn bản của đồng đảo quần chúng nhân dân" [...] Theo lý luận truyền thống trước đây 'Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội tiền phong của giai cấp công nhân' [...] thuyết "Ba đại biểu" hiện nay không đề cập tới "giai cấp công nhân"."

### Phạm Quế Dương

37 Lý Nam Đé Hà Nội  
ĐT : 8231372

## Tạp ghi

Nguyễn Phi Phụng

### Chirac hay Jospin ?

Sang năm tới, nước Pháp bầu tổng thống mới với nhiệm kỳ 5 năm thay vì 7 năm như trước đây. Hai ứng cử viên có khả năng về đầu và trúng cử là hai nhân vật đầu não đương kiêm tổng thống Chirac thuộc đảng Tập hợp Cộng hòa và đương kiêm thủ tướng Jospin, thuộc Đảng Xã hội. Hai nhân vật này bắt buộc phải "sống chung" sau khi Đảng Xã hội thắng cử ở quốc hội, năm 1997. Đây là lần thứ ba của Đệ ngũ Cộng hoà có trường hợp sống chung như vậy kể từ năm 1986 và vẫn có khả năng tiếp tục. Vì vậy, hai nhân vật đầu não của nhà nước là hai người đối thủ. Trên thế giới ít có trường hợp tương tự như vậy nhưng phải công nhận hai ông Chirac và Jospin rất tôn trọng hiến pháp và có tinh thần dân chủ cao. Tuy nhiên, mỗi bên tìm cách khai thác sơ hở của địch thủ. Trong dịp tuyển cử hội đồng xà toàn xứ vào tháng 3 vừa qua và đặc biệt ở thành phố Paris mà ông Chirac là cựu thị trưởng trong hai thập niên, tên ông bị đối lập nói tới trong nhiều vụ thu nhập tài chính không rõ rệt, hồ sơ các nhân viên "ma" ở tòa đô chính v.v. và bị một thẩm phán cho triệu tập thẩm vấn nhưng ông Chirac không đi hầu toà viện le chức vụ tổng thống "không cho phép". Hiến pháp của nước Pháp không dự trù tổng thống phải trả lời trước một toà án hình sự mà trước một toà án tối cao. Trong việc này, ông thẩm phán muốn thẩm vấn ông Chirac với tư cách cựu thị trưởng chứ không phải với tư cách tổng thống. Dù chưa rõ hư thiệt ra sao, dư luận quần chúng còn nghi ngờ về tính trung thực của ông. Còn ông Jospin thì bị địch thủ phanh phui về quá khứ và bắt buộc phải thổ lộ mình là một cựu thành viên của một đảng Tròt Ky trong nhiều năm mà ông từ trước đến nay vẫn phủ nhận và cho có sự "nhầm lẫn" với người anh của ông. Bị đối lập tấn công nhiều lần về quá khứ ở quốc hội, ông Jospin không dần được cơn nóng giận và trả lời

ông kỳ thực có chậm trễ trả lời về quá khứ nhưng vẫn còn nhẹ hơn không trả lời tòa án (ám chỉ ông Chirac). Dịch thủ của ông Jospin lợi dụng cơ hội nhấn mạnh ông Jospin là "mất bàn đạp", "đứt chỉ", những thành ngữ ám chỉ một người mất bình tĩnh, không xứng đáng là một chính khách.

Trong khi chờ đợi vào tháng 5 năm tới, hai ông Chirac và Jospin tiếp tục "sống chung" và ... chống đối qua các nhân vật phụ. Dân chủ có cái giá của nó.

### Quân chủ lập hiến của xứ Nê Pan sắp tận cùng ?

Xứ Nê Pan, với 147 000 cây số vuông và 23,4 triệu dân, là một trong những nước Á châu thu hồi độc lập sớm nhất vào năm 1923 và trước Ấn Độ 24 năm. Hiến pháp năm 1951 thiết lập nền dân chủ đại nghị nhưng sau đó bị vua Mahendra II hủy bỏ vào năm 1960. Năm 1990, quân chúng nổi dậy, vua Birendra, người nối ngôi vua Mahendra II cho tái lập nền quân chủ lập hiến và chế độ đa đảng cho đến nay trước khi thái tử Dipendra, trong giây khắc, đã dùng súng tiêu diệt cả gia đình hoàng gia và tự sát. Đây có lẽ là điều hi hữu trong lịch sử của các triều đại vua chúa từ Đông sang Tây. Ngày 1-6-2001, trong một buổi ăn chiều ở cung điện Narayan Hiti, hoàng tử Dipendra, 30 tuổi, theo một uỷ ban điều tra, đã qua chén và đã đi đến hành động điện cuồng nói trên. Lý do được đưa ra là hoàng hậu Aishwarya R. L. D Shad đã ngăn cản hoàng tử lấy một người con gái thuộc gia đình Rana mà mẹ là người Ấn Độ. Gia đình Rana đã lật đổ gia đình Shad năm 1845 và gia đình Shad được cố thủ tướng Nerhu cho trả lại ngôi năm 1951. Theo truyền thống, hai họ thường lấy nhau để giữ tính hoà khí, bằng chứng là hoàng hậu Aiswarya là người thuộc gia đình Rana. Thế nhưng ...

Sau khi tự sát nhưng chưa chết, thái tử Dipendra theo tục lệ lên nối ngôi vua trong thời gian ngắn dù ông là người giết cha mẹ và anh em họ hàng. Điều tiếc rẽ là vua cha Dipendra, người rất còn trẻ (56 tuổi) và rất thức thời. Ông trước đây có học ở nhiều đại học có tiếng ở nước ngoài như Eton (Anh), Tokyo (Nhật) và Harvard (Mỹ). Lên

ngôi năm 1972, ông theo ý dân chấp nhận quân chủ lập hiến năm 1990 và nhờ đó có uy tín lớn trong quần chúng. Hàng năm theo truyền thống, vị vua này đi đóng trại một tháng ở một nơi trong xứ để có dịp tiếp xúc thẳng quần chúng. Đối với hai nước láng giềng lớn Trung Quốc và Ấn Độ, ông tuyên bố là nước Nê Pan là một "vùng hòa bình" và điều này có ghi trong hiến pháp.

Sau khi thái tử Dipendra chính thức từ trần, hoàng tử Gyanendra, 53 tuổi và em của vua Dipendra chính thức lên nối ngôi. Nhưng vị vua mới này không được dân chúng ưa chuộng vì có xu hướng bảo thủ, có ý định tái lập quân chủ chuyên chế nghĩa là độc tài. Ông này bị quần chúng xuống đường biểu tình chống đối. Ngoài ra, người con của vị vua mới này tên Paras cũng bị dân chúng ghét vì đã làm thiệt mạng một dân lành trong một tai nạn xe cộ nhưng không bị toà án xét xử. Ngoài những điều nói trên, dân chúng lại không tin những kết luận của uỷ ban điều tra vì họ cho thái tử Dipendra bị tẩm độc. Lại nữa, hoàng tử Gyannentra hôm đó vắng mặt và vợ và con của ông này chỉ bị thương.

Ở các xứ còn có nền quân chủ lập hiến, các hoàng hậu hay vua phải là những người gương mẫu và biểu tượng cho một cái gì cao cả thiêng liêng chẳng hạn như thống nhất đoàn kết. Nếu không sẽ không còn lý do nào để tồn tại. Người ta lo ngại vị vua mới của xứ Nê Pan và người con của ông không ở vào trường hợp này.

### Bun Ga Ri hi hữu

Tổng tuyển cử ở Quốc hội vừa qua ở Bun Ga Ri, một xứ thuộc khối cộng sản Đông Âu cũ, làm thế giới chú ý đến. Không phải xứ này đã đi vào dân chủ thực sự như một số khác cùng cảnh ngộ trước đây mà là Đảng vừa vê vang thắng cử do vị vua cuối cùng của xứ này mới vừa thành lập ba tháng trước đó. Xứ Bun Ga Ri với độ 1/3 diện tích của Việt Nam (111 000 cây số vuông) và ngoài 8 triệu dân chưa thoát khỏi tình trạng kinh tế khó khăn do hậu quả của gần nửa thế kỷ của chế độ "xã hội chủ nghĩa" để lại. Sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, các chính phủ nối tiếp từ tả đến hữu vẫn chưa thành công đưa nền kinh tế ra khỏi lầm

than khốn cùng. Nợ nước ngoài lên tới 7,6 tỷ USD nghĩa là gần 70% GDP và nạn thất nghiệp còn chiếm 17% dân số lao động trong khi nạn tham nhũng và quan liêu vẫn hoành hành trong đời sống của dân chúng. Chính phủ hứu cuối cùng của ông Ivan Kortov, dù được quý tiền tệ quốc tế "khen" đã có nhiều cố gắng đáng kể trong việc lành mạnh hóa tài chính, nhưng dân chúng phải trả một cái giá quá cao nghĩa là phải thắt lưng buộc bụng trong nhiều năm. Trong bối cảnh này, đảng Phong trào Quốc gia của cựu quốc vương Siméon II với một "chương trình" kinh tế và chính trị ngắn gọn qua khẩu hiệu "*Hãy tin tưởng ở tôi!*" và với những lời hứa hoàn toàn không thể thực hiện được như tăng lương hưu trí, tăng lương công tư chức, giảm thâm hụt ngân quỹ quốc gia, giảm lạm phát v.v. về đầu với 43% phiếu và chiếm đúng phân nửa ghế ở Quốc hội (120 trên 240 ghế) trước Lực lượng dân chủ liên hiệp của thủ tướng Kostov với 18,2%. Đây không phải là lần đầu tiên vị vua cuối cùng trở lại Bun Ga Ri để tham gia sinh hoạt chính trị. Năm 1996, vị vua này có ý định ra ứng cử tổng thống nhưng bất thành. Cách đây vài tháng, hội đồng hiến pháp lại bác bỏ đơn xin ra ứng cử tổng thống của ông vì ông không thường trú liên tục trong xứ nhưng trái lại không ngăn cấm ông ra tranh cử dân biểu Quốc hội. Ông Siméon II lên ngôi năm 1944 lúc ông mới có 6 tuổi và bị truất phế năm 1947 qua một cuộc trưng cầu dân ý do chính phủ cộng sản được Stalin áp đặt tổ chức. Từ đó trở đi, ông Siméon, nay 63 tuổi, sống một cuộc đời lưu vong ở Madrid, thủ đô của xứ Tây Ban Nha. Được hỏi về ý định tái lập quân chủ trở lại ở xứ này, ông Siméon II chưa trả lời một cách rõ rệt. Tuy vậy, đa số quần chúng chống lại chế độ quân chủ trong một cuộc thăm dò ý kiến gần đây. Những ngày sắp tới mới là những ngày quyết định vì chính phủ mới của Đảng ông Siméon II sẽ lên cầm quyền và phải thực hiện những lời hứa khó thoả mãn trong cuộc tuyển cử vừa qua trong khi Đảng của ông gồm nhiều thành phần hồn tạp và chẳng có chương trình nào cả ngoài khẩu hiệu "*Hãy tin tưởng ở tôi!*".

Nguyễn Phi Phụng

## Củng cố lại chỗ đứng của Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc

Nguyễn Văn Huy

Ngày 16-6-2001, dưới quyền chủ tọa của ông Raymond Forni, chủ tịch quốc hội Pháp và là một người gốc Ý tị nạn, Quốc hội Pháp biến thành Quốc hội của người tị nạn. Khóa họp đặc biệt này qui tụ 577 vị đại biểu tị nạn thuộc 71 quốc gia khác nhau trên thế giới, đã hoặc đang hưởng qui chế tị nạn hiện thường trú tại Pháp, để thay thế 577 vị dân biểu của quốc hội Pháp trong một ngày nhằm thông qua một văn kiện, gọi là Lời kêu gọi Paris nhằm bổ sung Công ước Genève 1951 về quyền tị nạn.

Trong lời khai mạc, lúc 16 giờ, ông Raymond Forni cho biết mục đích của ngày họp mặt này trước hết là để kỷ niệm 50 năm ngày ban hành Công ước Genève 28-7-1951 về người tị nạn, kể đến là để bổ sung nội dung của Công ước vừa nói cho thích hợp với những biến chuyển mới của thời đại và sau cùng là để thúc đẩy các quốc gia giàu có giúp đỡ tích cực hơn người tị nạn và khuyến khích các quốc gia nghèo khó ngăn chặn luồng di dân bất hợp pháp. Ông nói đây là lần tiên những người tị nạn lên tiếng trực tiếp trước một quốc hội về những thảm trạng mà họ đã trải qua nhằm đánh động dư luận quốc tế về người tị nạn và vai trò của Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc.

Ông Ruud Lubbers, cao ủy trưởng Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc và là cựu thủ tướng Hòa Lan, tóm tắt quá trình hoạt động của cao ủy từ 1951 đến nay. Ông nói số người tị nạn ngày càng đông vượt quá khả năng tài chánh của cao ủy, ông kêu gọi các quốc gia giàu có hãy tích cực tài trợ thêm nữa để cao ủy có thể tiếp tục chức năng của mình.

Một số quan chức và dân biểu Pháp cũng đã được mời lên diễn đàn phát biểu về những khó khăn gấp phải khi trong việc giúp đỡ người tị nạn. Riêng hai ông Kofi Annan, tổng thư Liên hiệp Quốc, và Kim Đại Trung, giải Nobel hòa bình và là đương kim tổng thống Nam Hàn, vì lý do công vụ không thể đến dự, đã gửi diễn văn đến nhờ hai ông Philippe Lavanchy, ủy viên Cao Ủy Tị nạn tại

Pháp, và Aung Ko, một người tị nạn gốc Miến Điện, đọc. Ngoài ra còn có một số phát biểu của vài khuôn mặt tị nạn nổi tiếng, vắng mặt, được truyền hình lại bằng video, đó là các ông Vidosav Stevanovic (cựu Nam Tư), Firouz Nadji-Ghazvini (Ba Tư), Dagpo Rimpoché (Tây Tạng) và bà Yolanda Mukagasana (Rwanda), trên màn ảnh của quốc hội.

Nhưng phát biểu gây xúc động và được chú ý nhất là của năm vị đại biểu tị nạn tiêu biểu, đó là các ông Henri Troyat, Miguel Angel Estrella, Nguyễn Văn Huy, Issa Nyaphaga và bà Spojmai Zariab. Ông Henri Troyat, 88 tuổi, gốc Nga, nhà văn và thành viên Hàn lâm viện Văn học Pháp, nói về nỗi khổ của sự lưu đày và sự mất gốc. Ông Miguel Angel Estralla, 68 tuổi, gốc Argentina, nhạc sĩ dương cầm, nói về cảnh tra tấn và hành hạ những người bất đồng chính kiến. Ông Nguyễn Văn Huy, 47 tuổi, gốc Việt Nam, 27 lần vượt biên, nói về thảm trạng thuyền nhân trên Biển Đông. Ông Issa Nyaphaga, 28 tuổi, gốc Cameroun, nói về những khó khăn trong hội nhập. Sau cùng là bà Spojmai Zariab, 52 tuổi, gốc Afghanistan, nói về hoàn cảnh bi đát của người phụ nữ Afghanistan dưới sự cai trị của phe Hồi giáo Taliban.

Vị khách mời danh dự, bà Taslima Nasreen, 39 tuổi, gốc Bangladesh, nhà văn, được mời lên nói lời cuối cùng. Bà Nasreen, bị phe Hồi giáo quá khích tại Bangladesh tuyên án tử hình, hiện đang tị nạn tại Thụy Điển, đề nghị xóa bỏ mọi biên giới để mọi người có thể chọn nơi nào có tự do nhất để sinh sống.

Chương trình chấm dứt lúc 19 giờ với Lời kêu gọi Paris do cô Amina Touidjine, 13 tuổi, gốc Algerie, đọc trên diễn đàn quốc hội hình bán nguyệt (hémicycle).

Nội dung Lời kêu gọi Paris, gồm 16 điều, yêu cầu các quốc gia: đã ký hay chưa ký thông qua Công Ước Genève năm 1951 và Thỏa ước New York năm 1967 về người tị nạn; hợp tác chặt chẽ và tích cực hơn với Cao Ủy Tị nạn; áp

dụng một cách thiết thực và toàn bộ hơn nội dung hai văn bản vừa nói; bãi bỏ hay nói lông những biện pháp ngăn chặn nhằm giúp đỡ và đón nhận thêm người tị nạn.

Lời kêu gọi này sẽ được dịch ra ba thứ tiếng (Anh, Pháp và Tây Ban Nha) và gửi tới các vị chủ tịch quốc hội khác trên thế giới. Lời kêu gọi này sẽ được dùng làm tài liệu làm việc trong Hội nghị thượng đỉnh về người tị nạn, gồm những nhân vật cao cấp của mỗi quốc gia phụ trách về người tị nạn, các phái đoàn thuộc Cao Ủy Tị nạn đang làm việc tại khắp nơi trên thế giới và các đại diện hội đoàn thiện nguyện quốc tế, sẽ được tổ chức tại Genève ngày 12-12-2001 nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày ban hành Công ước Genève 1951.

Sở dĩ có lời kêu gọi này là vì số người tị nạn hiện nay trên thế giới gia tăng một cách bất thường, những gì đã được hoạch định cách đây 50 năm không còn hợp thời nữa. Nước Pháp trước kia được coi là mảnh đất của tự do và sự dùm bọc ngày nay không còn khả năng đó. Ông Raymond Forni muốn nhân dịp này thúc đẩy nước Pháp tiếp tục giữ vai trò tiên phong trong việc bảo trợ người tị nạn và hợp tác tích cực hơn với Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc.

Tại Pháp, cho đến cuối năm 2000, có 102.508 người thuộc 76 quốc gia khác nhau đang được hưởng qui chế tị nạn, đông nhất là người gốc Campuchia, Sri Lanka, Việt Nam và Lào. Phần lớn những người tị nạn trước kia ngày nay đã mang quốc tịch Pháp. Một vấn đề tế nhị đặt ra cho nước Pháp là một số thanh niên tị nạn đến từ các quốc gia Đông Âu cũ và Bắc Phi hiện nay đang một gánh nặng lớn cho xã hội, vì họ không những không chịu hội nhập mà còn phá rối an ninh trật tự, gây rối loạn và bất mãn trong quần chúng. Đó cũng là một trong những lý do mà chính phủ Pháp hạn chế tối đa việc thu nhận người tị nạn và đã tỏ ra khắc khe đối với người nhập cư bất hợp pháp.

Người tị nạn không còn là ưu tư

hàng đầu của bất cứ chính quyền nào. Số tiền mà chính phủ Pháp tài trợ hàng năm cho Cao Ủy Tị nạn rất thấp, 55 triệu francs (7,3 triệu USD), nghĩa là chỉ bằng 1/5 số tiền mà cơ quan này dùng để trả lương và tài trợ cho những công dân hay tổ chức thiện nguyện Pháp đang hợp tác với cao ủy, 250 triệu francs (33 triệu USD). Chênh lệch này quá vô lý so với khả năng của một nước Pháp giàu có. Nhưng không riêng gì nước Pháp, các quốc gia giàu có khác cũng đang gặp những vấn đề tương tự với người tị nạn và không muốn tài trợ thêm cho cơ quan giúp người tị nạn của Liên hiệp Quốc. Tình trạng mệt mỏi và bi quan hiện nay của các quốc gia giàu có đối với người tị nạn trái ngược với lòng bao dung và sự hăng hái lúc ban đầu.

Trở lại 50 năm về trước. Lúc đó thế chiến thứ hai vừa kết thúc, hàng triệu người bị cưỡng bức rời nơi cư trú trong thời chiến đang sống lang thang trên khắp châu Âu nhưng không ai chịu về quê quán cũ, vì không còn nhà cửa hay sợ bị phân biệt đối xử. Để giải quyết tình trạng này, trong một khóa họp của Đại hội đồng Liên hiệp Quốc tại Genève ngày 28-7-1951, một qui chế về người tị nạn được ban hành, gọi là Công ước Genève 1951 (gồm 6 chương, 46 điều, có hiệu lực kể từ ngày 22-4-1954), và một cơ quan chăm lo người tị nạn được thành lập, gọi là Cao Ủy Tị nạn (*High Commission for Refugees*).

Công ước Genève 1951 là sự cụ thể hóa Công ước quốc tế về quyền con người vào thực tế và Cao Ủy Tị nạn là công cụ của Liên hiệp Quốc để thực hiện các quyền đó. Hơn mười năm sau, ngày 4-10-1967, cũng trong một khóa họp của đại hội đồng Liên hiệp Quốc tại New York, một văn bản khác được ra đời nhằm bổ túc những thiếu sót của công ước vừa nói, gọi là Tu chính New York 1967. Từ đó đến nay, hai văn kiện này được 141 quốc gia trên thế giới cam kết tôn trọng và là tài liệu pháp lý căn bản của Liên hiệp Quốc nhằm giúp đỡ và bảo vệ người tị nạn. Nội dung Lời kêu gọi Paris 2001 có thể sẽ là một trong những văn kiện bổ sung mới.

Nhưng người tị nạn là ai? Đó là "những người lo sợ bị hành hạ vì lý do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, thuộc

các tổ chức xã hội hay chính trị đang ở ngoài quốc gia mà họ mang quốc tịch, và không thể hay, vì sự lo sợ đó, không muốn yêu cầu quốc gia đó bảo vệ; hay những người, khi chưa có quốc tịch và đang ở ngoài quốc gia thường trú bởi những biến cố ngoài ý muốn, không thể hay, vì sự lo sợ đó, không muốn trở về quê quán cũ" (điều 1 Công ước Genève 1951). Những người không bị một đe dọa nào tại quốc gia mà họ đang có quốc tịch không thể xin hưởng qui chế tị nạn.

Trong thập niên 1950, công tác cứu trợ người tị nạn của Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc chủ yếu tập trung vào châu Âu, với một ngân sách khá dồi dào. Sang thập niên 1970, sự giúp đỡ hướng về châu Phi và châu Á, đặc biệt là tại Đông Nam Á, nơi xảy ra những cuộc chiến dữ dội nhất làm hàng triệu người phải ly tán khỏi quê hương. Trong đợt này, hơn hai triệu người gốc Đông Dương, trong đó có gần một triệu người Việt Nam, đã được đưa đi định cư tại những quốc gia khác từ các trại tị nạn Đông Nam Á. Giữa thập niên 1980, Cao Ủy Tị nạn đón nhận làn sóng người tị nạn đến từ khu vực Sừng châu Phi, Nam Á và Nam Mỹ, nhưng lần này những nạn nhân trốn chạy sự đói kém và bệnh tật nhiều hơn là bị đe dọa bởi chiến tranh, hình ảnh những người Ethiopia chết đói gây xúc động dư luận quốc tế. Bước vào thập niên 1990, Cao Ủy Tị nạn tiếp nhận một làn sóng người tị nạn mới trốn chạy các cuộc chiến tranh diệt chủng quanh khu vực Hồ châu Phi và vùng Balkan miền Nam châu Âu, nhưng lần này nhân viên cao ủy làm việc chung với lực lượng bảo vệ hòa bình của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức thiện nguyện phi chính phủ.

Hiện nay trên toàn thế giới có khoảng 50 triệu người tị nạn, trong đó trên 21 triệu người tị nạn ở ngoài quốc gia mà họ mang quốc tịch và gần 30 triệu người đang tị nạn tại chính quốc gia mà họ có quốc tịch. Trong thực tế Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc chỉ bảo trợ trực tiếp 21 triệu người ở ngoài quốc gia mà họ mang quốc tịch, số còn lại mặc cho số phận không may của mỗi người tại chính quốc.

Trước sự gia tăng bất bình thường này, khả năng tài chính của Cao Ủy Tị

nạn lại rất hạn hẹp. Ngân sách làm việc của Cao Ủy Tị nạn năm 2001 là 954,9 triệu USD, năm 2002 giảm xuống còn 825 triệu USD. Dáng lo ngại nhất là Hoa Kỳ tuyên bố sẽ không tài trợ cho các chương trình giúp đỡ người tị nạn của Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc nữa kể từ năm 2002 (năm 2000 Hoa Kỳ tài trợ 235 triệu USD, 1/4 ngân sách của Cao Ủy). Tương lai của Cao Ủy Tị nạn chính vì thế rất là bấp bênh, nhiều chương trình cứu trợ nhân đạo đã bị đình chỉ vì thiếu tiền.

Từ vài năm gần đây, Cao Ủy Tị nạn bị một số quốc gia có truyền thống tiếp nhận người tị nạn tố cáo là nguyên nhân của các làn sóng người tị nạn vô kiểm soát. Điều này chỉ đúng một phần, động cơ ban đầu của các làn sóng người tị nạn hiện nay có thể là lý do kinh tế. Người ta chạy trốn thiên tai và sự nghèo khổ tại quê nhà nhiều hơn là trốn chạy chiến tranh hay bị phân biệt đối xử. Phần lớn những người tị nạn mới này xuất phát từ các quốc gia độc tài hay kém phát triển, đời sống rất nghèo khổ, và chính vì đời sống quá nghèo khổ nên mọi người tìm cách di cư vào một quốc khác giàu có hơn. Lý do kinh tế và chính trị quyết lẩn vào nhau, vai trò của Cao Ủy Tị nạn chính vì vậy trở nên khó khăn và tenuous. Những người tị nạn mới này gần như bị từ khước quyền nhập cư hay tị nạn tại các quốc gia phát triển, nhưng phần lớn lại không muốn trở về sinh quán cũ sau khi đã được Cao Ủy Tị nạn giúp đỡ, vấn đề là chỗ đó. Đó chính là nguyên nhân khiến làn sóng di dân bất hợp pháp mà các quốc gia giàu có muôn ngăn chặn.

Trong đại hội 12-12-2001 sắp tới, Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc chắc chắn phải đưa ra nhiều giải đáp cho bài toán tị nạn hiện nay để chinh phục sự lòng tin của các quốc gia giàu có để có thể tiếp tục nhận sự yểm trợ.

- Đề nghị hay nhất có thể được mọi người chấp nhận là biện pháp đã từng áp dụng đối với thuyền nhân Việt Nam tại Hồng Kông hay Philippines, nghĩa là vận động sự hồi hương tự nguyện. Trong trường hợp này Cao Ủy Tị nạn cần được tài trợ nhiều hơn để đào tạo người tị nạn ngay trong trại một nghề chuyên môn để khi về lại quê quán cũ họ sẽ dùng nghề đó làm kế sinh nhai.

- Đề nghị thứ hai là tái định cư người

tị nạn từ các trại tập trung sang các quốc gia thứ ba vì lý do an ninh; đương sự không thể trở về quê quán cũ vì sợ trả thù hay phân biệt đối xử. Đề nghị này không có gì mới nhưng các quốc gia đệ tam sẽ xét từng trường hợp một cách khắt khe.

- Đề nghị thứ ba là hội nhập người tị nạn ngay tại chỗ, nghĩa là đề nghị quốc gia chứa chấp người tị nạn lúc ban đầu cho định cư luôn trên lãnh thổ. Giải pháp này không mấy thực tế vì người tị nạn chỉ muốn nhập cư vào một quốc gia giàu có chứ không muốn định cư tại một quốc gia ở gần biên giới hay chỉ khá hơn quốc gia cũ của họ một chút. Trong trường hợp này, Cao Ủy Tị nạn phải trả cho quốc gia thu nhận một số tiền khá lớn để bù đắp sự tốn kém khi nhận người định cư, nhưng không ai bảo đảm là người tị nạn sẽ không tìm cách dời cư sang một quốc gia phát triển khác.

- Đề nghị thứ tư là yêu cầu các quốc giàu có tôn trọng nhân phẩm của người nhập cư bất hợp pháp tại các phòng chờ bị giải giao về nơi xuất cư sau cùng (chứ không phải về quê quán cũ) trong các phi trường. Lời kêu gọi Paris 2001 yêu cầu không được trực xuất người xin tị nạn về quê quán cũ nhưng không đưa ra giải pháp cụ thể.

- Đề nghị thứ năm là yêu cầu các quốc gia giàu có giúp đỡ tích cực các quốc gia chậm tiến để bắt kịp đà tiến hóa chung của nhân loại nhằm ngăn chặn làn sóng di dân bất hợp pháp. Sự giúp đỡ này cũng không bảo đảm sẽ được sử dụng như thế nào trong thực tế, kinh nghiệm cho thấy mọi giúp đỡ nhân đạo quốc tế phần lớn đều lọt vào tay giới cầm quyền thay vì đến người cần sự giúp đỡ.

Cho dù có đại hội đồng Liên hiệp Quốc và các quốc gia phát triển nhất có quyết định như thế nào đi nữa, đối với cộng đồng người Việt tị nạn, Cao Ủy Tị nạn vẫn là một định chế an nhàn cần được ủng hộ. Sự ủng hộ cũng rất dễ dàng, chỉ cần mỗi người trong chúng ta xác nhận mình đã từng là người tị nạn trước dư luận quốc tế hay tại quốc gia đang cư ngụ, qua báo chí hay truyền thanh, truyền hình, hay, cao đẹp hơn nữa, ủng hộ tài chính cho Cao Ủy Tị nạn Liên hiệp Quốc.

**Nguyễn Văn Huy**

50 năm Công Ước Genève về người tị nạn

## **Người thương người: lương tri nhân loại**

Bùi Tín

Paris, ngày 16-6-2001. Lâu đài lịch sử Bourbon bên tả ngạn sông Seine, trụ sở quốc Hội Pháp, được chọn làm nơi kỷ niệm long trọng và thiết thực 50 năm Công Ước Genève về người tị nạn. Liên hợp Quốc chọn Paris làm nơi kỷ niệm cho toàn thế giới vì Pháp được dư luận công nhận là đất nước của tự do, là cái nôi của chế độ dân chủ, luôn hào hiệp đón nhận người tị nạn đến từ mọi hướng: châu Phi, châu Á, các nước Đông Âu, Trung Đông, châu Mỹ La Tinh... Năm 1999 đã có 30 nghìn người xin tị nạn ở Pháp; năm 2000 con số ấy là 38 nghìn.

### **Nơi cư trú: một danh từ đẹp**

Trong phòng họp lịch sử của quốc hội Pháp, 577 đại biểu thuộc 71 nước lần lượt vào ngồi kín, với màu da, trang phục khác nhau, đại biểu cho hơn 20 triệu người tị nạn hiện đang được sự chăm sóc của Cao Ủy Tị nạn Liên hợp Quốc, theo lời mời của chủ tịch quốc hội Pháp Raymond Forni và của Cao Ủy Tị nạn (HCR) Ruud Lubbers.

Lời khai mạc của chủ tịch R. Forni đi vào lòng người vì bản thân ông là người tị nạn từ nước Ý sang Pháp sau đại thế chiến hai; một trẻ em nghèo khổ, lưu lạc được nước Pháp cưu mang, dạy dỗ để trở nên một chính khách hàng đầu của nước Pháp hiện nay. Theo ông "nơi cư trú" là một danh từ đẹp. Phải sống cuộc đời tị nạn, bị chế độ truy lùng, xua đuổi, lạc lõng trên sa mạc, lênh đênh trên đại dương, đói khát, bị hải tặc đe dọa, với bố mẹ già, con trẻ kiệt sức chết lả trên tay... mới hiểu hết giá trị của nơi cư trú, nơi tiếp nhận người tị nạn với bát súp nóng, bánh mì thơm, nụ cười an ủi, viên thuốc thần diệu, mang lại niềm tin ở cuộc sống, ở tình người, ở sự che chở của tình thương, cảm nhận sự an toàn sau biết bao nguy cơ hiểm nghèo, những hành trình phiêu lưu bèo dạt mây trời, thân phận con người như cỏ rác...

50 năm qua, Cao Ủy Tị nạn đã góp phần giải quyết hơn 50 triệu trường hợp tị nạn do những cuộc chiến tranh, những xung đột chủng tộc, tôn giáo, ý thức hệ, kỳ thị, phân biệt đối xử... gây nên. Đại

hội xúc động chăm chú nghe lời phát biểu của viện sĩ Viện hàn lâm Pháp Henri Troyat về cuộc đời tị nạn của ông từ năm lên 8, nay vừa 88 tuổi. Ông cùng gia đình từ thủ đô nước Nga sang Pháp sau biến động của Cách mạng Tháng 10, nạn nhân của cuộc "cách mạng vô sản" do Lenin đề xướng. Cậu bé không tổ quốc ấy được nước Pháp nuôi dưỡng ân cần để trở thành một trí thức hàng đầu về nghiên cứu và sáng tác văn học, tiếng Nga và tiếng Pháp giỏi ngang nhau, một nhân vật tiêu biểu cho những người tị nạn thành đạt cao trên đất Pháp.

### **Những thập kỷ tị nạn đầy máu và nước mắt**

Cao Ủy Tị nạn Lubbers nhắc lại những thập kỷ tị nạn của thế kỷ qua. Những năm 50 là các làn sóng di chuyển dân cư, tị nạn ở khắp các lục địa Âu, Á, Mỹ, Phi do hậu quả của cuộc chiến 1939-1945 quy mô toàn cầu. HCR phải đương đầu với thảm cảnh di cư rộng khắp khi thiếu kinh nghiệm và phương tiện, cho nên chỉ có thể tập trung hoạt động ở lục địa bị chiến tranh tàn phá nặng nhất, sâu đậm nhất là châu Âu: Tây Âu, Đông Âu, vùng Balkan. Những năm 60, tị nạn rộ lên ở châu Phi thời phi thực dân hóa. HCR dành 2/3 công sức cho lục địa này. Những năm 70, tị nạn rộ lên ở Đông Nam Á; riêng các nước Đông Dương đã có gần hai triệu người tị nạn được HCR chăm sóc, trong đó bị đát nhất là thảm cảnh thuyền nhân. Những năm 80, tị nạn bung ra dữ dội ở Sừng châu Phi và Trung Mỹ; những trại tị nạn khổng lồ được thiết lập từ Somalia, Angola, Ethiopia đến Uganda, Nigeria... Những năm 90, HCR phải lao vào các địa bàn xung đột vũ trang, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ giữ gìn hòa bình của Liên hợp Quốc, ở châu Phi, vùng Balkan và Trung Đông.

Đại hội đã lặng im vì xúc động, nhiều đại biểu lau nước mắt khi nghe các nhân vật tị nạn tiêu biểu kể lại thảm cảnh của mình. Đó là ông Estrella, người tị nạn Argentina, hai phụ nữ tị nạn từ Afghanistan và Algérie, nổi đang

diễn ra các cuộc kỳ thị chủng tộc, tôn giáo và phụ nữ khốc liệt. Nhà văn nữ Taslima Nasreen, bị tuyên án tử hình ở Bangladesh, đã tìm thấy ở nước Pháp "cái nôi của quyền cướp" và từ diễn đàn đại hội bà cất lên lời kêu gọi khẩn thiết: "Tại sao chúng ta chỉ có cuộc sống ngắn ngủi trên quả đất nhỏ bé này giữa vũ trụ bao la, lại không biết đối xử với nhau bằng tình yêu, lòng thương cảm và nghĩa hòa thuận? Tại sao giữa người với người lại từ bỏ nhau, chém giết nhau? Có gì quý hơn cuộc sống? Hãy mang lại cho nhau tình yêu và hạnh phúc. Hãy đẩy lùi các khổ đau cho con người trên hành tinh này!".

### Bí kịch thuyền nhân Việt Nam vẫn còn chấn động

Một trong năm nhân chứng của bí kịch tị nạn quốc tế được mời lên phát biểu trước đại hội là người Việt Nam. Ông Nguyễn Văn Huy, một thuyền nhân đã ra đi từ Sài Gòn năm 1983, sau 27 lần cố gắng, được tàu Pháp vớt qua Hồng Kông rồi tị nạn tại Pháp, trở thành giám đốc hành chánh, giảng sư dân tộc học tại Đại học Paris 7, hiện là thành viên báo *Thông Luận*, trong Tập hợp Dân chủ Da nguyên, đã kể lại cuộc vượt biển hải hùng mà ông và những người trên thuyền đã trải qua. Danh từ "*boat people*" đã thành danh từ quốc tế, biểu hiện tội ác của chính quyền độc đoán và độc ác, do chính sách trả thù và phân biệt đối xử, đã xua đuổi đồng bào ta lù lù lượt ra đại dương trên những chiếc tàu, thuyền ọp ẹp, quá tải để thu vàng. Hệ thống công an lóa mắt bởi ngàn vạn lá vàng đã mất hết nhân tính, là thủ phạm của biết bao sinh mạng già trẻ, lớn bé chết chìm dưới đại dương, làm mồi cho cá và cho bọn hải tặc hung hán. Kẻ đe ra quỷ kế này chắc chắn rằng đại dương sẽ nuốt chửng mọi bằng chứng của tội ác. Nhưng bọn chúng đã nhầm. Hàng chục vạn, hàng triệu con người vượt biển còn sống sót, đều có *trí nhớ*. Họ mất nhà cửa, ruộng vườn, tài sản, quê hương... *trí nhớ* do đó càng sâu đậm. Và loài người có *trí nhớ*. Cả nhân loại đã ghi thảm cảnh thuyền nhân Việt Nam vào ký ức mình. Khi ông Huy kể đến thảm cảnh người chết trên thuyền, phải thả xác xuống biển, người xếp trong thuyền như cá mắm, thức ăn nước

uống cạn kiệt, người sống thoi thóp... nhiều đại biểu đã lấy khăn lau nước mắt. Giờ nghỉ, phóng viên báo *Paris-Match* còn bám theo các đại biểu Việt Nam để hỏi thêm về sự kiện thuyền nhân. Họ nêu lên những vấn đề đã cũ đến hơn 20 năm mà vẫn còn nóng hỏi trong suy tư của họ : Con số chết dưới biển ước tính bao nhiêu người ? Số vàng do ai thu, lên đến bao nhiêu tấn ? Những thủ phạm đã bị vạch mặt, chỉ tên, trừng trị ra sao ? Những nạn nhân hiện sống ở nước ngoài có tố cáo và kiện bọn tội phạm trước tòa án quốc tế nào chưa ? Loài người không được phép làm ngơ trước những tội ác có hệ thống và hàng loạt như vậy được. Không thể để cho bọn cướp của, giết người như thế lọt lưới pháp luật quốc gia và quốc tế. Một nhà báo Thụy Điển hỏi tôi : "Số boat people chết trong biển cả là bao nhiêu ?". Trả lời : "Hiện không rõ, ước lượng khác xa nhau. Từ 10 đến 400.000". Anh ta trồ mắt, lắc đầu: "Không được. Không thể mơ hồ đến thế được ! Người Việt Nam không quan tâm chuyện nước mình à ? Đầu rồi, các nhà luật học, nhà thống kê, nhà xã hội học trong và ngoài nước ?"

### Lời kêu gọi Paris

Đại hội đã nghe báo cáo, thảo luận và thông qua "*Lời kêu gọi Paris*". Đây là văn kiện quan trọng bổ sung vào Công ước Genève về người tị nạn được thực hiện nửa thế kỷ qua. Lời kêu gọi nêu rõ sự kiện người tị nạn vẫn còn đang là vấn đề thời sự quốc tế nóng hỏi. Lời kêu gọi nhấn mạnh trách nhiệm của các quốc gia thực hiện đầy đủ và trọn vẹn Công ước Genève. Lời kêu gọi khẳng định nguyên tắc *không được đẩy lùi người tị nạn* (*principe de non-refoulement*), giải quyết nhanh chóng, đúng thủ tục, một cách văn minh, tôn trọng nhân phẩm các người tị nạn. Lời kêu gọi cùng yêu cầu các quốc gia tham gia đóng góp thêm cho Cao Ủy Tị nạn, đại thể mỗi nước nên đóng góp theo số dân nước mình, không dưới một đô la một người dân; riêng đối với châu Âu mức đóng góp nên là một Euro một người dân. Lời kêu gọi biểu thị sự lo lắng đối với nạn tị nạn ra nước ngoài, pháp đưa người tị nạn ra nước ngoài, đầu cơ nỗi khổ của người tị nạn mà tiêu biểu là vụ 58 người Trung Hoa bị chết

ngạt trong xe vận tải ở Dover (Anh).

Lời kêu gọi cùng yêu cầu một số nước giải quyết tận gốc bi kịch tị nạn từ nước mình, chăm lo cuộc sống vật chất và tinh thần của xã hội, tôn trọng đầy đủ nhân quyền, nhân cách của nhân dân nước mình, đấu tranh kiên quyết loại trừ mọi biểu hiện kỳ thị dân tộc, tôn giáo và chính trị dưới các chế độ độc tài và độc đảng, coi đó là biện pháp cơ bản để giải quyết tận gốc vấn đề tị nạn.

### Hướng đến tháng Chạp 2001

Tại đại hội quốc tế người tị nạn, các nghị sĩ Pháp, François Loncle và Louis Mermaz đã nói lên ý định của chính giới Pháp và châu Âu là xây dựng không gian châu Âu thành một địa bàn mẫu mực về thực hiện Công ước Genève và Lời Kêu gọi Paris, coi quyền tị nạn là một quyền dân chủ cơ bản, như là quyền phát biểu và quyền hội họp vậy. Các ông nêu bật sự đóng góp nhiều mặt của người tị nạn cho nước Pháp phồn vinh và tỏa sáng. Bà nghị sĩ Pháp Aubert được cả hội trường hoan hô sôi nổi khi bà lên án mạnh mẽ những chế độ độc đoán phi nhân, hung bạo và cực đoan, đã làm cho đất nước họ cai quản trở nên không sống nổi với một số người, buộc những người này phải đi tìm những mảnh đất khác để sống bình yên. Bà cũng lên án một số chính khách và thế lực chính trị trên đất Pháp đã có thái độ hai mặt, do bị các lợi ích kinh tế, tài chính và chiến lược làm cho mù quáng, làm lơ trước những hành động đàn áp nhân dân của một số chính quyền, đi ngược lại giá trị cơ bản của nước Pháp dân chủ.

Đến ngày 12 tháng Chạp năm 2001, tại Genève sẽ có một cuộc họp long trọng của các quốc gia cam kết thực hiện Công ước Quốc tế về người tị nạn (hiện đã có 171 nước) để kỷ niệm xứng đáng nửa thế kỷ đưa công ước vào đời sống quốc tế. Từ nay đến đó, các phương tiện truyền thông sẽ được huy động trên quy mô toàn cầu nhằm khơi dậy tình thương của con người đối với con người, lay động lương tri nhân loại. Để cho quả đất đẹp hơn, đáng sống hơn và cuộc sống trên trái đất này bớt đi máu và nước mắt, để tình người và nụ cười nở ở khắp nơi.

Bùi Tín

## **Chuyển đổi kinh tế xã hội chủ nghĩa và công cuộc "đổi mới" ở Việt Nam**

**Nguyễn Ngọc Hiệp**

Từ khi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ đồng loạt vào những năm 1990-1991, hệ thống kinh tế kế hoạch tập trung, chế độ sở hữu nhà nước cùng như tổ chức kinh tế tập thể và hợp tác xã đã thực sự cáo chung trên toàn thế giới. Kể từ những năm đó, các nước Đông Âu và Liên Xô cũ đã buộc phải chuyển đổi nền kinh tế nói riêng, chủ nghĩa xã hội nói chung để tìm điều kiện và khả năng mới cho phép đất nước vươn lên, người dân cải thiện cuộc sống vật chất và tinh thần. Trước đó, vì bị đe dọa khủng hoảng, thiếu hụt lương thực và hàng hóa, Trung Hoa từ năm 1979 và Việt Nam từ năm 1981 cũng đã bắt đầu cải cách, mở cửa và "đổi mới" nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của mình, rồi cả hai nước này đã cùng chọn con đường gọi là "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" (KTTTĐHXHCN).

Công cuộc chuyển đổi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của gần 30 nước tại Đông Âu, Liên Xô cũ, Trung Hoa và Việt Nam có nhiều nét khác nhau, rõ rệt nhất là về kết quả của chuyển đổi. Có những nước, sau những năm thử thách vô cùng khó khăn, đã có được những bước tiến mạnh mẽ và chắc chắn. Các nước này đều thuộc Đông Âu và hiện nay tiếp tục cải cách sâu rộng hơn nữa để hướng gần tới Liên Minh Châu Âu với mục đích lâu dài là trở thành hội viên của tổ chức này. Nhưng cũng có những nước khác, sau hơn mười năm chuyển đổi, vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa có những bước tiến dứt khoát. Các nước này thuộc Liên Xô cũ vẫn còn vết tích của chủ nghĩa xã hội cho nên những thay đổi thiếu nhất quán, tiến hành chậm chạp, không tạo ra những kết quả mong đợi. Đối với Trung Hoa và Việt Nam, công cuộc chuyển đổi đã làm kinh tế cải thiện rõ rệt. Nói chung, quá trình chuyển đổi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có nhiều khác biệt. Mức độ thành công của các nước ở nấc bậc cách nhau đáng kể.

Có lập trường cho rằng chuyển đổi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nhanh và đột兀 trên phạm vi lớn (shock therapy) như Liên Xô cũ không thuận lợi. Chuyển đổi vội vàng có thể là một chính sách bất lợi và tốn kém (shock without therapy). Một lập trường khác bảo rằng đường lối chuyển đổi có nấc bậc (gradual therapy) hợp lý hơn. Chẳng hạn, công cuộc chuyển đổi ở Trung Hoa và Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực và song song hai nước này không bị mất ổn định (therapy without shock). Trên lý thuyết các lập luận này cho thấy có hai đường lối, hai quan điểm rất khác nhau về chuyển đổi. Nhưng trong thực tế các chính sách và chiến lược chuyển đổi không có nhiều khác biệt. Các điều kiện và hoàn cảnh khách quan lúc bắt đầu chuyển đổi ảnh hưởng có tính cách quyết định lên chiều hướng chuyển đổi, các chương trình và kế hoạch chuyển đổi. Đặc biệt, kết quả của chuyển đổi bị chi phối bởi tình trạng không cân đối ít hay nhiều trong cơ cấu tổ chức kinh tế, bởi những lệch lạc và tính rời rạc trong cơ chế sản xuất và kinh doanh (1). Ngoài ra tốc độ chuyển đổi kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào chuyển đổi chính trị.

Tất cả các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Trung Hoa và Việt Nam từ bỏ kinh tế xã hội chủ nghĩa, chuyển sang kinh tế thị trường vì có yêu cầu chủ yếu là nâng cao sản lượng quốc gia, phát huy năng lực kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện hiệu năng quản lý. Chuyển đổi kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường là một công cuộc tầm vóc lớn và phức tạp mà trong đó tạo lập những thể chế và cơ chế mới là điều kiện mấu chốt để tiến tới mục đích tối hậu đúng đắn là sự phát triển bền vững. Mở cửa kinh tế, tự do hóa thương mại, phát huy quyền sở hữu tư nhân, giải thể kinh tế quốc doanh, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, v.v. chỉ thực sự tạo hoàn cảnh thuận lợi và khả năng mới cho sự phát triển bền vững nếu các cơ sở kinh tế hoạt

động với khuôn khổ luật pháp tiến bộ và công minh, tổ chức hành chánh nhà nước có năng lực, hệ thống quản lý kinh tế và quản lý quốc gia có hiệu quả.

So sánh với các nước Đông Âu, Liên Xô cũ và cả Trung Hoa, điều kiện và hoàn cảnh kinh tế Việt Nam lúc chính sách "đổi mới" bắt đầu ít gay go và phức tạp. Những yếu tố hoặc thế lực hoặc ngăn chặn "đổi mới" tương đối không mạnh. Nói chung, ở Việt Nam các điều kiện thực tế thuận lợi cho chuyển đổi đã giúp chương trình "đổi mới" đạt được những kết quả rõ rệt về nhiều phương diện như nâng cao sản xuất, xóa đói giảm nghèo, cải thiện quản lý kinh tế, v.v. Nhưng chương trình không nhằm sự phát triển tổng thể và bền vững của nền kinh tế và xã hội, sự phát triển mà trung tâm là con người. Những thiếu sót về mặt quản lý quốc gia, các hạn chế về tự do kinh doanh và sự kìm kẹp các quyền dân sự tiếp tục làm lãng phí năng lực kinh tế Việt Nam, giam hãm tiềm năng phát triển của đất nước.

### **Quá trình chuyển đổi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa**

Các nước xã hội chủ nghĩa cũ đã nhìn nhận từ lâu rằng chế độ kinh tế kế hoạch tập trung có những yếu kém cơ bản trước khi bị sụp đổ đồng loạt trong những năm 1990-1991. Năm 1968, Hung Gia Lợi đã là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên xóa bỏ chế độ chỉ tiêu sản xuất do các cơ quan kế hoạch trung ương ấn định. Tiếp theo, Ba Lan và Liên Xô cũ cũng đã thử nghiệm nhiều biện pháp tương tự nhằm đa dạng hóa sản xuất. Nhưng tất cả đều không có kết quả. Chính những thất bại liên tiếp này đã thúc ép giới lãnh đạo các nước ấy thực hiện những cải cách cơ bản hơn và đưa tới những chuyển biến 1990-1991. Điều đáng chú ý là những thay đổi cơ bản này đã chỉ trở thành hiện thực sau khi các đảng cộng sản mất quyền lãnh đạo nhà nước. Riêng tại Trung Hoa và Việt Nam, công cuộc chuyển đổi nền

kinh tế xã hội chủ nghĩa do chính các đảng cộng sản chủ trương và thực hiện. Cải cách kinh tế được thực hiện ở Trung Hoa và Việt Nam mà không có đổi mới chính trị đi trước, hoặc ngay cả tiến hành song song và đồng bộ. Trung Hoa bắt đầu chuyển đổi từ 1979, mới đầu với mục đích "cải cách và cởi mở" (1979-1993), rồi tiếp theo thực hiện chế độ KTTTDHXHCN (2). Ở Việt Nam, giới lãnh đạo bắt đầu cải cách từ năm 1981 và đã đưa ra chính sách "đổi mới" vào cuối năm 1986. Việt Nam khởi đầu cải cách trong nông nghiệp, rồi khu vực quốc doanh và các doanh nghiệp nhà nước, tự do hóa nội thương, mở cửa tiếp nhận đầu tư nước ngoài, v.v. (3).

Các nước Đông Âu và Liên Xô cũ chuyển đổi từ một nền kinh tế đã được công nghiệp hóa. Trung Hoa và Việt Nam chuyển đổi từ một nền kinh tế nông nghiệp, lạc hậu và chậm tiến. Trên nguyên tắc và cả trong thực tế, công cuộc chuyển đổi nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Trung Hoa và Việt Nam ít phức tạp và ít khó khăn hơn. Kết quả của chuyển đổi do đó cũng tích cực và rõ rệt, tuy một phần bởi Trung Hoa và Việt Nam đi từ một mức độ phát triển rất thấp. Trái lại, công cuộc chuyển đổi kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô cũ sang kinh tế thị trường là một thử thách gay go, quy mô rất lớn chưa từng xảy ra trong lịch sử kinh tế của bất cứ nước nào trên thế giới. Trong những năm 1990-1991, khi các nước Đông Âu và Liên Xô cũ bắt đầu chuyển đổi, khu vực kinh tế quốc doanh chiếm từ 80% tới 95% tổng trị giá gia tăng của nền kinh tế quốc gia (4). Để so sánh, lấy trường hợp nước Chili đã từng thực hiện một chương trình quan trọng chuyển đổi khu vực kinh tế quốc doanh trong những năm 1973-1989 trong lúc khu vực kinh tế này chỉ chiếm 24% tổng trị giá gia tăng và 5% tổng số lao động của cả nước.

### Lý thuyết và thực tiễn chuyển đổi kinh tế xã hội chủ nghĩa

Trong vấn đề chuyển đổi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa có hai quan điểm thường được nhắc đến (5). Quan điểm thứ nhất chủ trương rằng cần phải mau chóng giải thể khu vực kinh tế quốc

doanh, tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước, tự do hóa sản xuất và thương mại trong sự ổn định giá cả và tiền tệ, và bằng cách đó thiết lập chế độ sở hữu tư nhân. Quyền tư hữu sẽ được bảo vệ và sẽ là động lực thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển. Như vậy năng lực kinh tế sẽ được tăng cường, hiệu năng sản xuất sẽ được nâng cao, mở đường dẫn tới sự phát triển lành mạnh và bền vững. Quan điểm thứ hai nhận định rằng kinh tế thị trường là một hệ thống toàn bộ dựa trên những thể chế và cơ chế nhất quán có khả năng khuyến khích và giúp đỡ tư bản tư nhân phát triển từ gốc. Nền tảng của kinh tế thị trường là tư bản tư nhân, cần phải tự tạo, gây dựng từ dưới đi lên bằng sự xuất hiện một tầng lớp doanh nhân có đầu óc cầu tiến và chấp nhận rủi ro, chủ động theo sáng kiến cá nhân. Chuyển đổi kinh tế xã hội chủ nghĩa cần thời gian, không thể đột biến. Tư nhân hóa khu vực quốc doanh, ban hành quyền tư hữu không đủ để bảo đảm tạo ra một chế độ kinh tế thị trường hoàn chỉnh với những thể chế và cơ chế cần thiết.

Mặc dù trên lý thuyết có hai quan điểm khác biệt như vừa trình bày, trong thực tiễn chuyển đổi sự khác biệt này không quan trọng vì luôn luôn có yêu cầu uyển chuyển theo điều kiện và hoàn cảnh khách quan (6). Tại tất cả các nước Đông Âu, Liên Xô cũ, Trung Hoa và Việt Nam, các giới lãnh đạo đều chủ trương chuyển đổi kinh tế với mục đích chính thức là tăng cường năng lực sản xuất, nâng cao hiệu suất kinh tế, phát triển bền vững kinh tế và xã hội. Nội dung các kế hoạch chuyển đổi đều gồm những biện pháp về ổn định giá cả, ngăn ngừa ngân sách thiếu hụt, tự do hóa thương mại, cải thiện hệ thống ngân hàng, tư nhân hóa hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thừa nhận và bảo đảm quyền sở hữu tư nhân, v.v. Sự khác biệt quan trọng nhất là ở nơi các điều kiện kinh tế xã hội của mỗi nước khi công cuộc chuyển đổi bắt đầu. Ngoài ra tầm quan trọng tương đối của các chương trình, trình tự của các biện pháp cải cách, khả năng kết nối các hành động là những yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả của chuyển đổi. Cuối cùng, giá trị của các chính sách

chuyển đổi các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là ở nơi chiến lược chuyển đổi. Tính thực tiễn của chiến lược, sự phù hợp của các chủ trương với hoàn cảnh nội tại của mỗi nước, với các yếu tố bên ngoài thuộc khu vực hoặc liên quan tới thế giới cũng là những yếu tố có tính cách quyết định. Thực tiễn chuyển đổi tại các nước xã hội chủ nghĩa cho thấy các nước chủ trương chuyển đổi đồng loạt và mau chóng (shock therapy) cùng cần thời gian để thi hành chính sách và chiến lược một cách tuân tự qua các giai đoạn bắt buộc. Các nước theo chính sách chuyển đổi từng nấc bậc (gradual therapy) cũng bị hoàn cảnh và điều kiện thực tế thúc ép chuyển đổi mau hơn và sâu hơn. Trong mọi trường hợp, đối với tất cả các chính sách hoặc chủ trương, kết quả chuyển đổi về phương diện tăng trưởng sản xuất, mở mang kinh tế, tiến bộ xã hội tùy thuộc rất nhiều vào chiến lược chuyển đổi, vào hoàn cảnh thực tế khách quan và vào tốc độ thi hành cải cách (7).

### Bối cảnh Việt Nam lúc bắt đầu chuyển đổi kinh tế

Việt Nam thực sự bắt đầu chuyển đổi sau khi kế hoạch 5 năm (1976-1980) bị thất bại về mọi mặt. Những nguyên do chính của thất bại này là : Căn cứ theo tính chất của cơ chế xã hội chủ nghĩa, và nếu so sánh với các nước Đông Âu, Liên Xô cũ và Trung Hoa, hệ thống tổ chức chính quyền Việt Nam có mức độ tập trung thấp hơn tất cả. Thực trạng lúc thi hành kế hoạch 1976-1980 là chế độ kinh tế kế hoạch tập trung không chặt chẽ bằng các nước xã hội chủ nghĩa khác, kể cả Trung Hoa. Kế hoạch 5 năm 1976-1980 là kế hoạch kinh tế thứ hai của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong khi cùng lúc đó ở Trung Hoa kế hoạch 1976-1980 là kế hoạch ngũ niên lần thứ năm. Ở Việt Nam chỉ có khoảng 100 loại hàng sản xuất theo kế hoạch và chỉ tiêu của chính quyền trung ương, so với 500 loại hàng ở Trung Hoa, 20 000 loại hàng ở Liên Xô lúc đó. Việt Nam là một nước nông nghiệp, chậm tiến hơn Trung Hoa. Nền công nghiệp Việt Nam hầu như không đáng kể. Ngoài ra thời gian mà Việt Nam theo chế độ xã hội chủ nghĩa không lâu bằng bất cứ nước nào thuộc

Đông Âu, Liên Xô cũ và Trung Hoa. Một nửa đất nước đặt dưới chế độ xã hội chủ nghĩa từ năm 1954, nửa kia chỉ từ năm 1975. Trong bối cảnh như thế, công cuộc thi hành kế hoạch kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa 1976-1980 đã gặp trở ngại và bị khó khăn ngay từ đầu. Kinh tế kế hoạch tập trung bị thất bại vì vừa thiếu nhân sự vừa yếu kém về tổ chức. Cơ cấu kinh tế bị mất quân bình. Việc phân bổ năng lực sản xuất bị lệch lạc. Guồng máy kinh tế không có khả năng sản xuất thặng dư. Kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng. Những yếu tố khu vực và thế giới cũng rất bất lợi cho đường lối của giới lãnh đạo vì Việt Nam lúc bấy giờ bị bao vây, cấm vận bởi khối tây phương và Nhật Bản. Năm 1978, Trung Hoa cắt đứt ngọt viện trợ cho Việt Nam. Trong những năm 1980-1981, Việt Nam hầu như bị cô lập hoàn toàn trên thế giới, cả về kinh tế lẫn chính trị.

Sự thất bại của kế hoạch 1976-1980 đã gây ra tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng về lương thực nói riêng và các loại hàng hóa nói chung. Hiệu năng kinh tế thấp kém, công nghiệp phát triển tiêu cực, vốn đầu tư và dự trữ khan hiếm. Trong thời kỳ này, vật giá chính thức tăng 3,5% mỗi năm trong khi giá chợ đen tăng hơn 60% mỗi năm. Con đường chuyển đổi duy nhất và khả thi đối với Việt Nam lúc bấy giờ bắt buộc phải khởi đầu bằng khuyến khích sản xuất nông nghiệp và tư nhân hóa nông nghiệp. "Chế độ khoán sản phẩm" và quy chế về quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng lên tới 50 năm có tầm quan trọng tương đương với kế hoạch tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ. Tư nhân hóa nông nghiệp dễ thực hiện trong khi tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước phức tạp và khó khăn hơn (8). Ngoài ra tình trạng lao động dư thừa và nhàn rỗi đóng đáo ở nông thôn và tiềm năng sản xuất của nông nghiệp Việt Nam đã là những yếu tố cho phép cải cách nông nghiệp đạt được những kết quả đáng kể trong một thời gian rất ngắn (9).

So sánh với các nước Đông Âu, Liên Xô cũ và Trung Hoa, công cuộc chuyển đổi của Việt Nam tương đối dễ dàng. Cùng

lúc với tiến hành chính sách "đổi mới", Việt Nam chỉ phải từ bỏ một hệ thống tổ chức xã hội chủ nghĩa tương đối còn non yếu và một cấu trúc chưa in sâu vào nếp sống trong nước. Chương trình "đổi mới" ở Việt Nam chỉ là du nhập cơ chế KTTTDHXHCN của Trung Hoa. Ngoài ra ở Việt Nam công cuộc "đổi mới" không rõ rệt gặp sự chống đối mạnh mẽ nào xuất phát từ những thế lực bảo thủ. Khi yêu cầu chuyển đổi bắt đầu đặt ra năm 1981, chính những yếu tố làm kế hoạch 1976-1980 thất bại lại tạo điều kiện ngăn cản các thế lực chống yêu cầu xét lại chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa để tìm hướng đi mới. So với các nước Đông Âu, Liên Xô cũ và cả Trung Hoa, chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam thực sự tiến hành trong "ôn định". Cuối năm 1986, với chính sách "đổi mới", hoàn cảnh trở nên dễ dãi hơn cho các chính quyền địa phương chủ động quyết định, mở rộng vai trò và ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống kinh tế kế hoạch tập trung tan biến mau chóng và uy quyền của nhà nước trung ương phai mờ đáng kể. Tiêu biểu nhất cho tình trạng này là chính quyền thành phố Saigon và Ủy ban Nhân dân thành phố này đã rất nhiều lần đi trước chính quyền trung ương về "đổi mới" kinh tế và cả trong nhiều lĩnh vực khác. Nói chung, bối cảnh Việt Nam và thực tiễn kinh tế xã hội đã ảnh hưởng tích cực giúp công cuộc "đổi mới" tiến hành mà không có sức cản đáng kể, không có những xáo trộn đe dọa sự ổn định chính trị-xã hội cơ bản.

### Chính sách "đổi mới" của Việt Nam: chủ trương và đặc tính

Khi Việt Nam bắt đầu "đổi mới" vào năm 1981, nói chung các điều kiện kinh tế xã hội gần với Trung Hoa hơn các nước Đông Âu và Liên Xô cũ. Chính quyền Việt Nam hầu như chỉ làm công việc tiếp thu định hướng và chiến lược chuyển đổi của Trung Hoa.

Nhìn tổng quát, công cuộc chuyển đổi của Trung Hoa đi trước chương trình "đổi mới" của Việt Nam khoảng hai năm. Sự kiện này đã cho phép giới lãnh đạo Việt Nam tổng kết các vấn đề "đổi mới" và thực tiễn kinh tế xã hội của đất nước đi đôi với kinh nghiệm của Trung

Hoa. Về những điểm trọng yếu sự chuyển đổi không có khác biệt giữa hai nước. Khi thực tiễn chuyển đổi của Việt Nam thể hiện những nét đặc thù thì chúng xuất phát do yêu cầu nắm bắt các cơ hội và tranh thủ thời cơ hành động. Những nét đặc thù này thường ở lãnh vực chiến thuật chuyển đổi, không đáng kể về phương diện chiến lược chuyển đổi. Tiếp thu đường lối chuyển đổi của Trung Hoa, chính quyền Việt Nam đã bắt đầu "đổi mới" trong nông nghiệp với "chế độ khoán sản phẩm" (1981). Chủ trương này đã tác động khuyến khích sản xuất lương thực gia tăng mau chóng, nâng cao xuất khẩu, tạo điều kiện cho kinh tế tăng trưởng. Tựa như ở Trung Hoa, chính quyền Việt Nam cũng cấp quyền sử dụng đất cho nông dân, mới đầu trong 15 năm (1988), rồi tăng lên 20-50 năm (1993). Cùng du nhập từ kinh nghiệm chuyển đổi của Trung Hoa, chính quyền Việt Nam đã thực hiện "chế độ ba kế hoạch" trong công nghiệp (1981). Thứ nhất là xí nghiệp quốc doanh sản xuất theo chỉ tiêu với tư liệu bao cấp, thứ hai là xí nghiệp có thể sản xuất vượt khoán, mua thêm tư liệu. Thứ ba là xí nghiệp có thể đa dạng hóa sản xuất, đi vào các hoạt động phụ. Khi giới lãnh đạo Việt Nam xác định đường lối KTTTDHXHCN thì cũng lấy từ chủ trương của Trung Hoa. Chính sách "đổi mới" của Việt Nam còn có thêm nhiều nét cung thu nhận từ đường lối của Trung Hoa, chẳng hạn như: không giải thể khu vực kinh tế quốc doanh nhưng khuyến khích kinh tế tư bản tư nhân và doanh nghiệp hỗn hợp nhà nước-tư nhân; bảo vệ vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh bằng cách tăng quyền tự chủ quản lý của các doanh nghiệp nhà nước với mục đích nâng cao năng lực và hiệu suất; thiết lập chế độ kinh tế thị trường dựa trên những định chế và khuôn khổ luật pháp tối thiểu và song song bảo vệ quyền lực nhà nước do đảng cộng sản độc quyền lãnh đạo; chuyển đổi kinh tế để nhà nước掌管 được tồn tại; chấp nhận kinh tế thị trường nhưng tiếp tục kìm kẹp các quyền dân sự tối thiểu, tiếp tục duy trì chế độ đảng trị; chuyển đổi từng bước theo cơ hội và thời cơ mà không chính thức xác định một nhận thức rõ ràng về phát triển bền vững lấy trung tâm là con người; chuyển đổi để

nhắm những mục tiêu cục bộ như nâng cao hiệu suất, quản bình cấu trúc kinh tế, khuyến khích sản xuất và thương mại; cải thiện kinh tế vi mô đi trước, điều chỉnh quản lý kinh tế vi mô theo sau. Chính sách "đổi mới" của Việt Nam chung quy là biểu đồ chuyển đổi kinh tế của Trung Hoa soạn lại cho nó phù hợp ở mức độ cao nhất với bối cảnh và điều kiện Việt Nam.

Theo nhận xét của các quan sát viên nước ngoài cũng như sự đánh giá của các cơ quan tài trợ quốc tế (WB, IMF, IFC, ADB, v.v.) chính sách "đổi mới" của Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nền kinh tế không còn bị đe dọa rơi vào khủng hoảng như trong thời kỳ 1980-1985. Việt Nam đã mở cửa trao đổi thương mại với hơn 140 quốc gia, thiết lập quan hệ đầu tư với gần 70 nước, trở thành hội viên ASEAN năm 1995, hội viên APEC năm 1998, ký thỏa ước hợp tác thương mại với Liên minh Châu Âu (1995), ký Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ (2000) và đang xin ra nhập WTO. Tuy nhiên dưới nhãn quan của người Việt và xét về phương diện trách nhiệm trả lời của chính quyền đối với người dân, mặc dù sự chuyển đổi đã đạt được một số kết quả đáng kể, chính sách "đổi mới" vẫn thể hiện một tình trạng phi phạm năng lực sản xuất và kinh doanh, giam hãm tiềm năng kinh tế của đất nước. Tình trạng này có những nguyên do sâu xa là các thể chế và cơ chế vẫn còn bị lệch lạc và tiêu cực, hệ thống quản lý quốc gia vẫn yếu kém và thiếu sót. Nhưng căn bản hơn cả là nhận thức của giới lãnh đạo Việt Nam về phát triển bền vững thiếu đúng đắn bởi vì trung tâm của chính sách "đổi mới" là bảo vệ chế độ nhà nước đảng trị, không phải là phát triển con người. Cứu cánh của chính sách chất chứa đảng tính và chỉ là duy trì sự độc quyền lãnh đạo của đảng CSVN bằng cách lấy kinh tế thị trường thay kinh tế kế hoạch tập trung xã hội chủ nghĩa.

Khởi đầu chính sách "đổi mới" đã được đề ra để cứu chữa kinh tế Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng. Mười lăm năm sau, nó vẫn còn màu sắc của một kế hoạch "phòng lửa chữa cháy", nặng tính chất quản lý, nhắm những mục tiêu ngắn

hạn. Tiến trình của "đổi mới" cũng cho thấy chính sách không dựa trên một mô hình tổng thể có tầm xa, không theo một lộ trình được công bố vạch rõ trước. Trái lại nó có nhiều nét thể hiện tính cách dò dẫm và thử nghiệm, cốt phục vụ quyền lợi của Đảng. Thực tế cho thấy có rất nhiều trường hợp thay đổi thực hiện xong rồi mới có nghị quyết chính phủ hoặc luật pháp chỉ có tác dụng hợp thức hóa hoặc bổ sung một tình trạng đã xảy ra. Chính sách "đổi mới" lúc tiến lúc lùi bất thường không dự đoán trước được.

### "Đổi mới" và phát triển Việt Nam

Chính sách "đổi mới" của Việt Nam có hai yếu kém cơ bản là: thứ nhất, chính sách chủ yếu có mục đích và chức năng quản lý, do đó thiếu tính phát triển, thiếu khả năng khuyến khích và hỗ trợ một cách lâu dài sự phát triển kinh tế-xã hội bền vững. Nó đã giúp cải thiện về các phương diện quản lý kinh tế, điều hành sản xuất-thương mại, giá tăng sản lượng quốc gia. Các thành tựu trong nhiều lĩnh vực đáng kể về lượng, nhưng không đóng góp tạo lập nền tảng cho sự phát triển bền vững. Những thành tựu đạt được che đậy nhiều yếu kém, chẳng hạn: sản ngạch công nghiệp gia tăng nhưng chủ yếu để thay thế nhập khẩu; công nghiệp hóa sử dụng nhiều tư bản ít lao động và công nghiệp Việt Nam phải được bảo vệ bằng hàng rào thuế quan rất cao; ngành dịch vụ chủ yếu là dịch vụ cá thể và gia đình, những dịch vụ cung cấp gia công không tạo nhiều trị giá gia tăng. Thứ hai, Việt Nam tuy "đổi mới", nhưng vẫn thiếu những thể chế và cơ chế khuyến khích tiết kiệm-dầu tư-sản xuất, sáng tạo và cạnh tranh, hiệu suất cao, hội nhập kinh tế thế giới, tạo nhiều việc làm, phân bổ hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Cơ sở luật pháp Việt Nam thiếu công minh, hành chánh nhà nước là công cụ của Đảng, khu vực tư nhân và xã hội dân sự không phải là những thành phần bình đẳng với Nhà nước trong hệ thống quản lý quốc gia.

Vì những yếu kém vừa nêu, kể từ năm 1998 chính sách "đổi mới" không còn tác động tích cực nhiều lên quản lý kinh tế Việt Nam (10). Tỷ lệ tăng trưởng của GDP năm 1998 là 3,5%, thua kém rõ rệt tỷ lệ trung bình 9% trong những năm

1995-1997. Mặc dù giới lãnh đạo Việt Nam đã cố gắng thêm nhiều kiểu nhiều cách "đổi mới", các quyết định thay đổi lẻ tẻ không còn hiệu quả như trong những năm đầu của "đổi mới". Năm 1999, GDP tăng 4,2%, năm 2000, 5,5% và dự báo cho năm 2001 là 5% (11). Kinh tế Việt Nam đã gia tăng với tốc độ này một phần cung nhờ hoàn cảnh kinh tế thuận lợi, đặc biệt là nhờ xuất khẩu dầu khí gia tăng theo giá quốc tế. Ngoài ra, hàng năm số ngoại tệ (khoảng 1,7 tỷ Mỹ Kim năm 2000) mà cộng đồng người Việt hải ngoại chuyển về nước cũng là một nguồn lực đáng kể đóng góp vào sản lượng quốc gia Việt Nam.

Nhìn xa, kinh tế Việt Nam thiếu trầm trọng những nhân tố nền tảng cần thiết cho phát triển nói chung, cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững nói riêng. Lấy trường hợp đầu tư là một nhân tố rất quan trọng cho phát triển, trong bốn năm vừa qua (1998-2001), tỷ lệ đầu tư ở mức 23%-25% GDP, giảm sút rõ rệt so với 27%-28% trong những năm 1995-1997. Dự báo gần đây nhất của chính quyền Việt Nam (tháng 4-2001) cho biết triển vọng tỷ lệ đầu tư là 25,4% năm 2001, 27,9% năm 2002, 26,8% năm 2003 trong khi yêu cầu đầu tư tối thiểu là 30% của GDP. Điều kiện kinh tế tổng quát cũng không thuận lợi, chẳng hạn mặc dù những cải thiện trong những năm vừa qua, môi trường kinh tế-tài chính-ngân hàng vẫn còn bị kìm kẹp. Những hàng rào giam hãm tiềm năng tiết kiệm, đầu tư, sản xuất, tạo việc làm và những phương pháp lèng phèn năng lực phát triển còn quá nhiều. Theo Quy Tiết Tệ Quốc Tế, chỉ số về hạn chế sản xuất-kinh doanh ở Việt Nam còn quá cao, lên tới 9 trên chỉ số cao nhất là 10. Một thực tế khác báo hiệu những khó khăn phát triển trong tương lai là tình trạng vay nợ nước ngoài của Việt Nam. Nếu chỉ tính số vay nợ ngoại tệ mạnh (hoán chuyển được) thì tỷ lệ vay nợ trên GDP gia tăng đáng ngại, 35% năm 1995, 40% năm 2000 (12), 42% năm 2001 và dự báo 45% năm 2003. Số tiền vay nợ nước ngoài tăng nhanh hơn gấp hai lần sản lượng quốc gia phải chất vấn giới lãnh đạo Việt Nam cả về phương thức quản lý kinh tế lẫn đường hướng và chiến lược phát triển Việt Nam.

## Một đường lối khác cho "đổi mới"

Giới lãnh đạo Việt Nam luôn luôn chỉ chấp nhận chuyển đổi khi tình cảnh bắt buộc và khủng hoảng gần kề. Điều này đã xảy ra năm 1986 và do đó mới có chính sách "đổi mới". Rồi trong 15 năm người dân đã chứng kiến đủ kiểu đủ cách "đổi mới", lúc tiến lúc lùi theo cơ hội và thời cơ bất lợi hay thuận lợi cho sự độc quyền lãnh đạo nhà nước của Đảng. Chính sách "đổi mới" và tổ chức KTTTDHXHCN đã thành công trong vai trò bảo vệ quyền lợi của Đảng. Nhưng xét về yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và phát triển bền vững thì chính sách "đổi mới" và KTTTDHXHCN, mặc dù những kết quả đạt được, đã gây rất nhiều thiệt thòi và lãng phí mà bình thường dân tộc Việt Nam không phải hứng chịu. Chỉ so sánh tiến trình và kết quả của công cuộc chuyển đổi ở Trung Hoa và Việt Nam thì chúng ta cùng đã thấy sự khác biệt rõ rệt giữa hai nước, Trung Hoa thành công hơn Việt Nam trong sự chuyển đổi kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Trong công cuộc chuyển đổi, Việt Nam đã luôn luôn đi theo sau và chậm hơn Trung Hoa. Gần đây có vài chỉ dấu báo hiệu chính sách "đổi mới" có chiều hướng tiến hành nhanh hơn và thực sự bước sang một giai đoạn khác. Tựa như tình trạng năm 1986, sức ép của những khó khăn kinh tế và đe dọa khủng hoảng buộc phải có giải pháp mới. Chính quyền Việt Nam cần phải chọn một con đường khác. Để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội bền vững, con đường khác này không thể là một loại "đổi mới II" và tiếp tục giới hạn hoặc tập trung vào cải thiện quản lý. Nó cần phải dứt khoát và rõ ràng đánh dấu một giai đoạn hoàn toàn mới, dành nỗ lực và ưu tiên để tạo những cơ sở cần thiết và thiết lập những cấu trúc thuận lợi cho phát triển lành mạnh, hài hòa và công bằng.

Trong hoàn cảnh hiện nay có hai vấn đề mấu chốt có khả năng quyết định sự thành công hay thất bại trong công cuộc phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam. Thứ nhất là tạo lập những thể chế và cơ chế thuận lợi cho giao lưu và cạnh tranh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư và tạo việc làm, để các thành phần kinh tế

công, tư hoặc hỗn hợp hoạt động bình đẳng dựa trên luật pháp công minh, để việc vận động năng lực sản xuất và phân bổ các nguồn lực kinh tế được hữu hiệu nhất (13). Thứ nhì là thiết lập một hệ thống quản lý quốc gia gồm ba thành phần là nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự và một tổ chức hành chánh nhà nước có năng lực và hiệu lực cần thiết đóng vai trò hỗ trợ kinh tế và xã hội phát triển lành mạnh lấy trung tâm là con người.

Với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010 và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2001-2005, "đổi mới" có thực sự tiến hành nhanh hơn và bước sang một giai đoạn khác không còn tùy thuộc vào tính đồng bộ trong chủ trương, chính sách, thể chế, cơ chế, công tác quản lý, tổ chức và điều hành. Đặc biệt quan điểm về vai trò của Nhà nước và thị trường, về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, về KTTTDHXHCN chưa được làm rõ, không thông suốt, thiếu nhất quán (14) thì những mục tiêu của kế hoạch và chiến lược chắc chắn sẽ khó thành công.

## Nguyễn Ngọc Hiệp

- 1) Martha De Melo, Cevdet Deniger, Alan Gelb và Stoyan Tenev, "Circumstance and Choice : the Role of Initial Conditions and Policies in Transition Economies", International Finance Corporation, october 1997.
- 2) Yingyi Qian và Jing Lian Wu, "China's Transition to a Market Economy", paper prepared for the Conference on Policy Reform in China, Center for Research on Economic Development and Policy Reform, Stanford University, november 1999.
- 3) "Việt Nam : Triển vọng công cuộc phát triển", tài liệu dùng cho Hội nghị các nhà tài trợ, Hà Nội, tháng 9 năm 1993.
- 4) Grzegorz W. Kolodko, "Ten Years of Post-Socialist Transition : the Lessons for Policy Reforms", The World Bank, april 1999.
- 5) "Business in Eastern Europe", The Economist, september 21, 1991.
- 6) Charles Wyplosz, "Ten years of Transformation : Macroeconomic Lessons", Graduate Institute of International Studies, Geneva, april 1999.
- 7) Stanley Fisher và Ratna Sahay, "The Transition Economies After Ten Years", Working Paper No W.7664, National Bureau of Economic Research, Cambridge, april 2000.
- 8) Thực tế này khiến chuyển đổi kinh tế ở Đông Âu và Liên Xô cũ chậm chạp và kết quả không rõ rệt bằng "đổi mới" của Việt Nam hoặc công cuộc cải cách của Trung Hoa. Tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước ở Đông Âu và Liên Xô cũ không thể tránh khỏi gây ra nạn thất nghiệp, trong khi tư nhân hóa nông nghiệp ở Việt Nam và Trung Hoa tạo việc làm và kìm hãm tỷ lệ thất nghiệp ở hai nước này.
- 9) James Riedel và William S. Turley, "The Politics and Economics of Transition to an Open Market Economy in Viet Nam", OECD Development Center, september 1999, Paris.
- 10) Ari Kokko, "Viet-Nam ready for "đổi mới II?", Working paper No 286, Stockholm School of Economics, Sweden, december 1998 và James Riedel, "The transition to market economy in Viet Nam", Hong Kong Center for Economic Research Letters, volume 35, november 1995.
- 11) Thống kê Việt Nam luôn luôn công bố những tỷ lệ gia tăng cao hơn số liệu của WB, IMF, ADB, UNDP hoặc kết quả nghiên cứu của các chuyên gia và cơ quan nước ngoài.
- 12) Số vay nợ ngoại tệ hoán chuyển được (convertible currency) của Việt Nam năm 2000 là 11,9 tỷ US\$. Ngoài ra Việt Nam còn vay nợ Nga Sô (ngoại tệ không hoán chuyển được) tương đương 11 tỷ US\$. Tháng 9 năm 2000, chính phủ Nga đã thỏa thuận để Việt Nam hoàn trả tiền vay nợ trong những điều kiện dài và thuận tiện cho Việt Nam : giảm vay nợ 85%, như vậy còn 1,7 tỷ US\$ mà Việt Nam sẽ trả bằng ngoại tệ hoán chuyển được trong 23 năm với lãi suất 5%.
- 13) Janos Kornai, "Lessons of the Transformation in Eastern Europe", bài thuyết trình tại Hà Nội dành cho giới trách nhiệm kinh tế Việt Nam, tháng 3 năm 2001 (Janos Kornai, người Hung Gia Lợi, là một giáo sư kinh tế lỗi lạc của Collegium Budapest và Harvard University. Ông là một chuyên gia nổi tiếng về vấn đề chuyển đổi kinh tế xã hội chủ nghĩa)
- 14) Johan Fredriksson và Ernst Van Koesveld, "Main Issues and Suggestions", Third High Level Round Table Meeting, 8 June 2001, UNDP và "The Synthesized Report of the Research Project", June 2001, UNDP.

## Di tó và con người

Võ Thanh Liêm

Mấy lúc gần đây có những học giả Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước, khởi đầu một quá trình tự đánh giá những nét đặc thù, những giá trị nền tảng của xã hội và dân tộc ràng buộc con người Việt Nam. Họ tìm phương pháp và cố gắng để giải thích cho hoàn cảnh của chúng ta ngày nay và để tìm một lối đi sáng sủa hơn cho tương lai. Những nhận định và đánh giá về Đinh Tiên Hoàng, vua Quang Trung, Khổng giáo, Cách mạng tháng Tám, v.v. đang được nhiều thức giả tham gia và gây sóng gió xôn xao trong dư luận trong cùng như ngoài nước. Nếu như một bước đi của Neil Armstrong trên mặt trăng là một bước tiến vĩ đại của nhân loại trong quá trình thám hiểm không gian thì kết quả bản đồ của di tó hay còn gọi là di truyền tử của con người vừa được công bố là một bước tiến vĩ đại tương tự trong quá trình tự tìm hiểu, nhìn lại mình để hiểu tại sao chúng ta là chúng ta, với tất cả những sinh lão bệnh tử và bi ai hỉ nộ trong suốt lịch sử con người. Đó là lời so sánh của tổng thống Mỹ Bill Clinton. Tất cả những mật mã để làm nên con người đó nằm trong cuốn cẩm nang thể hiện bởi hai vòng xoắn DNA, viết tắt cho *Deoxyribonucleic Acid* (một khám phá của nhà bác học được giải Nobel James Watson), chứa đựng và phân phát không đồng đều trong 23 nhiễm sắc thể (*chromosome*). Độc giả có thể xem đây như một câu chuyện viết theo thể văn xuôi phổ thông thay vì một bài tường trình có tính cách hàn lâm mà quí vị trong ngành sinh học có thể đọc được dễ dàng từ những tạp san khoa học như *Nature*, *Science* hay *Human Gene Therapy*. Bí mật trong hai mươi ba "bức chân dung" con người là đề tài của bài viết này. Mời các bạn cùng tôi đi vào con đường tự khám phá đầy thú vị.

Nếu chúng ta cảm thấy tự ái bị xúc phạm nặng khi 192 năm trước Charles Darwin đưa ra thuyết tiến hóa cho rằng tổ tiên của con người là một loài vượn thì chúng ta nên bắt đầu làm quen với nhận định mới: tổ tiên của chúng ta đồng thời cũng là các giống ký sinh vi-

khuẩn. Hơn thế nữa, di tó (*gene*) của chúng ta chỉ khác khỉ vượn 2%, nhiều nơi lại giống hệt các loài côn trùng, và súc vật, ngư điểu. Đó là kết quả nghiên cứu của hai nhà bác học Francis Collins và Craig Venter vừa được công bố vào mùa xuân năm 2001 tại khách sạn Hilton, San Francisco, Hoa Kỳ. Công trình nghiên cứu này có được nhờ sự đóng góp tài lực của nhiều quốc gia, đặc biệt là Anh, Mỹ và Nhật với phí tổn trên 3 tỉ Mỹ kim.

Francis Collins và Craig Venter là hai người cầm đầu của hai nhóm đông đảo các nhà bác học đã bỏ ra ngót một thập niên (bắt đầu từ năm 1990) để thi đua trong việc phân tích theo tuần tự và lập một "bản đồ di tó con người" (*human genome map*). Họ đã cùng lúc kết thúc chương trình với kết luận như nhau và đăng tải phát minh của họ trên hai tạp san khoa học nổi tiếng *Science* (Hoa Kỳ) và *Nature* (Anh Quốc). Craig Venter, một cựu chiến binh Việt Nam, đầu hói, có vóc dáng một người trải nhiều phong sương đã nói lên mơ ước cứu chữa những bệnh di truyền, giải thích những bí mật trong cơ thể con người và thở phào nhẹ nhõm khi khám phá của ông hoàn toàn giống với kết quả nghiên cứu của đối thủ là Francis Collins. Francis Collins ngược lại đã ca tụng Craig Venter dù rằng trong quá khứ cả hai đã tỏ dấu tí hiềm nhau vì lý do nghề nghiệp. Ông tỏ ý muốn khám phá này sẽ là tài sản chung của nhân loại không phân biệt giàu nghèo và của riêng ai. Cả hai người tài ba này đã tạo cho mình một chỗ đứng quan trọng trong lịch sử sinh học từ đây. Trên thực tế kết quả này là công sức của trên 300 nhà bác học khắp thế giới góp sức vào. Với vận tốc tiến hóa của khoa học ngày nay, khi quí vị đọc những hàng chữ này thì thực tế đã có những phát minh mới, hiểu biết mới đào thải những nhận định cũ mà chỉ một tháng trước được coi như đã khẳng định.

Craig Venter đã tiết lộ rằng ông chỉ tìm ra vỏn vẹn 32 000 di tó chứ không phải 100 000 di tó như ước đoán trước đây. Các di tó là những đơn vị di truyền

ở trong 23 nhiễm sắc thể. Như thế có nghĩa là những mật mã trong 23 nhiễm sắc thể không đủ để quyết định hoàn toàn bản tính, hành động, cách suy nghĩ của mỗi con người. Nếu trong cuốn cẩm nang di truyền tối quan trọng này, một loại "hiến pháp sinh học", đã không viết nhiều, thì điều đó mở ra cơ hội cho những yếu tố môi trường góp phần tạo dựng nên chính chúng ta với những điểm dị biệt cũng như tương đồng. Tuy nhiên nhà bác học Collins lại nhìn nhận rằng những mật mã trong 23 nhiễm sắc thể có khả năng gây nên ảnh hưởng dây chuyền, một hiện tượng có một định luật và hệ quả nhất định. Dù nhiên những hiểu biết giới hạn của chúng ta hôm nay chưa cho phép đưa ra một kết luận chắc chắn là yếu tố di truyền thiên nhiên hay là môi trường sống có phần ảnh hưởng quyết định lên ngoại hình và tâm linh của một con người. Những phát minh ngày hôm nay cho thấy cán cân nghiêng về phía môi trường. Nhưng thật ra cũng không hẳn vậy. Trường hợp giới tính là một biên giới khó khẳng định vì như chúng ta đều biết, có quá nhiều trường hợp hiển nhiên để đi tới những kết luận trái ngược nhau. Chính nhờ bản đồ di tó không dài như dự đoán và sự tiến bộ của khoa học điện toán đã góp phần rút ngắn thời gian cần có cho công trình nghiên cứu trên dưới năm năm trước dự trù.

Hãy tưởng tượng chúng ta đi mua một cái máy vô tuyến truyền hình mới toanh về loay hoay tìm cách sử dụng. Giờ cuốn sách dạy sử dụng ra thì thấy viết toàn chữ ngoại quốc. May mắn có được phần chữ Việt. Nhìn kỹ thì cứ vài hàng dạy cách sử dụng tivi lại xen kẽ vào cả hàng chữ Ai Cập dạy cách xây kim tự tháp. Chưa thôi, sau vài hàng dạy sử dụng ti vi lại chèm vào một trang dạy gia chánh của bà Quốc Việt và cách ngồi thiền. Đó là thực trạng của cấu trúc di truyền của chúng ta hình dung một cách dí dỏm. Ngày hôm nay chúng ta được biết rằng chỉ có 1.1% nhiễm sắc thể DNA là tài liệu thực dụng cho di tó của con người. Những vùng di tó hữu dụng này có tên gọi là "axons". 99%

còn lại là lịch sử sinh học sống động, những dấu tích tàn phá của vi khuẩn từ dì vắng xa xưa mù mịt đà xâm nhập cơ thể gây bệnh cho tổ tiên ta và cuối cùng để lại niềm sặc thể vô dụng của chúng ở trong chính bản đồ di truyền của chúng ta. Những đợt xâm lăng để lại những vết thù cứ thế truyền từ đời này sang đời khác và tiếp tục cho tới ngày nay và mãi về sau. Những khu vực rách rưới này có tên là "*introns*". May mắn thay cho con người, những dữ kiện di truyền phức tạp từ nhiều nguồn gốc này được cuốn cẩm nang di truyền của chúng ta sử dụng một cách thông minh. Cuốn cẩm nang kia có thể tự tái tạo (*replication*), tự sao lục và dịch thuật (*translation*), và trong quá trình tạo ra *protein*, một cấu trúc căn bản nhất trong cơ thể con người, nó cắt bỏ đi những dữ kiện không cần thiết nhò có 2 cấu trúc tuyệt vời khác mang tên *Ribonucleic acid* (RNA) và *Ribosome*. Hai cấu trúc di truyền này tham gia vào quá trình tổng hợp *protein* (*protein synthesis*), chỉ sao lục lại những dữ kiện quý báu hiếm hoi của con người và bỏ đi những thừa thãi để cho nhân loại được tồn tại đến ngày hôm nay. Thiên nhiên vốn không toàn thiện. Góp nhặt những cái hay, loại trừ những cái dở, không mù quáng cố chấp là yếu tố quan trọng để nòi giống trường tồn trải qua 4 tỉ năm chiến đấu với vi khuẩn và bệnh tật.

Cơ thể con người có một triệu tế bào (*cell*). Mỗi tế bào có một cái nhân (*nucleus*) nơi giữa chứa đựng niềm sặc thể di truyền DNA bao gồm 23 nhiễm sắc thể, tất cả 46 nhiễm sắc thể. Hai mươi ba nhiễm sắc thể từ cha, hai mươi ba nhiễm sắc thể từ mẹ. Ngoài trừ những tế bào của trứng của phụ nữ và tinh trùng của nam giới chỉ có 23 nhiễm sắc thể để khi hợp lại có đủ 46 nhiễm sắc thể và hồng huyết cầu không có hạt nhân (*nucleus*), tất cả mọi tế bào đều có cấu trúc tương tự. Mật mã ghi trong những vòng xoắn viết theo mẫu tự A, T, G, C (viết tắt cho *adenine*, *thymine*, *guanine* và *cytosine*). Có một định luật là A bao giờ cũng đi cùng với T và G bao giờ cũng đi cùng với C. Cấu trúc của DNA có hình cầu thang xoắn nên còn được gọi là vòng xoắn nhiễm thể (*double helical structure*). Cách sắp đặt trước sau của 4 mật mã này qui định hình thức

của 30,000 di tổ của con người. Mỗi di tổ có trách nhiệm chế tạo ra một loại *protein* có những hoạt động nhịp nhàng liên đới trong bộ máy tuần hoàn của cơ thể chúng ta. Tổng cộng có trên dưới ba tỉ mật mã trong 23 nhiễm sắc thể, nhiều bằng 800 cuốn thánh kinh Thiên chúa giáo. Những thay đổi vị trí của mật mã có thể vô hại, hoặc gây bình di truyền hoặc làm chết người vì một loại *protein* độc hại được sản xuất hoặc một loại *protein* cần thiết không được làm ra.

Bản đồ di tổ được tuyên bố không phải là của mỗi người mà chỉ là những dữ kiện tiêu biểu mà thôi vì lý do đơn giản là không ai giống ai. Phát minh mới này có thể mang lại những lợi ích gì? Một hứa hẹn đầu tiên là một số bệnh di truyền (không phải tất cả) sẽ có cơ hội được hiểu biết nhiều hơn và từ đó có thể có biện pháp cứu chữa. Một thí dụ là 10 năm trước giáo sư French Anderson tại Đại học Nam California đã tiêm một di tổ khiếm khuyết vào một bé gái giúp em này có khả năng chống bệnh truyền nhiễm và đã thành công. Với trình độ tiến bộ hiện nay mỗi người đều có thể yêu cầu một khoa học gia lập bản đồ di tổ của mình chỉ trong vòng một ngày. Bản đồ di tổ ngay bây giờ không cho chúng ta giải đáp nào cả vì nó chỉ đơn giản là một bản đồ. Một bậc thềm cho những bước tiến của ngày mai. Nhưng mỗi phát minh mang lại lợi ích thường đi kèm theo những khía cạnh khác đáng lo ngại. Một trong những câu hỏi được đặt ra là liệu những tiến bộ về di truyền học mới này có được (hay bị) dùng để phân loại và đánh giá con người căn cứ trên dữ kiện di truyền, để lựa chọn thai nhi, đối tượng hôn nhân v.v. hay không? Song song với những những phát minh mới là nhiều vấn đề luân lý sè dàn dàn thể hiện rõ nét hơn trong tương lai. Nỗ lực vê lên một bản đồ di tổ của con người chính là thành quả đầu tiên trong quá trình tự nhìn lại mình, tự đánh giá và nhìn lại đoạn đường dài tổ tiên chúng ta đã đi qua. Đoạn đường đó có lúc chúng ta sống như cá dưới nước, có lúc là vi trùng vô tri, có lúc là vượn khỉ, và có lúc sắp tuyệt chủng. Rất có thể một kinh nghiệm nào đó, một ứng dụng cụ thể nào đó sẽ được đưa ra ánh sáng. Ngôn ngữ sử dụng trong cuốn cẩm nang quý giá này vẫn chưa được dân giải thỏa

đáng. Một điều chắc chắn là những phát minh mới trong thế kỷ 21 sẽ mang lại những thay đổi sâu xa về nhân sinh quan, luân lý, cách đối xử giữa con người với nhau và vạn vật chung quanh ta.

Một điều quan trọng đà dần dần sáng tỏ là chức năng không tuyệt đối của di tổ trong quyết định ta là ai. Trong 23 bức chân dung con người có những di tổ vô cùng ích kỷ chỉ biết đến mình và nhiệm vụ duy nhất là tiếp nối vô tận không mục đích (đa phần là thế, những tì vết của vi khuẩn nằm chằng chịt trong những khoản *introns*). Có những di tổ có chức năng đối nghịch nhau. Có những di tổ cho ta yêu thương đầm đuối. Có những di tổ cho ta quyền tự quyết, di tổ của tự do tạo nên bộ óc, thần kinh, óc phán đoán. Lại có những di tổ chỉ cho ta những *protein* với nhiệm vụ nhảm chán nhưng quan trọng lặp đi lặp lại hàng ngày như ăn, uống, thở, tiểu tiện v.v. Hiểu được bản đồ di tổ ta có thể đoán được hoạt động ngắn hạn của một con người. Một thí dụ là chúng ta có thể tiên đoán rằng người đó trong vòng 24 giờ sẽ phải cần uống nước, cần ăn, cần đi đứng, cần nói. Giữa những hoạt động mà con người bị điều kiện hóa phải làm là một món quà vô cùng quý báu: sự tự do lựa chọn. Chúng ta có thể lựa chọn và quyết định đi đâu, dời lại giờ và địa điểm ăn, nói bao lâu và nói những gì. Nếu mọi sinh hoạt của con người đều bị ràng buộc bởi định luật và những mật mã của di truyền thì làm sao ta có thể cất nghĩa được một quyết định hoàn toàn tự do như đi từ Sài Gòn ra Quảng Ngãi một cách tùy thích không cần lý do cũng không cần sắp đặt?

Suy nghĩ phóng khoáng và hành động tùy nghi chắc chắn không phải do di tổ chỉ phối mà là chúng ta, những con người sau khi đã được cho bộ óc để suy luận, đã vươn lên khỏi những ràng buộc của tạo hóa để tìm thấy tự do. Tự do trong suy nghĩ và hành động chính là những bông hoa đẹp đẽ từ cành cây khô cứng nở rộ để mang lại mùa xuân. Mất đi quyền tự do, cơ thể chúng ta là nhà tù và những di tổ trong nhiễm sắc thể do tổ tiên truyền lại chỉ là một viên cai ngục mà thôi. Có một sự hợp tác nhịp nhàng giữa ba bộ phận là di tổ di truyền đa đoan nhưng ích kỷ chỉ có một ước muốn

# THỜI SỰ ... TIN TỨC

duy nhất là tiếp nối đời này sang đời khác bằng mọi giá; cơ thể xương thịt để chuyên chở những di tặc này qua nhiều thế hệ và bộ óc có tâm linh với ý niệm và tư tưởng tự do. Cả ba yếu tố quyết định nhau trong một vùn điệu tuyệt vời tiếp nối: vùn điệu trần ai.

Tất cả những di tặc tìm thấy trong cấu trúc di truyền của con người năm rải rác không thử tự trên 23 nhiễm sắc thể mà trong bài viết này tác giả đã thi vị hóa mà gọi là 23 bức chân dung. Hai mươi ba nhiễm sắc thể được sắp theo thứ tự lớn trước nhỏ sau. Cách trình bày của tác giả có thể gây nhiều hiểu lầm. Cấu trúc bài viết sẽ không theo thứ tự nào và khi đề cập đến một nhiễm sắc thể với một di tặc và một cá tính không có nghĩa là "bức chân dung" đó chỉ có thể. Sự thật phức tạp hơn nhiều lầm. Quí vị có thể tìm hiểu thêm, bằng cách vào một thư viện y khoa bất kỳ ở xứ sở nào trên thế giới sẽ có một hệ thống điện não gọi là Medline search khoảng từ năm 1966-2001 và tìm về đề tài quý vị muốn rõ. Trong đó có tóm tắt và liệt kê những phát minh, khám phá được đăng tải trên các tập san khoa học từ khắp nơi trên thế giới từ bấy lâu nay. Chỉ vài năm trước đây thôi nhiễm sắc thể DNA của con người đối với chúng ta là một bí mật sâu thẳm. Chúng ta hầu như không biết gì cả ngoài những cấu trúc sơ đẳng. Ngày hôm nay lần đầu tiên, tôi xin nhắc lại là lần đầu tiên một thế hệ con người đã mở toang cánh cửa bí mật. Chúng ta đang sống qua một cái mốc quan trọng của lịch sử, chúng ta là thế hệ đầu tiên sau 4 tỉ năm mù mịt đã nhìn thẳng vào mặt hóa công. Những phát minh này đang mang lại cho chúng ta nhiều giải đáp nhưng cùng đồng thời mở ra hàng ngàn câu hỏi, muôn vàn nghi vấn khôn nguôi.

(còn tiếp)

Võ Thanh Liêm

Tim lại Thông Luận và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :

<http://www.thongluan.org>

## Tổ chức Hợp tác Thượng Hải

Cuộc họp mặt giữa các chủ tịch Trung Quốc, Nga, Ka Dắc Tăng, Kia Gít Tăng, Út Bé Kít Tăng, và Tát Gi Kít Tăng tại Thượng Hải vào những ngày 15 và 16-6-2001, đã đưa đến sự ra đời của một tổ chức khu vực mới, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải. Mục tiêu đầu tiên của tổ chức này là chống lại những lực lượng gọi là "*khủng bố, cực đoan và ly khai*". Những văn từ này ám chỉ các phong trào độc lập U I Gua tại vùng Tân Cương ở Trung Quốc cùng như các tổ chức Hồi giáo thuộc khuynh hướng Taliban tại Ấp Ga Nít Tăng. Tiến trình Thượng Hải bắt đầu cách đây năm năm với những cuộc hội đàm giữa Trung Quốc và những láng giềng để giải quyết các vấn đề biên giới. Đây là lần đầu tiên mà Trung Quốc đóng vai trò chủ động trong việc thành lập một tổ chức địa phương. Bắc Kinh đã tranh thủ được việc Ka Dắc Tăng chế ngự những thành phần U I Gua cản cứ trên nước này. Một cách tổng quát hơn, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải là một công cụ để Trung Quốc nói rộng phạm vi ảnh hưởng của mình về một vùng mà cách đây mười năm còn thuộc chủ quyền của Liên Xô. Chánh quyền Nga dành phải ủng hộ Tổ chức Hợp tác Thượng Hải, một mặt để có tiếng nói, mặt khác để dùng nó như một công cụ để chống trả xu hướng "*bá chủ*" của Hoa Kỳ.

## Tình trạng Bắc Triều Tiên

Tình trạng khủng khiếp của nước Cộng hòa Nhân dân Dân chủ Triều Tiên xuất hiện dần dần qua những câu chuyện của người tỵ nạn. Theo một người đã thoát khỏi trại tù, Bắc Triều Tiên thiếu đồ ăn đến nỗi "*chuột cùng chết đói*". Trong những trại tù, phần ăn của mỗi tù nhân là năm mươi hột bắp một ngày. Viện trợ quốc tế không đến tay dân chúng. Công chức, quân nhân bình thường cũng đói. Trước khi diễn binh, người ta phải chọn những lính còn có khả năng diễn hành. Ông đã chứng kiến những cuộc hành quyết mà "*nhiều người bị xử tử chỉ vì đã ăn trộm ba quả trứng hai môt ký lô rưỡi bắp*". Mặt khác, co khi chính công an lại bắt dân du dãng đi ăn cắp cho họ. Các chuyên gia của Chương trình Lương thực Thế giới ước

lượng rằng người dân Triều Tiên sống với 200 g một ngày. Chánh quyền Bình Nhưỡng thừa nhận rằng 220 ngàn người đã chết đói từ giữa thập niên 1990 nhưng các tổ chức từ thiện nhơn con số đó gấp năm. Trong một hội nghị của Quỹ Trẻ em Liên hợp Quốc (Unicef), phó bộ trưởng bộ ngoại giao Bắc Triều Tiên đã "cho biết" rằng trong năm năm qua, tỷ lệ tử vong của trẻ con dưới năm tuổi đã lên từ 27/1000 tới 48/1000 trong khi tuổi thọ của người Bắc Triều Tiên từ 73 xuống còn 67 tuổi.

Những người tỵ nạn Bắc Triều Tiên thường chạy sang Trung Quốc, đặc biệt là tại những vùng biên giới có nhiều người Hoa gốc Triều Tiên. Để giữ mối quan hệ tốt với Bình Nhưỡng, Bắc Kinh từ chối quy chế tỵ nạn cho những người này nhưng không đuổi họ. Không nói ra, nhưng hai nước này coi hiện tượng đó như một phương tiện để tiếp hối chế độ Bắc Triều Tiên vì những số tiền và món quà mà người tỵ nạn gửi cho thân nhân ở lại Bắc Triều Tiên. Nhưng gần đây, một gia đình tỵ nạn đã vô được một cơ quan của Cao Ủy Tỵ nạn tại Bắc Kinh và sau nhiều ngày giằng co, đã tranh thủ được quyền tỵ nạn tại Nam Hàn. Ngay sau đó Bắc Kinh làm một chiến dịch ruồng bắt người tỵ nạn Bắc Triều Tiên. Hàng người bị bắt và đuổi về nước trong những trại cải tạo.

## Các lãnh tụ Khơ Me Đỏ vẫn chưa bị xét xử

Ba năm sau cái chết của Pol Pot và sự đầu hàng của tàn quân Khơ Me Đỏ, các đầu não Khơ Me Đỏ như Nuon Chea (nhân vật số hai của chế độ cũ), Ieng Sary (số ba) hay Khieu Samphan ("ngoại trưởng" của Pol Pot) vẫn sống tự do. Những cuộc đàm phán giữa Phnom Penh và Liên hợp Quốc Sứ nhằm thiết lập một "*toàn án Cămpuchia có tầm vóc quốc tế*" để xét xử các lãnh tụ Khơ Me Đỏ kéo dài vì chánh quyền Cămpuchia muốn giữ độc lập trong khi các đại diện của Liên hợp Quốc ngờ ngờ trình độ và sự lương thiện của tư pháp Cămpuchia. Một cách tổng quát, vụ kiện vấp phải sự miễn cưỡng của chánh quyền Cămpuchia cũng như sự thờ ơ của quốc tế vì nó sê khơi lại vai trò của những nhân vật

# THỜI SỰ ... TÌM TỨC ... THỜI SỰ

lãnh đạo nước Căm Pu Chia hiện nay, thủ tướng Hun Sen và vua Norodom Sihanouk, cũng như thái độ của những nước như Trung Quốc, Thái Lan hay Hoa Kỳ, đã từng ủng hộ chế độ Kho Me Đỏ trong những năm đó chỉ vì họ muốn chống lại Việt Nam.

## Quân du kích Nê Pan bắt 71 cảnh sát

Quân du kích cộng sản Nê Pan đã bắt sống 71 cảnh sát viên sau một cuộc xung đột xảy ra vào thuần lề thứ hai tháng 7-2001. Trước đó vài ngày, họ đã giết chết 40 cảnh sát viên. Phong trào cộng sản Nê Pan lợi dụng sự suy yếu của chế độ quân chủ Nê Pan sau vụ tàn sát gia đình hoàng gia do thái tử Dipendra để tăng cường các chiến dịch phá hoại.

## Hoa Kỳ gia tốc chương trình phòng chống hỏa tiễn

Thứ trưởng quốc phòng Mỹ, Paul Wolfowitz đã cho biết là Hoa Kỳ xây dựng một số căn cứ hỏa tiễn chống hỏa tiễn tại Alaska. Kế hoạch này sẽ bắt đầu năm tới và theo dự trù sẽ được hoàn tất vào năm 2004. Ông cũng cho biết là hệ thống phòng chống hỏa tiễn của Mỹ sẽ có "nhiều lớp", trên đất, trên không, trên biển, thậm chí trên không gian. Ông nhìn nhận là dự án của Mỹ vi phạm Hiệp ước Phòng chống Hỏa tiễn (*Anti Ballistic Missile Treaty*) được ký giữa Hoa Kỳ và Liên Xô vào năm 1972 : "Chúng ta sẽ phải rút khỏi hoặc thay thế". Về phía Nga, đường như điện Cẩm Linh đã từ bỏ ý định ngăn cản Hoa Kỳ tiếp tục chương trình phòng chống hỏa tiễn của họ. Cố vấn tổng thống Putin về những vấn đề quốc phòng, Igor Sergueiev tuyên bố : "Chúng tôi sẽ không năn nỉ Hoa Kỳ tôn trọng hiệp ước ABM mà sẽ chuẩn bị một số biện pháp mà chúng tôi sẽ thi hành tùy theo tình thế".

## Nghị quyết về tự do tôn giáo ở Việt Nam của Quốc hội Âu châu

Phỏng dịch theo ấn bản tạm thời đã được làm vào ngày 5-7-2001 :

Chiếu theo các nghị quyết về tình hình Việt Nam ngày 19-01-19995, 15-5-1997, 16-3-1998, 16-10-2000 và dựa

trên các sự kiện và nhận định sau đây:

A- Việt Nam, với tư cách thành viên của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, có nhiệm vụ bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và thờ cúng của người dân như đã được định rõ tại Điều thứ 18 của công ước này;

B- Điều thứ 70 của hiến pháp Việt Nam bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân Việt Nam;

C- Tình trạng căng thẳng thêm giữa nhà nước và các tổ chức tôn giáo Việt Nam cũng như nhiều trường hợp đàn áp các lãnh tụ tôn giáo sau đại hội IX của Đảng cộng sản Việt Nam;

D- Trong báo cáo vào tháng Ba năm 1999 ông Abdeldattah Amor, Báo cáo viên đặc biệt về bất bao dung tôn giáo của Liên Hiệp Quốc, đã phê phán tình trạng đàn áp tôn giáo tại Việt Nam;

E- Các nhà lãnh đạo giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) vẫn bị đàn áp trong đó có: hòa thượng Thích Huyền Quang, bị bắt giữ nhưng không có xét xử trong 20 năm, được trả tự do năm 1997, nhưng từ đó tới nay vẫn bị quản chế tại nơi bị giam giữ cũ; hòa thượng Thích Quảng Độ, được ân xá năm 1998 sau 20 bị tù nhưng nay lại bị án quản chế hành chánh hai năm vì đã tìm cách mang thuốc cho hòa thượng Huyền Quang, Quyền Tăng Thống giáo hội PGVNTN;

F- Trường hợp đàn áp Công giáo qua việc bắt giam linh mục Nguyễn Văn Lý vào ngày 17-5-2001;

G- Việc đàn áp toàn thể các giáo hội mà nhà nước Việt Nam không công nhận như giáo hội Cao Đài, Hòa Hảo và Tin Lành;

H- Việc đàn áp hung bạo những cuộc biểu tình đòi lại đất đai đã bị tịch thu, vào tháng Hai năm 2001, của những sắc tộc ở Tây Nguyên và sự nghiêm cấm họ theo đạo Tin Lành;

F- Bảo vệ nhân quyền và những nguyên tắc dân chủ là một yếu tố quan trọng trong Hiệp ước 1995 ký kết giữa Liên Hiệp Âu châu và Việt Nam,

## Quốc hội Âu châu

1- kêu gọi chính phủ Việt Nam thực thi

những khuynh cảo của Báo cáo viên đặc biệt về bất dung tôn giáo của Liên Hiệp Quốc, đặc biệt là bảo đảm cho người dân quyền hành sử tôn giáo mà họ chọn lựa, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng và hội họp.

2- kêu gọi chính phủ Việt Nam trả lại tự do cho tất cả các tù nhân lương tâm, đặc biệt là hòa thượng Thích Huyền Quang, hòa thượng Thích quảng Độ, linh mục Nguyễn Văn Lý và phải trả lại cho họ quyền tự do đi lại.

3- kêu gọi chính phủ Việt Nam tôn trọng quyền tự do tôn giáo của Phật giáo, Công giáo, Tin Lành cùng tất cả các tôn giáo khác và chấm dứt mọi đàn áp tôn giáo.

4- kêu gọi chính phủ Việt Nam tạo mọi điều kiện cho những người dân, thuộc các sắc tộc Tây Nguyên và đã phải chạy chốn sang Căm Pu Chia, được hồi hương một cách an toàn - trên cơ sở tình nguyện như đã thỏa thuận với Cao ủy tị nạn Liên Hiệp Quốc - và phải bảo đảm cho họ quyền tự do tín ngưỡng.

5- kêu gọi các đại sứ của các quốc gia Âu châu tại Việt Nam theo dõi sát những việc liên hệ tới nghị quyết này và báo cáo đầy đủ cho quốc hội Âu châu trong khung khổ liên hệ giữa các định chế là Hội đồng, Ủy hội và Quốc hội Âu châu.

6- kêu gọi phái đoàn của Quốc hội, đặc trách về liên lạc với các nước thành viên của ASEAN, các nước ở Đông Nam Á và Cộng Hòa Triều Tiên hãy dự trù tổ chức một cuộc viếng thăm Việt Nam để gặp các lãnh đạo tôn giáo, đặc biệt những người đã từng bị giam giữ.

7- đề nghị chủ tịch quốc hội Âu châu chuyển nghị quyết này đến Hội đồng, Ủy hội Âu châu, đến chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các đại diện của các giáo hội PGVNTN, Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo và Tin Lành.

## Hai nhà văn Việt Nam được giải nhân quyền Hellman/Hammett

Nhà văn Bùi Ngọc Tấn và sử gia Phạm Quế Dương là hai nhà văn Việt Nam trong nhóm các nhà văn thuộc 20 quốc gia được trao giải nhân quyền

# THỜI SỰ ... TÌM TỨC ... THỜI SỰ

Hellman/Hammett để công nhận lòng can đảm trực diện với truy bức chính trị, theo tin từ Hội Quan Sát Nhân Quyền (Human Rights Watch, viết tắt HRW) loan báo hôm Thứ Ba.

Mỗi năm, hội HRW trao tặng các giải thưởng này cho các nhà văn toàn cầu bị biến thành mục tiêu truy bức chính trị. Chương trình này khởi đầu năm 1989 khi những người thụ hưởng di sản các nhà văn Hoa Kỳ Lillian Hellman và Dashiell Hammett yêu cầu hội HRW mở chương trình trao tặng các nhà văn bị trói ngại tài chánh vì bị truy bức sau khi trình bày quan điểm của họ. Tổng số tiền các giải năm nay là 175 ngàn đô la.

Bản tin của Hội HRW ghi về tiêu sử 2 nhà văn Việt Nam này như sau:

Bùi Ngọc Tấn khởi nghiệp nhà báo năm 1954, viết phù hợp với quan điểm Đảng CSVN. Dần dần, ông phê phán quan điểm của đảng. Năm 1968, ông bị bắt vì là "phản tử chống đảng và xét lại" và bị giam không xét xử từ 1968 tới 1973. Sau khi ra tù, ông viết truyện ngắn và tiểu thuyết nhưng bị cấm xuất bản, và phải kiếm sống bằng nghề lao động. Năm 1995, ông được cho phép xuất bản lại. Cuốn "Những Người Rách Việc" in năm 1995, và "Một Ngày Dài Đăng Đảng" in năm 1999 cò tính phê phán chế độ nhẹ nhàng. Năm 2000, ông in "Chuyện Kẻ Năm 2000", khui sự thật về chính sách trại tù CSVN. Sách lập tức bị thu hồi và đốt. Ông bị thảm vấn liên tục, và bây giờ bị theo dõi.

Phạm Quế Dương gia nhập Quân Đội CSVN năm 1945 lúc 14 tuổi. Trong 40 năm kế tiếp, ông lên cấp đại tá. Năm 1982, ông là chủ bút Tạp Chí Lịch Sử Quân Sự và để toàn thời gian cho nghề viết. Năm 1986, ông bị mất chức vì không chịu tuân lệnh im lặng trước hiện tượng đấu tố các cán bộ bị trục xuất. Năm 1990, ông bị điều tra và bị tố là ủng hộ Trần Xuân Bách, ủy viên Bộ chính trị của Đảng CSVN, người bị lột chức vì bênh vực chủ nghĩa đa nguyên [chính trị]. Năm 1990, Phạm Quế Dương rút

khỏi Đảng để bênh vực 1 nhà bất đồng chính kiến khác, và trở thành người hoạt động cho dân chủ. Nhà ông bị lục soát nhiều lần, điện thoại bị thu băng, email bị ngăn cản và thường bị công an gọi lên đồn thẩm vấn.

## Về vấn đề suy vong và quật khởi của Việt Nam ở thế kỷ 19 và 20

Mới đây, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học thuộc Hội Nhà văn Việt Nam đã tổ chức một hội thảo hép về cuốn sách của ông Trần Văn Giàu có tựa đề "Nguyên nhân suy vong và quật khởi của Việt Nam thế kỷ 19 - thế kỷ 20". Trong cuốn sách này, ông Trần Văn Giàu đã đặt vấn đề : Tại sao một dân tộc đã ba lần chiến thắng quân Nguyên-Mông, chiến thắng quân "cường Minh" và quét sạch 29 vạn quân Thanh ra khỏi bờ cõi trong mấy ngày mà lại thua 200 quân Pháp ở thế kỷ XIX và chủ soái của quân Việt Nam lại phải tự vẫn ?

Trong hội thảo, có nhiều ý kiến đáng chú ý. Chẳng hạn, có ý kiến "phê phán cách nhìn sai lệch về trách nhiệm của nhà Nguyễn đã để mất nước". Trong khi đó, có ý kiến đánh giá "nhà Nguyễn có công rất lớn trong việc mở đất mới bằng khai khẩn miền Nam" và thừa nhận "nhà Nguyễn có sai lầm trong việc đàn áp Thiên chúa giáo" thay vì phải có "chính sách hợp lý". Có ý kiến cho rằng "nhà Nguyễn thủ cựu đến mức đóng kín cửa nhốt mình "phán hỏi" về sự tiến bộ kỹ thuật của phương Tây có phù hợp với đạo đức Nho giáo không" v.v.

Về sự quật khởi của Việt Nam ở thế kỷ XX, các ý kiến trong hội thảo nhắc đến cuộc chiến tranh Việt-Mỹ 30 năm, đến "chút tình yêu nước Việt Nam" của vị tổng thống cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa là Dương Văn Minh và yêu cầu cần đánh giá cho đúng "nhân vật lịch sử" này.

Cuốn sách với tựa đề như trên của ông Trần Văn Giàu đang được đề nghị là công trình nghiên cứu cấp nhà nước để ông Giàu có điều kiện tiếp xúc với các nguồn tư liệu cần thiết.

## Thi hộ - một dịch vụ mới của "kinh tế tri thức"

Chuyện thi hộ không phải là mới

trong các kỳ thi ở Việt Nam, đặc biệt là thi vào các trường đại học. Nhưng khi việc xây dựng nền "kinh tế tri thức" được hô hào ồn ào nhất, thi thi hộ cũng trở thành một dịch vụ béo bở và đầy tính ..."tri thức" !

Có thể liệt kê một vài thủ đoạn thi hộ được coi là tinh vi, hiện đại như sau. Dùng mực hóa học chép sẵn tài liệu ở nhà. Khi vào thi, gấp đúng phần nào thì chỉ việc dùng một loại hóa chất làm hiện phần tài liệu đó lên để... chép vô tư vào bài thi. Hoặc, khi người thi và người thi hộ đều ở trong một phòng thi, họ đã chuẩn bị sẵn hai bộ hồ sơ có tên họ trùng nhau để họ được ngồi kề nhau. Thế là người thi hộ cứ việc viết chử to và đậm nét để người thi bên cạnh "nhòm" cho rõ và...thản nhiên viết vào bài thi của mình, khỏi cần suy nghĩ. Cách làm này kỳ công, đòi hỏi phải có...trí tuệ cao thì mới trót lọt. Và đổi lại cho việc "lao động trí óc nặng nhọc" như thế, người thi và người thi hộ được "sánh vai" bên nhau từ môn thi đầu tới môn thi cuối. Cùng có trường hợp hy hữu hai anh em sinh đôi đi thi hộ cho nhau và chỉ có giám thị...giới mới phát hiện ra được, nếu họ không để lộ đặc điểm ngoại hình nào khác nhau. Để tất cả cho sự thành công của việc...thi hộ, máy điện toán và điện thoại di động cũng được khai thác hết tính năng.

Người đi thi hộ, dĩ nhiên, phải có trí lực hơn người, nói nôm na là giỏi giang hơn người được thi hộ. Vì thế, những sinh viên giỏi của các trường đại học đang trở nên...có giá trong dịch vụ thi hộ này và là thường đối tượng trong "tâm ngắm" của các cô tú, cậu tú vốn mải chơi, nhưng thích "oai" được làm sinh viên đại học. Đi cùng với dịch vụ thi hộ là hàng loạt các tiêu cực khác, như giả mạo bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông v.v...

Cùng như các loại hình "dịch vụ" khác, "nghề thi hộ" cũng có rủi ro. Chẳng hạn, khi người ta thay đổi cách đánh số báo danh trong phòng thi, thì người thi hộ và người được thi hộ rất có thể bị tách ra, anh ở đầu phòng thi, em ở cuối phòng thi. Đến nước ấy, em chỉ có ngồi...gặm bút cho đến hết giờ thi.

# THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

## Bảo tàng nghệ thuật biểu diễn truyền thống

Dự án xây dựng Bảo tàng Nghệ thuật Biểu diễn Truyền thống tại khu Láng Hạ, Hà Nội, với tổng kinh phí ước tính khoảng 62 tỉ đồng Việt Nam đã được hình thành. Trong bảo tàng, các nghệ nhân sẽ được dựng tượng bằng sáp (loại vật liệu lần đầu được sử dụng ở Việt Nam) trong tư thế biểu diễn. Các khung cảnh biểu diễn cũng sẽ được dàn dựng theo đúng yêu cầu của mỗi thể loại nghệ thuật truyền thống. Bảo tàng có sân khấu với sức chứa 200 người, sẵn sàng biểu diễn ca nhạc, chèo, tuồng, cải lương v.v.

Bảo tàng Nghệ thuật Biểu diễn Truyền thống sẽ được xây dựng trên một khu đất rộng bảy ngàn mét vuông và cao 20 tầng. Một đội ngũ nhân viên phục vụ trong bảo tàng cũng đang được chuẩn bị với những yêu cầu về ngoại ngữ, lý luận và nghệ thuật biểu diễn.

## Làm thế nào để Việt Nam có các nhà doanh nghiệp lớn ?

Đó là câu hỏi quan trọng được đặt ra tại cuộc hội thảo do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vừa tổ chức với sự tham gia của các giám đốc doanh nghiệp, các nhà sử học, các nhà văn v.v... Từ xưa đến nay, Việt Nam luôn luôn thiêu (nếu không nói là chưa có) những doanh nhân cờ lờn có khả năng thúc đẩy nền kinh tế của đất nước phát triển. Các ý kiến nêu ra là các giám đốc doanh nghiệp vẫn được sử dụng như những người "vạn năng", làm được tất cả mọi việc, nay được dùng cho việc này, mai thay đổi việc khác. Thành ra, họ không phải là những người "nhất nghệ tinh, nhất thân vinh", có chuyên môn sâu một lĩnh vực và cuối cùng là chẳng đâu vào đâu, cái gì cũng..."lơ to mo". Mặt khác, khi các giám đốc doanh nghiệp có chỗ đứng bắp bênh như thế hoặc chuẩn bị "hạ cánh" (về hưu), họ không tránh khỏi tâm lý "ăn xổi", "đánh quả", xà xéo, thu vén để việc "hạ cánh" được "an toàn". Trong khi đó, các giám đốc doanh nghiệp ngoài quốc doanh lại bị phân biệt đối xử, "nhất bên trọng, nhát bên khinh" so với giám đốc doanh nghiệp nhà nước, nên giám đốc doanh

nghiệp doanh dân muốn trở thành doanh nhân lớn thì còn khó khăn hơn bội phần.

Các ý kiến đề nghị, để có giải pháp cho việc nói trên, các giám đốc doanh nghiệp phải được tuyển chọn thông qua cơ chế cạnh tranh trên thị trường. Hiện nay, thực hiện được việc này là rất khó. Bởi vì, hàng loạt chủ trương chính sách không rõ ràng, như chưa có qui định về mức lương, về quyền hạn của giám đốc doanh nghiệp v.v. Các ý kiến cũng khuyến cáo: nhân tố con người cần được coi trọng như một tài nguyên chiến lược vô giá ở Việt Nam và tài nguyên này phải được khai thác hợp lý, làm cơ sở tinh thần để các giám đốc doanh nghiệp có thể trở thành doanh nhân có tầm cỡ.

## Luật về đội mũ bảo hiểm đi xe máy - Lầm điều nhiều khê !

Dân trong nước đang ồn lên về chuyện luật bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy sẽ có hiệu lực nay mai, (lẽ ra là đã có hiệu lực vào ngày 1.6 năm nay rồi). Vấn đề không phải là chiếc mũ bảo hiểm bằng nhựa (chất dẻo) có giá từ hơn trăm nghìn (mũ sản xuất trong nước) đến hơn ba trăm nghìn một chiếc (mũ nhập ngoại), mà là người ta đã hình dung thấy việc đội mũ bảo hiểm không mấy phù hợp với điều kiện sinh hoạt của người Việt Nam, đành rằng không ai phủ nhận nó có tác dụng hạn chế chấn thương ở vùng đầu của người đi xe máy khi xảy ra tai nạn. Thôi thì ... xung quanh việc này mỗi người một ý. Người vặn vẹo rằng, cái mũ chỉ bảo hiểm được cái đầu thôi. Khi xảy ra tai nạn, chân, tay hay các phần khác của cơ thể, kể cả cái "của quý" thì bảo hiểm bằng gì ? Chẳng nhẽ lại mặc quần áo giáp ! Rồi, giữa cái nóng mùa hè 35-37 độ mà phải đội mũ bảo hiểm kín mít thì "tho" làm sao được ! Diện viên đi biểu diễn thường phải trang điểm trước ở nhà, tóc tai đâu vào đấy. Vậy mà phải chui đầu vào mũ bảo hiểm, thì thử hỏi còn gì là mái tóc đã dày công "tôn tạo" và thời gian đâu để làm lại tóc trước khi ra mắt khán giả ? Đây là chưa kể, khi đã chụp cái mũ bảo hiểm vào đầu thì ra đường người quen cùng khó nhận ra. Mà nếu có nhận ra, thì gọi làm sao đây.

Không lẽ phỏng xe lên chèn ngang xe bạn ? ...

Ở Việt Nam hiện nay có khoảng 6 triệu xe máy. Nếu toàn dân đội mũ bảo hiểm, thì người chẳng cần giàu trí tưởng tượng lầm cũng có thể liên tưởng dòng người đi xe máy đông đúc trên các phố phường và đội mũ bảo hiểm với những dòng sông...dưa hấu đang hối hả trôi ! Vì cái sự lầm chuyện nhiều khê như thế mà luật đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy vẫn còn nằm trên bàn của những người làm luật ở Việt Nam, ít nhất là cho đến hôm nay.

## Tiếp theo trang 4

... Đặc quyền của Đảng Cộng sản và của Mặt trận Tổ quốc là hai chướng ngại vật lớn nhất chặn đường tiến của dân tộc Việt Nam trong mấy thập niên qua.

## Mở đường cho chuyển hóa

Trên đây không đề cập đến những điều khác cần sửa đổi, vì nó chỉ làm được, và chỉ cần nêu ra một khi đặc quyền của Đảng Cộng sản và Mặt trận Tổ quốc đã bị xoá bỏ, và Quốc hội đã lấy lại quyền mà hiến pháp đã dành cho mình, là "cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân" và "cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước" Việt Nam.

Việc tu chỉnh hiến pháp để mở đường cho nước và dân Việt Nam vươn lên và bắt kịp các láng giềng là một việc các ủy viên Bộ Chính trị và đại biểu Quốc hội hiện tại có thể làm được trong nhiệm kỳ hiện tại của họ nếu họ muốn được đi vào lịch sử với uy danh là những người sáng suốt, tiến bộ và can đảm đã lập được kỳ công là cứu nước ra khỏi một tình trạng bế tắc. Đồng thời, họ cũng phần nào cứu Đảng khỏi tình trạng danh dự bị hoen ố trong sự khinh khi và bất tín nhiệm của quốc dân. Cuối cùng, và quan trọng hơn cả, những quyết định táo bạo trên đây, thực hiện trong khung cảnh hiến pháp, sẽ mở đường cho một sự chuyển hóa từ tình trạng độc tài, lạc hậu hiện tại sang một tình trạng dân chủ, tiến bộ một cách êm thắm, tránh cho xú sô và dân chúng những xáo trộn có thể đưa đến hỗn loạn mà hậu quả khó lường được.

Tôn Thất Thiện

## Thư độc giả

Tôi thích đọc sách về Phật, Khổng, Lão, Mạnh Tử và Trung dung ... Đó là triết lý Đông Phương ngày xưa, ngày xưa. Hay sách *Học làm người* của Nguyễn Hiến Lê của giữa thế kỷ XX vừa qua. Trời hời ! Sách nào cũng dạy "đạo làm người", nhút là yêu tổ quốc và dân tộc của mình trên hết. Bởi "trung-hiếu-lễ-nghìa" làm đầu !

Nhân dịp, tôi được thiệp mời ra mắt sách của Nguyễn Gia Kiểng, quyển *Tổ quốc Ăn năn*. Nghe cái tựa là giận điếng người rồi. Tổ quốc mà Nguyễn Gia Kiểng lại bảo ăn năn ! Tôi phát bệnh luôn, nên không đến dự được. Nhưng, tôi quyền *Thành công Thế kỷ XXI*, do Tập hợp Dân chủ Đa nguyên ra mắt. À há ! Tôi phải đi dự mới được. Và luôn tiện ủng hộ luôn quyền *Tổ quốc Ăn năn*. Đem về đọc. Vì sao tôi đi dự ra mắt quyền *Thành công Thế kỷ XXI*? Vì tôi được Nguyễn Văn Huy gởi bản thảo *Thành công Thế kỷ XXI* cho tôi đọc trước đó. Khi tôi đọc vài lần quyền ấy, lòng lâng lâng ... Có niềm hy vọng ... Tôi phone một vài người bạn đồng minh. Tôi nói : "Trời ơi ! Nếu thực hiện được 50% trong quyền này, thì Việt Nam ta sẽ hạnh phúc biết bao ! Chớ thực hiện 100% thi rất là khó. Vì sao ? Vì Việt Nam ta còn thành kiến "cố lỗ hủ lầm !". Đầu dây bên kia cười như ngạo tôi : "Thôi bà nội ! Bà mơ mộng quá !". Hết chuyện để tôi nói ! Tôi bèn xoay qua chuyện khác.

Hôm rày nhận được vài ba tờ nguyệt san gởi từ bên Mỹ. Có hai ba bài viết về *Tổ quốc Ăn năn* của Nguyễn Gia Kiểng. Có bài khen, cũng có bài lusing chửng, và cũng có bài hơi trách ông Kiểng. Ôi thôi. Tư tưởng mỗi người mỗi khác đó là lẽ đương nhiên. Riêng tôi, thì tôi chỉ cho là được 50%. Nhưng còn ông Kiểng lại nói : "Mười điều ông nói hay làm, mà chín cái sai, chỉ một trúng cùng đủ rồi". Ông Kiểng hơi khiêm nhường chửng ? Có thể là như vậy. Còn Khổng Tử nói : "Thấy người ta có một trăm điều quấy, mà chỉ một điều đúng là cũng hay tốt rồi". Ông Kiểng học theo Khổng Tử đấy ? Có thể ... .

Về việc ông Kiểng nói : Nguyễn Huệ, Đinh Tiên Hoàng, v.v. tôi không thèm nghĩ đến. Đó là tư tưởng riêng của

ông. Mà tôi chỉ nghĩ đến việc hôm nay và tương lai cho tổ quốc và dân tộc Việt Nam của chúng ta hiện tại. Nhưng bàn thờ tổ quốc không thể nào xóa bỏ được. Ông Kiểng bảo : "Bỏ và xóa để đổi mới hết tất cả". Trời hời ! Làm sao tôi dám từ chối, tôi không phải là người Việt Nam đây ? Bài thơ *Chẳng Bao Quên* mà báo *Thông Luận* đăng tháng 9 năm 1999 đã nói rõ lòng tôi rồi. Bởi khi đọc bài của ông Kiểng viết có câu : "Dân Việt Nam ta không hèn. Nhưng vì bị đả thương quá nặng". Tôi bị rung động và cảm hứng, bèn làm bài thơ gởi riêng tặng cho Kiểng. Nhè ông đăng lên báo *Thông Luận*. Vài tuần sau là họ chụp cho tôi cái mù to tướng lên đầu. Họ nói là : "Đạo này Việt Dương Nhân bắt tay với Việt cộng". Trời hời ! Tôi mà Việt cộng ? Nhưng rồi sau đó, cung êm êm. Nên bây giờ tôi bị nghi ngờ lầm lầm. Nhưng không sao ! Nước từ từ chảy tối. Người ta cũng sẽ hiểu tôi hiện tại tương lai cũng như quá khứ những gì tôi đã làm (khỏi cần biện minh hay kể lể làm chi cho mệt). Tôi chỉ chống bất công trên cõi đời này. Và, tôi theo đường lối mà tôi thấy trúng với lòng tôi thôi. Đời ! Đời thì ai ai cũng sẽ chết. Nhưng sống thì phải biết chút ít gì mình đang sống chứ ? Cây cỏ còn biết đem sự xanh tươi. Bông hoa còn biết khoe sắc đưa hương cho người đời mến chuộng. Huống chi là làm người ?

Để trả lại quyền *Tổ quốc Ăn năn* của Nguyễn Gia Kiểng. Một quyền sách không có địa chỉ của tác giả và nhà xuất bản, mà chỉ có tên tác giả thôi. Theo tôi thì thấy rất hiếm có như thế. Phải chăng Nguyễn Gia Kiểng sợ, hay là ... gì đó chửng ? Nhưng dù gì đi nữa, tôi cũng được nói ngay mặt Nguyễn Gia Kiểng là : "Anh đè tựa "Tổ quốc Ăn năn" nghe hơi hồn đấy !". Anh Nguyễn Gia Kiểng trả lời rất vui vẻ : "Thì chí cứ viết lên đi". Thì đêm nay tôi viết đây. Nhưng không biết bài này có được đăng không ? Tôi viết theo tôi nghĩ, với tấm lòng chân thật, chứ không có ai bảo hay ép bức tôi viết cả.

Để kết luận bài này, Nguyễn Gia Kiểng muốn nhiều người nói lên tư tưởng riêng của mình. Cũng có thể nói là anh khiêu khích. Nhưng dù sao đi nữa, trong những ngày sắp tới còn rất nhiều bài khác để chúng ta đọc và suy

## Mục lục

1. Chính sách VN tại Tây Nguyên  
Thông Luận
2. Nào trạng Công giáo Hồ Nai  
Nguyễn Gia Kiểng
3. Các ủy viên bộ chính trị ...  
Tôn Thất Thiện
4. Quản chế hòa thượng Quảng Độ ...  
Trần Thanh Hiệp
5. 13. Phải cải cách chính trị ...  
Trần Khuê - Nguyễn Thị Thanh Xuân
6. Phạm Quế Dương
7. Tạp ghi  
Nguyễn Phi Phụng
8. Cùng cố chỗ đứng Cao Ủy Tị nạn  
Nguyễn Văn Huy
9. Người thương người ...  
Bùi Tín
10. Chuyển đổi kinh tế XHCN và  
công cuộc "đổi mới" ở VN.  
Nguyễn Ngọc Hiệp
11. Di tản và con người  
Võ Thanh Liêm
12. Tin tức thời sự
13. Thư độc giả

luận. Tôi ít khi khen ai quá lời và cũng hiếm chê bai ai thậm tệ. Bởi làm người, ai cũng có cái hay mà cũng có cái dở. Nên hãy suy xét kỹ càng, rồi mới dám khẳng định việc đúng hay sai. Mong ông Kiểng viết tiếp nữa. Quyền *Tổ quốc Ăn năn* như là tảng đá to lòn lieng vào cái biển hồ mà trên mặt lằn dưới đáy đang có sóng lớn đang chao động khá mạnh... Có lẽ, Ông Kiểng muốn khơi động thêm lòng người hiện tại để tìm xem ai là người thật sự yêu tổ quốc quê hương và dân tộc Việt Nam ?

Tôi không theo phe ai cả. Mà chỉ chống bất công, bạo quyền, bạo lực và độc tài trên cõi trần này. Tôi muốn toàn thế giới (nhân loại) đều sống tự do và thoải mái như tôi đang sống hiện tại bây giờ thôi.

Cầu mong đất Mẹ yên lành  
Tự do dân chủ đoạt thành mau mau  
Toàn dân Việt, đang khát khao,  
Trong, ngoài vui vẻ đón chào tự do.  
(Trên quê hương Việt Nam)

Việt Dương Nhân